



Lương Kim Định (1914-1997)

TƯỞNG NIỆM
TRIẾT-SỬ GIA LƯƠNG KIM ĐỊNH (1914-1997)
Ngày 28 Tháng 2 Việt Lịch

Nam Phong tổng hợp

Mục Lục

Tiểu Sử Triết – Sử Gia Lương Kim Định	Trang 1
Kim Định Cuộc Đời Và Tư Tưởng - Hồ Phú Hùng	7
Cuộc Luận Chiến ... Tư Tưởng Kim Định - Lê Minh Khai	27
Sử Gia Lớn Nhất (Không Được Biết...) Của Việt Nam - Lê Minh Khai	31
GS Kim Định Người Khởi Nguồn Học Thuyết Triết Việt – Huy Văn	34
Người Cả Đời Tìm Triết Lý Trên Trống Đồng Đông Sơn – Dương A.Phát	36
Những Sai Lầm Ngộ Nhận Về Cổ Triết Gia Kim Định – Lê Việt Thường	39
Tưởng Nhớ Triết Gia Kim Định Nhân Kỷ Niệm 100 Năm Ngày Sinh	43
Lương Kim Định Một Sĩ Phu Lớn Của Thế Kỷ XX – Nguyễn Khắc Mai	46
Hành Trình Kim Định và An Việt – Vũ Khánh Thành	50

Triết-Sử gia LƯƠNG KIM ĐỊNH sinh ngày 15.6.1914 tại Trung Thành, Nam Định. Sau khi tốt nghiệp triết học tại Giáo Hoàng Chung Viện Sait Albert Le Grand, ông dạy triết tại Đại Chung Viện Bùi Chu (1943-1946). Năm 1947, ngài sang Pháp 10 năm nghiên cứu về triết học tại Institut des Hautes Etudes Chinoise để thu thập tài liệu xây đắp nền triết lý Việt Nam. Trở về nước năm 1957, ngài dạy triết Đông tại Học Viện Lê Bảo Tịnh, Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, Đại Học Vạn Hạnh và Đại Học Đà Lạt.

Từ năm 1960, triết gia bắt đầu cho ra mắt một loạt những cuốn sách về triết Việt, mở đầu là cuốn Cửa Khổng, Triết Lý Giáo Dục, Nhân Bản, Căn Bản Triết Lý Trong Văn Hóa Việt Nam . . . Học giả Linh Mục Vũ Đình Trác viết về công trình của ngài như sau:

“Nhờ công phu mở đường trở về triết Đông của Giáo Sư Bửu Dưỡng và Nguyễn Văn Thích cũng như tâm huyết của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, chương trình triết học Đông Phương được khai giảng tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1958. Sản đường trở về Đông Phương, triết gia Kim Định tiệp đường, đơn thương độc mã, ông lên một nước táo bạo, mở đường đi vào Triết Lâm Việt Nam. Trong suốt 16 năm trời tại giảng đường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, giáo sư đã ảnh hưởng sâu rộng cho cả một thế hệ thanh niên và sinh viên. Mặc dầu bao chống đối, ông đã im lặng xây dựng một hệ thống Việt Nho khá trung thực và hấp dẫn. Không ai có thể chối cãi công phu xây dựng và ảnh hưởng sâu rộng của ông trong lãnh vực văn hóa dân tộc. Từ Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, ông mở rộng mặt trận tới các Đại Học khác: Đại học Đà Lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Thành Nhân và An Giang. Chính trong giai đoạn này ông đã sáng lập chủ thuyết AN VI và VIỆT NHO”.

Nhận định về địa vị của triết gia Kim Định trên trường Việt Nho, Việt Triết – học giả Linh Mục Vũ Đình Trác còn viết như sau:

“Nhờ công khai thác và biên khảo, sáng tác của giáo sư, những bậc thức giả khắp nơi đã suy tôn ông là Triết Gia Việt Nam. Ảnh hưởng Việt Triết và Việt Nho của ông đã gây ý thức cho người Việt khắp nơi nhìn lại thực tại văn hóa của mình. Các đồ đệ của ông đã đáp ứng nguyện vọng của Thầy để khai thác và phổ biến Việt Lý của Thầy qua tổ chức AN VIỆT. Các nhóm An Việt được thành lập khắp nơi: San Jose, Orange, Houston, Louisiana, Washington DC, Philadelphia, Seattle, và tại Canada, Uùc Châu, Anh, Pháp, Đức v.v ... An Vi đã như một luồng gió dân tộc bùng lên khắp nơi có người Việt định cư. Các nhóm này coi Triết Gia Kim Định như bậc Đại Sư, mà họ tôn làm Tổ: TỔ SƯ AN VI, TỘC PHỤ AN VIỆT. Ảnh hưởng của Triết Gia không những thế mà còn lan rộng tới các học giả, triết gia ngoại quốc: Âu Mỹ và khối Viễn Đông”.

Năm 1987 hội nghị Quốc Tế về “Khổng Học Với Thế Giới Ngày Nay” (International Symposium on Confucianism and the Modern World) tổ chức tại Đài Bắc, Đài Loan, qui tụ 400 học giả khắp thế giới. Triết gia Kim Định cùng với Lm Vũ Đình Trác đã thuyết trình đề tài “Đạo Trường Chung Cho Đông Nam Á” (A Tao-Field for South East Asia). Bài tham luận do Giáo Sư Trần Văn Đoàn, Giáo Sư Đại Học Quốc Gia Đài Loan trình bày (Professor of Philosophy at Taiwan National University). Đề tài này đã gây tiếng vang rất lớn trong giới Nho Lâm Á Châu.

Sau đó ngài còn tham dự Hội Nghị Triết Học tại Brighton Anh Quốc năm 1988 (The World Congress of Philosophy) – Hội Nghị Triết Học Á Châu và Bắc Phi lần thứ 33 tại Toronto Canada năm 1990 (The XXXIII International Conference on Asian and North African Studies). Ngài nói với các đồ đệ; **“Thầy phải đi để nói cho thế giới biết con người, tư duy và đạo sống cao đẹp của dân tộc Việt Nam”**.

Nguyễn Ngọc Bích, giáo sư Đại Học Georgetown, Washington DC, viết về triết gia Kim Định trong báo Ngày Nay, số 121:

“Trong nỗ lực đi tìm một con đường Việt Tộc, Nhân Chủ, Tự Do, thì chúng ta phải kể ở hàng đầu công trình đồ sộ của triết gia Kim Định. Ở đâu ông cũng thế, không phải sang Mỹ ông mới tìm “về nguồn”. Việc làm của ông trong một tình cảnh mất mát vô biên, chẳng qua cũng chỉ là nối tiếp công việc của ông đã bắt đầu khi còn ở trong nước, khi còn ở Miền Nam tự do. Từ năm 1962 tới nay, ông đã hoàn tất được 23 cuốn triết học, tương đương với 7000 trang, một mảng tư tưởng mà không dễ mấy triết gia có thể so sánh được. Sự độc đáo ở nơi ông cũng đã là một truyện quá rõ – dầu ta có đồng ý với ông hay không, thì ta cũng không thể phủ nhận được tính cách độc đáo của tư tưởng ông. Ngày nay tham vọng cuối cùng của triết gia Kim Định là sẽ dựng xong một bộ Kinh (hiểu theo nghĩa Bible) cho dân tộc ta. Để thực hiện tham vọng này, ông đã cho in hoặc đang in năm cuốn thuộc bộ “Ngũ Kinh Khải Triết”, đó là: Hùng Việt Sử Ca, Kinh Hùng Khải Triết, Pho Tượng Đẹp Nhất Của Việt Tộc, Sứ Điệp Trống Đồng, Văn Lang Vũ Bộ (số lớn do nhà in H.T KELTON xuất bản). Nếu ai hỏi tôi rằng có nên đọc hay không, thì tôi xin thưa ngay: dứt khoát là có. Tại sao? – Tại vì nếu ta không nhất thiết đồng ý với hết cả ý kiến của ông, ta cũng sẽ được làm thân với một trong những bộ óc triết lý lớn nhất nếu không của nhân loại thì cũng của Việt Nam. Tôi nói điều này trong sự cân nhắc, cũng không khác gì câu tôi sẽ trả lời cho người nào hỏi: Có nên đọc Platon hay Aristote không? Đã nhất thiết gì ta đồng ý với Platon trong tác phẩm La République, nhưng ai không đọc tác phẩm đó, thì chắc chắn mất đi một mảng hiểu biết rộng lớn về triết học Tây Phương. Cũng như vậy, ai không đọc Kim Định cũng không sao, ông sẽ từ tốn mà “an vi”, để chờ một ngày kia người nọ sẽ tỉnh mộng mà trông thấy hết cả cái mất mát của mình”.

Triết gia Kim Định từ trần ngày 25 tháng 3 năm 1997, nhằm ngày 28 tháng năm Đinh Dậu tại dòng Đồng Công hải ngoại, Carthage, Missouri, Hoa Kỳ, hưởng thọ 83 tuổi. Ngài để lại cho đời bộ triết Việt Nho và An Vi, gồm 42 cuốn để giúp cho dân tộc có Chủ Đạo để tránh cảnh vô hướng vô hồn và giúp cho dân tộc có một Minh Triết để sống an vui hạnh phúc giữa Trời và Đất.



Triết Gia Lương Kim Định (1914-1997)
(ảnh minhtrietviet.net)



Danh Sách Tác Phẩm của Kim Định

(bấm vào tựa sách đọc tiếp)

Cửu Khâu
(9 đôi nhỏ - Những vấn đề thiết yếu)

1 – 1.	.Nguyễn Nho (Cửa Khổng)	278 trang	Ra khơi	1965
2 – 2.	Triết Lý Giáo Dục	190 trang	Ca Dao	1975
3 – 3.	Nhân Chủ	306 trang	Thanh Niên QG	USA
4 – 4.	Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên	321 trang	Nam Cung USA	1979
5 – 5.	Chữ Thời	700 trang	Thanh Bình	1967
6 – 6	Vũ Trụ Nhân Linh	230 trang	Khai Trí	1969
7 -7.	Lạc Thư Minh Triết	149 trang	Nguồn Sáng	1971
8 – 7.	Định Hướng Văn Học	237 trang	Ra Khơi	1969
9 – 8.	Loa Thành Đồ Thuyết	187 trang	Thanh Bình	1973
10- 9.	Tâm Tư	348 trang	Khai Trí	1970

Bát Sách

(8 quyển - nền tảng cho nhiều sách sau này)

11 – 1.	.Viết Lý Tổ Nguyên	430 trang	An Tiêm	1970
12 – 2.	.Dịch Kinh Linh Thể	170 trang	Ra Khơi	1970
13 – 3.	.Triết Lý Cái Đỉnh	188 trang	Nguồn Sáng	1971
14 – 4.	.Vấn đề Nguồn Gốc Văn Hóa VN	139 trang	Nguồn Sáng	1973
15 – 5.	.Vấn Đề Quốc Học	157 trang	Nguồn Sáng	1973
16 – 6.	.Hiển Chương Giáo Dục	155 trang	An Tiêm	1970
17 – 7.	.Cơ cấu Việt Nho	285 trang	Nguồn Sáng	1972
18 – 8.	.Tinh Hoa Ngũ Đỉnh	192 trang	Nguồn Sáng	1973

Ngũ Luận

(Kinh điển – Minh Triết Việt)

19 – 1.	Hùng Việt Sử Ca	272 trang	Thăng Mỹ San Jose	1984
20 – 2.	Kinh Hùng Khải Triết	241 trang	Thanh Niên QG	USA
21 – 3.	Pho Tương Đẹp Nhất Của Việt Tộc	226 trang	HT Kelton	USA
22 – 4.	Sứ Điệp Trống Đờng	431 trang	Thanh Niên QG USA	1984
23 – 5.	Văn Lang Vũ Bộ	251 trang	H.T Kelton USA	1982

Tam Phần

(Chợ dầu bảo vật dân tộc)

24 – 1.	Đạo Trường Chung Cho Đông Á	111 trang	An Việt Houston	1987
25 – 2.	Phong Thái An Vi	230 trang	An Việt Houston	2000
26 – 3.	Trùng Phùng Đạo Nội	174 trang	Vienamvanhien.net	

Thái Bình

(Mở rộng khắp Thái Bình Dương)

27 – 1.	.Những Di Biệt Triết Lý Đông Tây	222 trang	Ra Khơi	1969
28 – 2.	Hoa Kỳ &Thế Chiến LượcToàn Cầu	185 trang	An Việt Úc Châu	1986
29 – 3.	Cẩm Nang Triết Việt	80 trang	An Việt Houston	1987
30 – 4.	Hưng Việt	125 trang	An Việt Houston	1987
31 – 5.	Thái Bình Minh Triết	225 trang	Thời Điểm	1997
32 – 6.	Gốc Rễ Triết Việt	180 trang	An Việt Houston	1988
				1988
33 – 7.	Việt Triết Nhập Môn	174 trang	An Việt Houston	

Nguồn: <http://www.vietnamvanhien.org/kimdinhh.html>

Kim Định: Cuộc đời và tư tưởng

HỒ PHÚ HÙNG

Thứ bảy, 25 Tháng 7 2015 21:06

Giáo sư Kim Định tên thật là Lương Kim Định, là triết gia, linh mục Công giáo. Sinh ngày 15/6/1915 tại địa phận Bùi Chu, làng Trung Thành, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ông là con trai út trong gia đình, thân phụ mất từ khi ông mới một tháng tuổi. Nhờ công dưỡng dục và nhìn xa trông rộng của người mẹ hiền, ngay từ thuở còn nhỏ, ông được gửi vào chủng viện Bùi Chu. Tại chủng viện Bùi Chu, ông được hưởng một nền giáo dục toàn diện, về đạo đức cũng như về học vấn. Với bản tính ham tìm tòi học hỏi, ngoài những môn học khác và ngôn ngữ La Tinh, ông đã tự học thêm chữ Nho và Pháp văn. Sau những năm tháng say mê và miệt mài học tập, ông được bề trên phân công giảng dạy tiếng La Tinh tại Tiểu chủng viện Ninh Cường, Bùi Chu từ năm 1937 đến năm 1939.

Từ năm 1939 đến năm 1943, ông học thần học tại Đại chủng viện Quàn Phương, Bùi Chu và triết học tại Giáo hoàng Học viện Saint Albert le Grand, Paris. Năm 1943, sau khi tốt nghiệp triết học, ông được thụ phong linh mục và giảng dạy triết học tại Đại chủng viện Quàn Phương, Bùi Chu đến năm 1946. Năm 1947, ông sang Pháp 10 năm để nghiên cứu về triết học, xã hội học và văn minh Pháp tại Institute Catholique de Paris. Trong quãng thời gian này, ông còn theo học về Nho giáo tại Institute des Hautes Études Chinoise (Viện Cao học Hán học).

Trong thời gian ở Paris, nhiều bạn bè người Pháp đã đặt ra những câu hỏi cho ông: *“Việt Nam có triết lí không?”*, *“Các anh có nghĩ đến việc thiết lập một nền Thần học Việt Nam chăng?”*... Vào thời điểm này, một số linh mục người Pháp cũng đưa ra vấn đề tìm hiểu và giải nghĩa Kinh Thánh theo tinh thần của triết học Á Đông. Đại diện cho xu hướng này là linh mục Folliet thuộc dòng Oratoire. Sau này, trong bài *Để tiến tới một nền Thần học Việt* (Dân Chúa, 12/1982), ông đã kể lại lời phát biểu của linh mục Folliet viết trong cuốn Monsieur Pouget như sau: *“Hiện nay người Âu Tây chưa hiểu đúng Kinh Thánh. Sách Thánh xuất phát từ Á Đông, phải do người Á Đông giải nghĩa thì mới mong đúng tinh thần của sách”*.

Trong bầu không khí tinh thần này, ông đã âm thầm nuôi dưỡng một hoài bão lớn là thu thập tất cả tinh hoa của Đông – Tây, hòng xây đắp một nền Triết lí Việt Nam và một nền Thần học Việt Nam. Sau một thời gian tìm tòi và nghiên cứu, ông nhận ra rằng, muốn giải quyết vấn đề Thần học Á Đông thì trước tiên phải tìm cho ra cái tinh thần Á Đông rồi mới mong giải thích Kinh Thánh theo tinh thần Á Đông, và xa hơn nữa là thiết lập một nền Thần học Việt Nam. Vì lí do này, ông đã quay về nghiên cứu tư tưởng Phương Đông: đầu tiên là triết học Ấn Độ, triết học Phật giáo và cuối cùng là Nho giáo. Riêng về Nho giáo, ông đã nghiên cứu thấu đáo về Hán Nho, cho đến Nguyên Nho (Nho giáo Nguyên thủy) và cuối cùng là Việt Nho (Nho của người Lạc Việt). Nhờ có thời gian rộng rãi, nhờ vào nguồn tư liệu phong phú và quý báu từ Thư

viện Quốc gia Paris, Văn khố sử liệu về Việt Nam tại Mission Etrangères de Paris và tư liệu có sẵn tại Viện Cao học Hán học, ông đã lần mò và tìm ra được kho công chôn dấu triết lí và nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

Con đường tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu và sáng tạo của ông về triết lí Nho giáo, về văn hóa và triết lí Việt Nam được thai nghén từ khi ông còn ở Paris, thực hiện khi về lại Việt Nam và sau đó là kéo dài cho đến khi ông về cõi vĩnh hằng. Sinh thời ông bảo rằng, khi còn ở Paris, học giới đã tặng cho ông danh hiệu là Petit Confucius (ông Khổng Tử Nhỏ).

Năm 1957, ông về nước với tâm nguyện đem những chất liệu đã thấm thái xây đắp một nền triết lí hoàn toàn Việt Nam. Từ năm 1957 đến năm 1960 ông dạy triết học Đông tại Học viện Lê Bảo Tịnh, Sài Gòn. Khi Học viện Lê Bảo Tịnh được sáp nhập vào địa phận Sài Gòn thì ông bơ vơ không chỗ dựa, bởi sở học của ông không cho phép ông đi làm linh mục ở một xứ đạo. Trong giai đoạn này ông phải nhờ một số học trò cư mang mình.

May mắn thay, cũng vào năm 1960, ông được Đại học Văn Khoa Sài Gòn mời dạy triết học Đông Phương. Lúc đó triết Đông chưa được chính thức thừa nhận ở bậc đại học, nên trong ba, bốn năm đầu ông chỉ hưởng lương theo giờ dạy. Giai đoạn này, ông vừa giảng dạy theo giáo trình hàn lâm về Nho giáo vừa cho xuất bản những tác phẩm của mình.

Tại Đại học Văn khoa, dòng tư tưởng của ông đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với sinh viên, sinh viên đã theo học ông rất đông. Ông đã công ánh sáng mới lạ của những ngành triết học và khoa học nhân văn hiện đại để soi rọi tận nẻo âm u của kho công cổ học Việt Nam. Những nguồn ánh sáng của Triết học Hiện sinh của Nietzsche, Jaspers và Heidegger, Phân tâm học miền sâu của Carl Jung, Cơ cấu luận của Levis Strauss, Khảo cổ học... đã được ông sử dụng thành những công cụ hữu hiệu cho công cuộc khai sơn phá thạch này.

Nhận thấy công việc đánh giá lại triết thuyết của Khổng Tử là một tình thế hết sức cấp bách nên năm 1965 ông đã cho xuất bản tác phẩm *Cửa Khổng* (Nguyên Nho). Trong lời tựa của *Cửa Khổng*, ông cho biết: *“Nếu đúng theo dự tính của tác giả thì chúng còn bị cất kín trong tủ dăm mươi năm nữa để được suy tư cho thành thực rồi mới nghĩ tới xuất bản. Bởi viết triết lí đòi hỏi phải như thế. Hiếm vì số sách tham khảo về triết Đông còn nghèo nàn và hiếm hoi thái quá nên tôi đành thể theo lời yêu cầu khẩn khoản của một số sinh viên và bạn hữu cho xuất bản với những khuyết điểm của chúng để góp tài liệu vào một bộ môn mà chúng tôi có tham dự, một phần hướng dẫn sinh viên trong việc nghiên cứu.”⁽¹⁾*

Cửa Khổng đã đưa ra những kiến giải mới mẻ và tiến bộ về triết lí Nho giáo mà trước nay ở Việt Nam người ta chỉ gọi học thuyết này là Nho học hoặc Khổng học. Ông cho rằng, triết lí là một nỗ lực tinh thần để con người thoát khỏi tình trạng vong thân và thấu hồi lại quyền tự chủ của mình trước các thế lực thần quyền cũng như thế quyền ở bên ngoài. Triết lí Nho giáo đã đạt được mục đích là giải quyết được

những vấn đề căn bản trên, vì vậy nó là một nền triết lí nhân bản tâm linh trung thực nhất.

Thật là chí lí khi ông cho rằng triết lí Nho giáo luôn luôn xem trọng yếu tố con người và đạo làm người: *“Sự thường người ta không ý thức nỗi tầm cao trọng của con người cho nên chưa coi đạo nhân là cao trọng và xa vời đủ, bởi vậy thường quay ra tìm hiểu về trời đất quỷ thần vốn chiếm chỗ cao hơn trong óc của họ, vẫn được suy tôn là xa vời và thần diệu hơn người nhiều, vì thế số phục vụ cho con người trọn vẹn từ đầu đến cuối trở nên hiếm hoi so với số người phục vụ cho thế lực khác...”⁽²⁾*

Trước trào lưu phát triển mạnh mẽ và thành công của thế giới phương Tây, nhiều trí thức thuộc thế hệ trước của Trung Hoa vô cùng oán hận Khổng giáo, họ cho rằng sự thất bại của đất nước Trung Hoa trong thời cận đại là do di sản của Khổng Tử nên đã đổ tất cả tội lỗi lên đầu ông. Bằng những lập luận vững chắc và hết sức thuyết phục của mình trong *Cửa Khổng*, ông đã minh oan được cho Khổng Tử và Khổng giáo. Để minh chứng điều này, ông dành nguyên một chương có nhan đề *“Những ấn tích Triết lí Khổng lưu lại trên đời sống hiện đại của Tây Âu”*. Trong chương này, ông cho biết các học giả có uy tín tại Tây Âu từng nói về sự ảnh hưởng của học thuyết Khổng Tử đối với công cuộc giáo dục và sự tiến bộ trong xã hội của họ - bắt đầu từ thế kỉ XVIII.

Năm 1965 *Nhân Bản* ra đời nhằm đặt nền móng và khơi lại lòng mến mộ cho đạo làm người. Đây là tác phẩm mở đầu cho lộ trình tư tưởng của ông trên con đường sáng tạo ra nền Triết lí An Vi. Cũng bắt đầu từ đây, ông âm thầm khai quật, hệ thống hóa và liên tục công bố những công trình triết lí cũng như văn hóa Việt Nam trong suốt giữa thập niên 1960 cho đến đầu năm 1975.

Nhân Bản tiếp tục đề cao địa vị và cứu cánh của con người trong vũ trụ nhân linh, một ngôi vua trong ba ngôi vua “Thiên – Địa – Nhân” (Tam Tài). Ông đưa ra khái niệm *thiên khởi, địa khởi và nhân khởi* để đối chiếu, so sánh về vấn đề quan tâm của các nền văn hóa khác nhau như Hi Lạp, Âu Tây và Viễn Đông. Ông đi từ thần thoại Hi Lạp, đến triết học duy lí của Âu Tây, cho đến nhân thoại của Viễn Đông để cuối cùng đưa ra kết luận rằng, không có ở đâu mà con người được đề cao như ở Viễn Đông, quê hương của nền triết lí nhân bản tâm linh. Ông đã mượn bài thơ Vịnh Tam Tài của nhà Nho, nhà cách mạng Trần Cao Vân để lập luận của mình thêm phần mạnh mẽ. Trước khi bàn về bài Vịnh Tam Tài, ông đã đánh giá bài thơ như sau: *“Quả là một bài thơ triết lí có tầm xích mênh mông như vũ trụ. Cái tài tình của bài thơ là tự đầu chí cuối Trời, Đất, Người luôn luôn cùng xuất hiện “ba mặt một lời xoắn xuýt trong nhất thể u linh”⁽³⁾*

Tại sao nền triết lí mà ông xiển dương được gọi là An Vi? Ông cho biết: *“Thuật ngữ an-vi không có trong triết Đông, nhưng chúng ta có thể ong tài-liệu như những câu: “thân lao nhi tâm an, vi chi” 身勞而心安爲之 (Tuân Tử: thân xác nhọc mà lòng an thì cứ làm) để đưa ra thuật ngữ an-vi, tương đương với an hành. Vô vi sẽ là đối cực với hữu vi, cả hai còn ở trong bình diện nhị nguyên, còn an vi sẽ chỉ tâm thức nhất-nguyên lưỡng-cực vượt ra khỏi nhị-nguyên, không hữu cũng như vô, không chống đối nhưng là thấu hóa. Nói an-vi là trong trường hợp đi với hữu vi vô vi. Còn nói*

chung thì nó là đọt trung dung: “hữu nhược vô, thực nhược hư” (LN. VIII. 6) 有若無實若虛 có mà như không, thực mà như giả. Đây là một đọt phải tế vi lắm mới đạt được, vì nó rất mong manh bé nhỏ vô ý một chút là ngã sang hữu hoặc vô.⁽⁴⁾ Như vậy, An Vi chính là quân bình động đích giữa Hữu Vi và Vô Vi.

Nó tiếp công việc chưa làm xong của *Nhân Bản*, năm 1967 ông cho xuất bản *Chữ Thời*. *Chữ Thời* là tác phẩm bàn về siêu hình Kinh Dịch. Ông cho rằng siêu hình Tây Phương là hoàn toàn trừu tượng, siêu hình Viễn Đông tuy cũng trừu tượng nhưng lại đậm rề cụ thể xuống các thể chế như lịch pháp, thiên văn... Đó là phương thức đem triết lý vào cấu trúc của xã hội và cải hóa tâm tính con người. Lời giới thiệu sách của ông tuy ngắn đã nói lên được cốt tủy của *Chữ Thời*, vì vậy tôi trích dẫn lại hoàn toàn:

“Muốn hiểu biết thêm về con người, cần phải biết địa vị của con người trong trời đất, trong vũ trụ, hay nói theo tiếng mới trong không thời gian.

Nhận thấy cơ cấu thời-không cũ đang sụp đổ, tác giả đi gõ cửa những nhà khoa học lớn như Einstein với thuyết tương đối trình bày thời gian như chiều kích thứ tư của vạn vật... rồi đi gõ cửa các triết gia hiện đại nhất là Heidegger tác giả cuốn “Hữu thể và Thời gian”. Sau đó trở lại với Đông Phương khảo sát quan niệm Chữ Thời trong Kinh Dịch, Kinh Thư. Chúng ta sẽ được thích thú nhận ra sự gặp gỡ Tây Đông trên cấp bậc tối thượng. Chúng ta sẽ hào hứng khi khám phá ra nền siêu hình sâu thẳm tiềm ẩn trong Tam Tài, Ngũ Hành, Hồng Phạm, Thái Thất... với nền triết lý của lịch pháp Đông Phương... đặt nền móng cho huyền sử, cung ứng chìa khóa để mở kho tàng bí ẩn của Văn hóa nước nhà hầu xây đắp một nền triết lý Việt Nam mới hợp cho cảm quan của con người thời đại.”⁽⁵⁾

Đây là một cuốn sách mang tính hàn lâm và thuộc vào loại khó đọc nhất trong toàn bộ tác phẩm của ông. Về sau, trong lời bạt của tác phẩm *Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam*, ông bảo rằng, cuốn này là cuốn sách dễ nhất, ông hoàn thành trước kì hạn để bù lại cho *Chữ Thời* – một cuốn sách khó nhất trong bộ sách.

Tuy vậy, tác phẩm này cứ mang một sức mạnh tâm linh to lớn, nó đã làm thay đổi nhận thức của nhiều độc giả. Ông từng cho biết, nhiều người nhờ đọc *Chữ Thời* vài lần mà tự nhiên cảm thấy an nhiên, thanh thoát, và những biến cố ở đời hay cả vấn đề sinh tử cũng không còn nặng nề với họ như trước đây.

Năm 1969 ông cho xuất bản *Những Dị Biệt Giữa Hai Nền Triết Lý Đông Tây*. Với ông, tác phẩm này ghi lại kỉ niệm về một chặng đường mà ông đã đi qua mảnh đất Vô Vi của Ấn Độ. Mục đích của *Những Dị Biệt Giữa Hai Nền Triết Lý Đông Tây* là đánh động tâm thức người đọc để họ nhìn nhận lại giá trị tinh thần của Đông Phương.

Ở đây, ông đã đưa ra những nét đặc trưng của hai nền triết lý Đông – Tây, phân biệt rõ ràng giữa minh triết, triết lí, triết học và cho rằng triết học là cấp bậc thấp nhất về triết. Ông đã chứng minh một cách thuyết phục rằng, Đông Phương thiên về minh triết và triết lí, còn Tây Phương thì thiên về triết học. Ông đã đề cao sứ mệnh của Triết Đông trước sự đổ vỡ của nền triết học cổ điển Tây Phương, và cho rằng một

triết gia Tây Phương ngày nay mà không biết gì đến triết Ấn Độ và Trung Hoa – ít ra về lập trường chung, thì bị ông à thuộc vào thời kì trước khi Colombo tìm ra Châu Mỹ.

Ông đã nêu cao địa vị của triết lí và văn hóa của Ấn Độ trong tư tưởng Tây Phương hiện đại. Từ cuối thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX, những tác phẩm kinh điển của Ấn Độ được lần lượt dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp. Những dịch phẩm này đã được giới trí thức, học giả, văn sĩ của Tây Phương đón nhận một cách nồng nhiệt, và nó đã ghi lại dấu ấn trên tâm thức của con người đương đại.

Tuy là linh mục Thiên Chúa giáo nhưng ông đã đề cao Tâm Đạo và cho đó là chìa khóa để mở kho ông truyền thống. Ông cũng là người đã say mê truyền thống tâm linh của Đông Phương, đoạn trích dẫn dưới đây sẽ cho thấy điều này:

“Bỏ Triết học Âu Châu bước vào Triết lý Đông Phương đọc giả thường bị kích động do một bầu không khí mới mẻ gây ra do chữ Vô. Chữ Vô thường được hiểu như một lý tưởng, khác hẳn với triết học Thái Tây hiểu hữu vi. Vô vi của Lão Trang đã trở thành nhãn hiệu của đạo học. Dẫn thân vào đời đến như Khổng mà còn tiếc xót cái “vô vi chi trị” và “Dục dục vô ngôn” coi như một lý tưởng cao hơn hữu vi, và Khổng Tử đã tu luyện cho đạt tới tứ vô (Tứ tuyệt tú: “vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã”). Bước vào Phật giáo lại càng rõ ràng: ở đây vô ngã được đẩy xa đến nghĩa bản thể, nghĩa là phủ nhận cái tự ngã. Và Phật Đại thặng còn đi xa hơn, không những thoát chấp ngã như Tiểu thặng, mà còn thoát luôn cả chấp Pháp nữa. Hàng trăm quyển “Minh triết siêu việt” (Prajna Paramita) đều xây trên chữ vô, bản “bát nhã tâm kinh” tóm lại cái tinh túy của bộ sách khổng lồ kia vào chừng hai trăm chữ thì trong số đó đã có tới ba chục chữ rồi. Cho nên người ta nói quyển kinh “Bát nhã” vẫn nhất, chỉ có một vần (ekaksari) đó là vần A (VÔ). Thật là một kiểu tóm tài tình: Vi luận đề nòng cốt vẫn xoay quanh chữ VÔ (A).

Thế nghĩa là cái phần đặc sắc và quý nhất của Triết Đông lại là cái học lấy VÔ làm hồn sống. Vô cực đặt trên thái cực. Nhân sinh lý tưởng con người đặt ở VÔ: “Thánh nhân vô công, vô kỷ, vô danh” “Xử dân vô tri vô dục” (LÃO). “Đại nhân vô tư, dĩ đạo vi thể” (Nho: quẻ Kiên). Thánh Gandhi: “Tôi tự diệt cho đến số không” (Je me réduis à ong) là âm hưởng hiện thời lặp lại Ấn Độ giáo xưa xây trên Neti, Neti: không phải là cái này, không phải là cái kia. Bên SAT (hữu) còn có Asat: Vô hữu, cũng như trong phương pháp hành đạo lấy tĩnh lặng làm chủ.”⁽⁶⁾

Giáo sư Kim Định cho rằng nhờ khám phá ra con ông (số không) mà Ấn Độ đã đẩy toán học đi một bước thật xa, lập nên hệ thống thập phân và phát minh ra đại số. Sau này con số ông truyền sang Âu Châu qua ngã Ả Rập. Lúc ấy, không ai ngờ được ảnh hưởng của con ông đối với khoa học. Ngày nay, để đáp lại món quà khoa học kĩ thuật mà Âu Châu đã tặng cho nhân loại, Á Châu sẽ lấy gì để đóng góp? Ông đề nghị, Á Châu nên tiếp tục đóng góp con ông một lần nữa, bởi vì về mặt tinh thần thì sự đóng góp của nó sẽ còn cao quý hơn là đóng góp cho toán học trước đây. Với ông, dịch phẩm *Tibetan Yoga and Secret Doctrines* (Yoga Tây Tạng và Bí Pháp Thượng Thừa), chính là món quà quý báu mà học giả người Anh W. Y.

Evant Wents đã đem về tặng cho Châu Âu. Ông nhấn mạnh: “*Tất cả nhắc lại con ong đã nói trên kia, một con ong tinh thần hay là tâm đạo mà tôi cho là viên thuốc duy nhất có sức chữa được bệnh trạng nhân loại hiện nay.*”⁽⁷⁾

Tâm Tư được xuất bản năm 1970, là gạch nối giữa *Nhân Bản* và *Chữ Thời*. *Nhân Bản* dẫn đến con người toàn diện. *Chữ Thời* dẫn đến việc con người nhận ra cái tâm bao la như vũ trụ của mình. *Tâm Tư* là khoa Siêu lý của Viễn Đông, gọi theo ngôn ngữ Tây Phương là Siêu hình của Viễn Đông. Theo tôi, sở dĩ ông không dùng từ siêu hình, bởi vì đã qua nhiều thế kỉ, nền triết học Âu Tây đã hiểu sai và dùng sai từ siêu hình. Nhiều triết gia hiện đại của họ cho rằng siêu hình trong triết học của Tây Phương bắt đầu từ Aristote trở về sau là thứ siêu hình không đích thực. *Tâm Tư* là phương pháp suy tưởng bằng tâm; dùng ý tưởng để nhận biết sự thật, dùng tình cảm để cảm nghiệm được vẻ đẹp và nuôi dưỡng tâm hồn, dùng chí khí để tu luyện hòng thể nghiệm được chiều kích vũ trụ nơi mình và nhận ra được cái Toàn Thể.

Trong lời tựa, ông đã nói về *Tâm Tư* như sau: “*Khoa an tư hay tâm tư nhằm giúp vào việc nhận thức ra đáp ứng nhu yếu có tính cách vũ trụ của con người đại ngã Tâm linh, sự nhận thức đó cũng được gọi là Ý-thức-vũ-trụ hay là “Thiên địa chi tâm”. Người thường mới có thiên địa chi ý, chi tưởng nhưng chưa có thiên địa chi tâm. Để có được vũ trụ chi tâm thì cần rút bớt nghị lực ra khỏi ý, khỏi tưởng, của tướng đặng đầu tư vào việc hàm súc tinh luyện những mối tình vi tế cho tới khi nào thể nghiệm được qua thân tâm rằng mình cùng với vũ trụ cùng rung theo một tiết nhịp, lúc ấy mới trúng là “thiên địa chi tâm” và đó là chỗ hướng tới của kho tâm tư mà ta có thể gọi là “phép dịch hóa Thân tâm trụ”(dialectique cosme-psycho-somatique) được trình bày trong quyển này qua một hai lối hành xử, dăm ba câu nói, một hai bài thơ.*”⁽⁸⁾

Đích điểm của *Tâm Tư* là “triều văn đạo”. Triều văn đạo là nghe Đạo trong ánh bình minh nguyên sơ, nghe được điệu âm từ miền sâu thẳm, tĩnh lặng. Khi đã ngộ đạo, tâm hồn con người an nhiên tự tại và rộng mở đến vô biên, tình yêu thì tràn đầy và tuôn trào lai láng. Vũ trụ không còn là cái gì xa cách, riêng rẽ mà đã trở thành một với mình.

Để chuẩn bị cho sự ra đời *Việt Lý Tố Nguyên*, ông cho xuất bản *Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam*. Tác phẩm này là bước đầu cho hành trình trở về nguồn của ông. Ở *Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam*, ông đã tìm ra được bóng dáng hồn nước qua lễ gia tiên, qua tiếng vọng của Văn Tổ và Văn Miếu và cũng nêu lên được sự khác biệt cơ bản giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa. Phương pháp huyền sử cũng bắt đầu manh nha tại đây. Đoạn viết sau sẽ cho chúng ta thấy ông đã bắt đầu đề cập đến nguồn gốc văn hóa và dân tộc Việt Nam: “*Nếu ta đưa mắt tinh thần nhìn về quãng thời gian cách đây chừng 4000 năm mà nhìn đoàn người Lạc Việt di cư từ Hồ Động Đình, hay bờ sông Dương Tử để tiến xuống phía nam, thì chúng ta chắc thấy trong quang gánh của những tổ tiên xa xăm đã có quyển Kinh Dịch ít ra ở trạng thái phôi thai. Lúc đó chữ Nho cũng còn đang trong giai đoạn hình thành: có lẽ mới bỏ chặng thắt nút (kết thừng) để đi sang hình chữ con quăng mà ta thấy ông ở đời nhà Chu gọi là chữ khoa đầu, sau đến đời Tấn Hán mới thay thế bằng chữ Lệ như ta thấy hiện nay*”⁽⁹⁾

Việt Lý Tố Nguyên ra đời năm 1970, đánh dấu một giai đoạn sáng tạo vô cùng rực rỡ của ông. Tác phẩm này là tiếng sấm báo động cho một cơn mưa lạ, vì thế nó đã thu hút được sự chú ý của nhiều trí thức và sinh viên thời bấy giờ. Bằng ánh sáng của cổ sử, của khảo cổ học và trực giác siêu việt của một bậc hiền triết, ông đưa ra những kiến giải rất thuyết phục về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh việc tìm về nguồn gốc của dân tộc, ông công bố rằng, dân tộc Việt Nam đã có một nền minh triết sâu sắc và một nền văn hóa rực rỡ, khác hẳn với triết lí và văn hóa của Trung Hoa. Ngoài ra, *Việt Lý Tố Nguyên* còn là cuốn sách thuộc loại “triết lí lịch sử” xuất hiện đầu tiên tại Việt Nam.

Trước khi *Việt Lý Tố Nguyên* được xuất bản, trong lời bạt của *Những dị biệt của hai nền triết lí Đông Tây* ông đã giới thiệu về nó như sau:

“Đây là quyển sách then chốt cho tất cả các quyển khác trong bộ đã ra và sẽ ra, nó quan trọng ngang với Chữ Thờ về đàng sâu nhưng đi lối huyền sử nên dễ đọc hơn Chữ Thờ rất nhiều, vì nó vận dụng rất nhiều huyền thoại của Viễn Đông để soi rọi vào nguồn gốc nước ta về các phương diện văn minh, văn hóa, dân tộc, thể chế, sử ký, địa dư, phong tục, tập quán, lễ giáo v.v... Nó sẽ trả lời cho những vấn đề chưa ai tìm được ra câu đáp: như dân tộc tính là gì? Đây là những đặc tính của dân tộc Việt Nam. Nền văn hóa Việt Nam có những gì phát huy... Những vấn đề này thiếu phần đóng góp của triết lí sẽ không gặp được câu trả lời thỏa đáng, chẳng hạn tại sao ca dao lại có địa vị quan trọng trong văn chương Việt? Hoặc Việt tộc đã đóng góp những gì cho nền văn hóa Viễn Đông? Ý nghĩa các danh hiệu nước ta (Xích Quỷ, Văn Lang, Giao Chỉ...) ý nghĩa tết mồng 5 tháng 5... Việt Lý Tố Nguyên sẽ dẫn độc giả vào những miền xa lạ mà cho tới nay chưa có học giả nào đặt chân đến, tuy vậy rất thiết cận đến tiền đồ tổ quốc chúng ta.” (10)

Đến khi xuất bản *Việt Lý Tố Nguyên*, ông còn giới thiệu thêm về tác phẩm này một lần nữa:

“Đây là công trình của một cuộc khảo cổ khác thường, không dừng lại ở khảo cổ, ở bác học nhưng phóng tầm mắt ra bên ngoài, bên trên, bên dưới khảo cổ, lịch sử, bác học để cố tìm ra những nét căn bản chạy ngầm xuyên qua lịch sử nước nhà, những tính chất có ngay từ đầu và sẽ còn lại mãi mãi với dân tộc, nên gọi là Tố theo nghĩa “bản lại cố hữu”.

Độc giả sẽ nhận ra lối khảo cổ như trên chiếu rất nhiều tia sáng kỳ lạ vào con đường chúng ta phải đi để đến đọt văn minh chân thực. Như thế sự quay về để học lại nguồn gốc nước nhà với mọi khía cạnh văn minh, văn hóa, định chế, sử địa, văn chương... không còn là một việc khảo cổ suông trong thư viện nữa nhưng chính là giúp vào việc kiến quốc, tìm ra và củng cố tinh thần dân tộc, đặt nền tảng vững chắc nhất cho nền quốc học mai ngày vậy.” (11)

Thiết tưởng, những lời giới thiệu của ông về đứa con tinh thần yêu quý nhất của mình ở trên đã nói rất rõ về nội dung của nó. Phải chăng đây là tác phẩm tâm đắc nhất của ông?

Cũng vào năm 1970, ông cho ra đời tác phẩm *Dịch Kinh Linh Thể*. Theo nhận định chủ quan của người viết, cuốn sách này tuy khá mỏng nhưng ẩn chứa một sức mạnh dị thường, bởi nó đã kiến giải được phần thâm sâu và đặc sắc nhất của Kinh Dịch. *Dịch Kinh Linh Thể* còn là một tác phẩm về Kinh Dịch lạ lùng nhất từ trước đến nay của người Việt. Ông không lan man chú giải hết 64 quẻ Dịch và những phần khác trong bộ kinh như những học giả khác mà chỉ chọn vài câu trong phần Hệ Từ và duy nhất một quẻ Kiền để dẫn dắt người đọc đi thẳng vào phần cốt tủy của Kinh Dịch.

Khi nói về Kinh Dịch, ông đưa ra một đề quyết động trời, có thể làm sững sốt người đọc và gây tranh cãi ở tầm cỡ quốc tế. Với ngôn từ của một Ki Tô hữu, ông đã dám khẳng định rằng:

“Người Việt có hai tội tổ tông truyền:

Một: quyển Kinh Dịch là của người Việt

Hai: một số người đọc thì lại đọc theo lối Tàu, lối Tây mà không biết đọc theo lối Việt Nho.

Quyển này nhằm rửa sạch hai tội đó.” (12)

Trước khi đọc cuốn *Dịch Kinh Linh Thể*, tôi đã đọc các sách dịch và chú giải về Kinh Dịch của Phan Bội Châu, Ngô Tất Tố, Nguyễn Duy Tinh. Khi đọc các vị này, tôi nhận thấy Kinh Dịch cũng bình thường như bao sách khác, và nếu như vậy thì Kinh Dịch có gì đặc sắc mà người ta lại ca ngợi. Khi đọc ông, tôi mới ngộ ra được cái tinh hoa của Kinh Dịch. Ông đề nghị đọc Dịch một cách rất sáng tạo, đọc theo lối Kỷ Dịch – đọc Dịch ở nơi thâm sâu của lòng mình. Nếu đọc Kinh Dịch, thực hành và tu luyện theo cách này, con người sẽ đến cảnh giới nội thánh ngoại vương của thánh nhân và có thể an bang tế thế.

Để tiếp nối cuốn *Nhân Bản*, ông cho xuất bản *Lạc Thư Minh Triết* vào năm 1971. Theo tôi, đây là hai tác phẩm rất then chốt, có thể nói là rất quan trọng, bởi vì nó bàn về tính mệnh và cứu cánh của con người – đích điểm mà chúng ta cần phải đạt đến. Trong *Lạc Thư Minh Triết*, ông khuyến khích một đời sống tự lập, tự cường về mặt tinh thần, ca ngợi và xưng tụng sự cô đơn. Trong sự xa vắng tiếng ồn ào của thế tục và rộn rã của trần gian, con người cô đơn mới dễ dàng tìm lại cội nguồn chân thực của mình, cội nguồn đó chính là Thần – Thần tính Nội tại. Cô đơn còn là cơ hội để sáng tạo và xây dựng nên sức mạnh tinh thần, là ngọn đuốc soi đường cho nhân loại. Ông cho rằng, trong lịch sử loài người chưa có công trình vĩ đại nào mà không được thai nghén trong cô đơn, cũng như không có đại nhân chân thực nếu không được nuôi dưỡng trong cô đơn.

Dù không được ông nói rõ ra nhưng tôi nghĩ rằng, tác phẩm này đã manh nha một nền Thần học Việt. *Lạc Thư Minh Triết* có đôi chỗ bàn về những vấn đề siêu hình của Đông Phương mà các cuốn trên chưa từng đề cập. Theo ông, cơn khủng hoảng của giáo hội Thiên Chúa giáo hiện nay là do nền Thần học Tây Phương gây ra. Ông cho rằng, *“muốn thoát khỏi khủng hoảng thì cần trở về nguồn để tìm ra ý nghĩa chân*

thực của Thánh Kinh khi mới vừa xuất phát, nghĩa là còn trong bầu không khí Đông phương⁽¹³⁾.

Thay vì chọn Thần học Thiên Chúa giáo để giải quyết vấn đề khủng hoảng tư tưởng và sự biến động của thời đại, ông lại chọn nền Minh Triết của Lạc Việt (*Lạc Thư Minh Triết*), nơi mà ông cho là sản sinh ra một nền triết lí nhân sinh tốt đẹp nhất và có thể làm lối thoát cho sự bế tắc tư tưởng của con người Việt Nam hiện đại. Từ một cái nhìn thấu triệt, ông tự mình thoát khỏi tư duy truyền thống của triết học kinh viện và Thần học Thiên Chúa giáo. *Lạc Thư Minh Triết* chắc đã làm cho bề trên của ông không vừa lòng, bởi vì tư duy của ông là tư duy vượt thoát, một tư duy không nô lệ cho bất kì thế lực thần quyền nào. Tuy là linh mục nhưng sách của ông không được phân đông Ki Tô hữu đón nhận một cách nồng nhiệt. Có thể nói rằng, *Lạc Thư Minh Triết* là bức thông điệp của một linh mục Thiên Chúa giáo đã giác ngộ được giá trị thâm sâu của văn hóa Đông Phương, gửi đến cộng đồng Ki Tô hữu của mình. *Lạc Thư Minh Triết* đề nghị một lối sống thật minh triết và hợp với đạo lí của người Việt. Ông bảo rằng, nên tìm đạo ngay trong đời sống thường nhật, tìm cái phi thường trong những cái thường thường. Nếu tìm cái phi thường trong những cái phi thường thì sẽ không bao giờ tìm được, mà trái lại còn khiến đời sống trở nên vô đạo. Cách nói của ông giống như một thiền sư của nhà Phật: Tìm sự giác ngộ trong việc gánh nước, bửa củi, nấu cơm...

Năm 1973, *Loa Thành Đồ Thuyết* ra đời. Khởi hứng từ kiến trúc của thành Cổ Loa, ông đề nghị Loa pháp (phương pháp tròn ốc), tức là phương pháp tu dưỡng cái đạo làm người, và càng ngày càng tiến lên cao theo hình tròn ốc để trở thành hiền nhân, thánh nhân. Theo ông, hiền nhân quân tử của Á Đông là mẫu người rất quân bình mà nền triết lí An Vi cần phải hết sức chú ý. Mẫu người này có được nhiều ý chí, lắm tình cảm, và một chuyên môn vững vàng. Họ là người có nhiều lí tưởng nhưng rất thực tế, sẵn lòng dấn thân để xây dựng tiền đồ của dân tộc và kết quả sẽ thật hữu hiệu.

Trong *Loa Thành Đồ Thuyết*, một mặt ông lên án cách sống của những người có chuyên môn cao nhưng sống vô hồn, vô hướng, chỉ biết làm việc công hực như trâu mòng để kiếm tiền. Với hạng người này, ngoài đời sống sinh lí ra, không còn biết gì đến những mối tình cao cả của con người, của tâm linh tiến hóa. Mặt khác, lên án một số người đang chạy theo đủ loại thiên tài điên loạn trên thế giới. Ông bảo: “*Ấu-Mỹ giàu vô kể, nên cũng có vô vàn khả năng tiến triển trước mắt, chứ như Việt Nam, túng xác túng xơ chỉ còn chút vốn liếng đạo làm người mà cũng vất bỏ thì còn gì nữa mà xây Loa thuyết*”⁽¹⁴⁾. Thiền nghĩ, những ai có trách nhiệm xây dựng chương trình giáo dục cho dân tộc cần phải lưu ý những điểm trên.

Từ nền tảng Triết lí An Vi ông xây dựng chủ thuyết Việt Nho. Chủ thuyết này có hai phần: Đạo Nho siêu việt và Đạo Nho của người Lạc Việt.

- Đạo Nho siêu việt: Ông đã chú giải kinh điển Nho giáo theo cách hoàn toàn sáng tạo và mới lạ, chưa từng thấy ở các nhà Nho trước đây và những người thuộc trường phái Tân Nho giáo ở Đài Loan. Ông đã công phương pháp so sánh, đối

chiếu Nho giáo Nguyên thủy – đạo Nho khi chưa bị Hán Nho bóp méo, xuyên tạc – với Phân Tâm học miền sâu, triết học hiện sinh của ba tác giả đã kể trên, sau đó là cảm nghiệm và suy tưởng trong một thời gian lâu dài để sáng tạo ra triết thuyết của mình. Ông cho người đọc nhận thấy những giá trị Nhân bản Tâm linh của kinh điển Nho giáo cũng rất thích hợp với trào lưu triết học hiện đại. Những tác phẩm dành cho chủ đề này là: *Những Dị Biệt Của Hai Nền Triết lý Đông Tây, Cửa Không, Nhân Bản, Chữ Thời, Tâm Tư...*

- Đạo Nho của người Lạc Việt và Nguồn gốc văn hóa Việt Nam: Ông là ánh sáng của phương pháp huyền sử để soi rọi đêm trường âm u của văn hóa Việt Nam. Huyền sử là một phương pháp khai quật văn hóa và truy nguyên nguồn gốc dân tộc từ những biểu tượng, những huyền thoại và truyền thuyết của dân tộc, mà ông là người đặt nền móng và cũng là người xây dựng giả thuyết của mình. Ông tuyên bố, Nho giáo là do người Việt cổ khai sinh nhưng đã được người Trung Hoa hoàn tất, và cũng bị họ làm cho sa đọa, sứ mạng của Triết Đông là phải trả lại cho Nho giáo sự chính truyền của chủ cũ. Ông đã sử dụng khảo cổ học, ngôn ngữ học, phân tâm học và cơ cấu luận để lí giải nguồn gốc văn hóa và nguồn gốc dân tộc Việt. Những ý tưởng táo bạo này sẽ được đón nhận nồng nhiệt và gây tranh cãi trong tương lai mai hậu. Những tác phẩm dành cho chủ đề này là: *Căn Bản Triết Lý Trong Văn Hóa Việt Nam, Việt Lý Tổ Nguyên, Dịch Kinh Linh Thể, Lạc Thư Minh Triết, Triết Lý Cái Đỉnh, Loa Thành Đồ Thuyết, Vấn Đề Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam...*

Tuy rằng bắt đầu từ *Việt Lý Tổ Nguyên* trở về sau, ông hầu như hoàn toàn quan tâm đến việc trở về nguồn, nhưng không phải vì thế mà phần Đạo Nho siêu việt bị ông lơ lãng. Hai chủ đề này luôn đan xen và hòa quyện lẫn nhau trong các tác phẩm trên, vì vậy phần lớn độc giả thường sa đà vào những chi tiết về nguồn gốc văn hóa và dân tộc mà không nhận ra được Đại Đạo – xương sống để tạo nên nền Triết lý An Vi.

Không những là một triết gia, ông còn là một người quan tâm đến vấn đề giáo dục đại chúng. Ông cũng là một nhà giáo dục rất sâu sắc, một người có tầm nhìn rất xa về vận mệnh dân tộc. Bởi vậy ông luôn đề cao việc lấy sự giáo dục con người làm căn bản. Các tác phẩm bàn về giáo dục của ông như: *Triết lý Giáo Dục, Định Hướng Văn Học, Hiến Chương Giáo Dục, Vấn Đề Quốc Học* đều nêu lên sự vô cùng cần thiết của một nền giáo dục mang tính nhân bản tâm linh, tính dân tộc. Ông đã bỏ nhiều công sức để nghiên cứu, đối chiếu và so sánh về những nét cơ bản của những nền giáo dục lớn của nhân loại như Âu Tây, Ấn Độ và Viễn Đông, để rồi đưa ra một chiến lược giáo dục thích hợp và lâu dài cho dân tộc. Ông từng phát biểu: *“Một dân tộc cũng như một cá nhân, chỉ có thể chống lại đoàn lũ hay những tư trào tràn vào gieo rắc phân tán dân tộc mình là khi nào tâm thức dân tộc ấy được tổ chức chu đáo trên một cơ sở tinh thần vững mạnh.”⁽¹⁵⁾*

Ý nguyện ban đầu của ông là thiết lập một nền Thần học Việt, nhưng về sau ông đã chuyển hướng và dành toàn bộ tâm lực để sáng tạo ra nền Triết lý An Vi. Có lẽ ông

cho rằng việc xây đắp một nền triết lí hoàn toàn Việt Nam là điều cấp bách hơn; và việc xây dựng một nền Thần học Việt sẽ do thể hệ tín hữu Công giáo sau ông làm thay, còn ông chỉ là người đưa ra ý tưởng cho một công việc vô vàn khó khăn và thử thách này.

Triết lí An Vi và chủ thuyết Việt Nho mà ông đề xướng nhấn mạnh vào những chủ đề chính: tâm linh, nhân chủ, tự do, bình sản, thái hòa. Đây không phải là thứ triết học hàn lâm, trường ốc, khô khan và nhạt nhẽo chuyên dành cho những nhà chuyên môn, mà nó là một nền triết lí sống động, mang âm hưởng vào xã hội và có được sức mạnh chuyển hóa lòng người. Vì khuôn khổ có hạn của một bài viết, ở trên tôi chỉ giới thiệu những tác phẩm then chốt đã xuất bản trước năm 1975. Theo cảm nhận của riêng tôi, những tác phẩm này có một sức hút lạ thường, một tầm ảnh hưởng diệu kì; nó có thể gây nên sự chấn động trong tâm thức và làm thay đổi vận mệnh của bất kì độc giả nào đắm chìm vào trong đó.

Trước năm 1975, tiếng tăm của ông vang dội trong giới học thuật, ông được đánh giá như một ngôi sao sáng trên bầu trời triết học Việt Nam. Lần lượt, ông đã được các đại học miền Nam Việt Nam mời dạy ở như: Đại học Vạn Hạnh (1967-1975), Đại học Đà Lạt, Đại học Minh Đức, Đại học An Giang, Đại học Cần Thơ, Đại học Thành Nhân (1971-1975). Ông cũng đã được Đại học Văn Khoa – Huế mời dạy, nhưng những biến động lớn của đất nước đã không cho phép ông thực hiện ý định truyền bá nền triết lí của mình ở trong nước nữa.

Năm 1975, ông di cư sang Hoa Kỳ. Trong gần 10 năm đầu, ông ở nhờ nhà một người bà con. Vì nhu cầu của những người học trò cũ yêu mến, ông đã cố gắng thu thập và cho in lại một số tác phẩm đã xuất bản trước năm 1975. Cũng trong thời gian này, ông liên lạc lại với một số học trò cũ, và bắt tay vào việc xây dựng các nhóm An Vi.

Sau khi được tiếp xúc với nền văn minh tư bản, nhìn sức sống trẻ trung, mạnh mẽ của Hoa Kỳ, ông nhận thấy sức mạnh của thế giới tư bản thực là phi thường. Điều này đã làm ông khâm phục. Nhưng ông cũng nhìn nhận rằng, xã hội tư bản tuy giúp cho con người được nhiều tự do, nhiều động cơ vươn lên để tìm kiếm những tiện nghi về vật chất nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề gốc rễ của con người. Nền văn minh Âu Mỹ có sức quyến rũ đối với mọi người, nó đã đạt được mục tiêu là làm cho họ vui tươi, thoải mái, nhưng thực ra, đó chỉ là bộ mặt, là cái vỏ bề ngoài, chứ chưa thấm đẫm vào tâm hồn. Theo ông, xã hội Âu Mỹ chưa có một chủ đạo làm căn bản cho một tương lai lâu dài.

Nhờ có nhiều thời giờ hơn để đọc sách, để thâm cứu và suy tưởng thêm, cái nhìn của ông đã mở ra một viễn cảnh mới. Trong tiến trình xây đắp triết thuyết Việt Nho, từ giả thuyết ông nâng thành chủ thuyết, từ Việt Nho nâng lên hàng Thái Nho, triết thuyết của ông trở nên bao trùm và sâu sắc hơn. Sau một thời gian dài thai nghén, ông đã liên tiếp cho ra đời bộ Ngũ Kinh Khải Triết: *Hùng Việt Sử Ca, Kinh Hùng Khải Triết, Pho Tượng Đẹp Nhất Của Việt Tộc, Sứ Điệp Trống Đồng, Văn Lang Vũ*

Bộ. Ông mong muốn bộ Ngũ Kinh Khải Triết sẽ là bộ sách dân tộc đối với người Việt đang phiêu bạt ở xứ người, và cũng có thể là cho cả dân tộc Việt Nam trong tương lai. Theo ông, bộ kinh này là di sản thiêng liêng của quê nước, nó sẽ nhắc nhở cho người Việt đang xa xứ không bao giờ được quên nguồn gốc và dân tộc mình. Ông nói rằng: “*Nếu mình không gắn bó với nó thì ngày mai sẽ trở nên một giống vô loại. Khuôn mặt và màu da không cho phép mình hòa đồng với người Tây Âu*” (17). Vì quá yêu nước, lời nói của ông mạnh mẽ nhưng hơi cực đoan. Có thể đó là một cách gây sự chú ý cho cộng đồng người Việt chăng?

Tháng 08/1984, ông được mời sang Đài Loan tham dự Hội nghị Quốc Tế về Triết Trung Hoa tại Đại học Đông Hải. Trong hội nghị này, ông đã phát biểu một tham luận có nhan đề “*Vai trò Nho giáo Có thể Đảm nhiệm trong Thế giới Ngày nay*” (The Role and the Conditions of Ju in Our Present Age). Cuối năm 1984, Văn Phòng Mục Vụ Di Dân của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ tài trợ một năm để ông nghiên cứu về các cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Ông đến cư ngụ mấy tháng tại trụ sở của văn Phòng Nghiên Cứu Xã Hội ở Garden Grove. Nơi đây ông đã gặp rất nhiều thân hữu, các nhóm học trò cũ, và thế là chương trình An Vi được phát động. Chương trình này có mục đích phổ biến triết thuyết Việt Nho, nơi gặp gỡ những người có cùng chí hướng và sống theo tinh thần của An Vi. Đây cũng là lúc ông làm quen với máy vi tính và bắt đầu viết lại những suy tưởng của mình. Từ 1984 đến năm 1989, ông đã viết 4 tác phẩm: *Thái Bình Minh Triết tập I, tập II, tập III* và *Cảm Nang Triết Việt*. Bản thảo điện tử của các tác phẩm này đã được trao cho linh mục Trần Công Nghị cất giữ.

Từ năm 1987 đến năm 1992, ông nghỉ hưu tại trụ sở hưu dưỡng của linh mục Vũ Đình Trác ở Garden Grove. Trong thời gian này, ông đã tập hợp được một số người tha thiết với triết thuyết An Vi và kiên trì trong sứ mạng rao truyền sứ điệp của ông. Sau đó, phong trào An Vi đổi tên thành phong trào Việt Linh và hoạt động rộng khắp tại Hoa Kỳ. Là người thủ lĩnh của phong trào, sự hành hoạt của ông gần giống như một nhà chính trị nên ông bị hiểu lầm là con người của chính trị. Điều này đã gây biết bao oan khiên và phiền phức cho ông.

Tháng 11/1987, ông được mời tham dự Hội nghị Quốc tế về Khổng học với Thế giới Ngày nay (International Symposium on Confucianism and the Modern World) tại Đài Bắc, Đài Loan. Hội nghị này quy tụ 400 học giả khắp thế giới. Lần này, ông đã trình bày trước hội nghị một chiều hướng bao quát và rộng rãi hơn trong tham luận “*Đạo Trường chung cho Đông Nam Á châu*” (A Tao-Field for East Asia). Sau đó, ông còn tham dự Hội nghị Triết học (The World Congress of Philosophy) tại Brighton, Anh Quốc – năm 1988. Hội nghị Nghiên cứu Triết học Á Châu và Bắc Phi lần thứ XXXIII (The XXXIII International Conference on Asian and North African Studies) tại Toronto, Canada - năm 1990. Trong những lần đi dự hội nghị ở xa, ông đều nói với các môn đệ rằng: “*Thầy phải đi để nói cho thế giới biết con người, tư duy và đạo sống cao đẹp của dân tộc Việt Nam*”.

Năm 1992 đến năm 1997, vì tai biến mạch não, vì tuổi già sức yếu, ông đã về hưu dưỡng tại Dòng Đồng Công, Carthage Missouri, Hoa Kỳ. Ngày 23/03/1997, ông về cõi vĩnh hằng, để lại nhiều thương tiếc trong lòng môn đệ, cũng như giới học thuật trong và ngoài nước.

Triết gia Kim Định đã đi trọn một cuộc hành trình đơn độc để khai phá và sáng tạo nên một triết thuyết vô tiền khoáng hậu và dang hiến báu vật này cho dân tộc Việt Nam. Theo thiên ý, phần đóng góp quan trọng nhất của triết gia Kim Định là Đạo Nho siêu việt. Phần Đạo Nho của người Lạc Việt và Nguồn gốc dân tộc Việt Nam là một đóng góp nhỏ hơn, mang tính gợi mở, cũng như một là giả thuyết để làm việc.

Triết thuyết của Kim Định có rất nhiều ưu điểm nhưng cũng có không ít nhược điểm. Do phải làm việc một mình, phần đông là suy tưởng nên ông dễ sa đà vào những giây phút xuất thần mà quên đi thực tại. Cũng vì nhiều khi ông xem nhẹ, không chịu minh chứng hoặc xem xét những điều mình nói ra bằng phương pháp lịch sử, khảo cổ học, điền dã... mà chỉ vào những suy luận chủ quan, do vậy nhiều nhà nghiên cứu đã cho ông là một người cảm tính, mơ mộng và thiếu thực tế. Nhưng thử hỏi, nếu một người thiếu đi sự mơ mộng thì làm sao có thể trở thành triết gia? Triết gia là một người luôn luôn bay bổng trong vòm trời suy tưởng và mộng mơ. Vậy mơ mộng tuy là nhược điểm nhưng cũng chính là ưu điểm của ông, và nhờ vậy ông mới có được sự linh cảm và cái nhìn thấu thị hiếm có của một thiên tài. Triết gia chân chính bao giờ cũng đi trước thời đại của mình một thời gian cả mấy mươi năm.

Toàn bộ tác phẩm của Kim Định là một khu rừng bát ngát, mênh mông, làm cho người đọc dễ bị lạc lối. Độc giả của ông thường bị nạn cây che mắt rừng, chỉ nhận thấy điều tiểu tiết mà quên đi sự vĩ đại. Nhiều học giả cũng mắc phải cố tật này khi đọc sách của ông, họ không thấy được sự đóng góp to lớn của ông cho triết lý và văn hóa Việt Nam, mà chỉ biết phê bình những tiểu tiết của ông một cách gay gắt. Kim Định là triết gia chứ không phải là một người làm khoa học về xã hội và nhân văn, hay như một học giả chỉ biết dựa vào sách vở. Vì thế, hậu sinh cần phải rút tinh hoa từ triết thuyết của ông và bỏ đi những gì là sai sót và không cần thiết. Xem ra nền triết lý An Vi của ông vẫn còn có thể đáp ứng được phần nào cho nhu cầu của thời đại, có thể nâng cao tâm thức dân tộc, giúp đào luyện mẫu người mà quốc gia đang cần.

Đã có nhà sử học ác ý, đem ông ra chê bai, mỉa mai và làm trò diễu cợt; với cặp mắt cú vọ của một nhà duy sử, họ chỉ lăm lăm nhìn vào những điểm sơ suất trong công trình của ông để làm công việc bắt bẻ. Thật là cảm cảnh cho ông! Thử hỏi các vị ấy có thể gây nên nguồn cảm hứng, chuyển hóa được tâm thức của độc giả, để sau khi đọc sách của mình, độc giả sẽ có một đời sống bình an, thánh thiện và tốt đẹp hơn? Lại có học giả được thừa hưởng cả một gia sản đồ sộ về nguồn gốc văn hóa và dân tộc Việt Nam và những ý tưởng mới mẻ của ông nhưng cũng kiếm cách chê bai ông cho bằng được, họ đã từng phát biểu: "*còn mang nhiều chất cảm tính – cực đoan*

hoặc là chưa tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh”. Thiên hạ đã mang ơn ông nhưng lại “trả ơn” ông bằng cách như vậy. Thật là bất công!

Nhiều người Việt Nam chưa phân biệt được giữa triết gia và triết học gia, giữa hiền triết và giáo sư triết học, giữa nhà tư tưởng và học giả. Vì hiểu rõ tình trạng này, ông đã từng nói trong *Vũ Trụ Nhân Linh* và *Văn Lang Vũ Bộ* rằng, đó là cái cảnh “cá đối bằng đầu”. Dưới đây là một trong những lời than phiền của ông: “*Và nếu có ngày gặp may, nãy nòi ra một triết gia tả nhậm thì cũng bị lấn át do bao tiếng om sòm của cánh cá đối bằng đầu không sao trỗi lên được*”⁽¹⁸⁾. (Triết gia tả nhậm là triết gia đứng về phía kẻ yếu, đứng về phía nhân dân – chú thích của người viết bài này).

Ông Châu Hải Kỳ đã từng đem triết gia Kim Định xếp chung một chiếu với học giả Nguyễn Hiến Lê và học giả Giản Chi (Nguyễn Hiến Lê từng viết chung với Giản Chi một số đầu sách: *Đại Cương Triết Học Trung Quốc, Tuân Tử, Hàn Phi Tử*). Không những vậy, ông còn đem hai tác phẩm cùng viết về đề tài Khổng giáo của Kim Định và của Nguyễn Hiến Lê ra để so sánh:

“... Dĩ nhiên tôi không phủ nhận điều này là các tác giả Kim Định cũng như các ông Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê đều phát huy cổ học Á Đông, triết lý Nho giáo, và nội dung của giáo sư Kim Định có nhiều chủ trương rất mới mẻ, chẳng hạn trong *Việt Lý Tổ Nguyên*... Những ý kiến của tân kỳ của ông có cái ma lực lôi cuốn độc giả nhất là giới sinh viên học sinh rất mạnh. Song bình tĩnh mà xét về Nho giáo ông phát huy có phần quá đà: ông xưng tụng hơi nhiều, ông bốc có lẽ thái quá. Có thể đọc nói cuốn nào, về vấn đề gì, người đọc cũng thấy ngay rằng tác giả phát biểu say mê – nói thẳng ra là chủ quan về một phía. Chỉ sự kiện về mức quá đà đó cũng đủ minh chứng rằng tác phẩm của ông mất tính Đông phương rồi.

Trái với tác giả Kim Định, ông Nguyễn Hiến Lê có thái độ quân bình hơn. Ông không giống giọng điệu của một nhà nho ba hoa, một người “militant”. Hướng chi tư tưởng và nếp sống dân tộc Việt chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền triết học Trung Hoa; lối viết của ông trở thành một nghệ thuật sống hơn là một học thuyết cao xa như giáo sư Kim Định, cho nên người đọc lĩnh hội không mấy khó ông. Nếu đức Vạn thế sư biểu sống lại và đọc tác phẩm của hai tác giả viết về mình, tôi chắc rằng Ngài sẽ thích tác giả Nhà giáo họ Khổng hơn”⁽¹⁹⁾

Mặc dù người viết bài này rất khâm phục nhân cách cũng như sở học của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhưng không vì như vậy mà chấp nhận cách nhận xét trên. Học giả Nguyễn Hiến Lê là một nhà nghiên cứu về sử học, cổ học và triết học Trung Hoa chứ không phải là một nhà tư tưởng; còn giáo sư Kim Định là một triết gia, một nhà tư tưởng thực thụ. Ông Châu Hải Kỳ chưa phân biệt được sự khác nhau giữa Nho học và Triết lý Nho giáo, giữa Nho gia và Hiền triết. Học giả Nguyễn Hiến Lê viết về Nho học, giáo sư Kim Định viết về Nho triết thì làm sao mà đem so sánh với nhau; nếu đem hai vị đó ra so sánh với nhau thì có khác gì việc đem xe ô tô và máy bay phân lực ra để tranh cao thấp. Ngoài ra, ông Châu Hải Kỳ còn nói bóng gió rằng, triết gia Kim Định là một nhà nho ba hoa. Như thế thì thật là quá đáng!

Nhà thơ Hoài Khanh, giám đốc NXB Ca Dao đã từng trân trọng giới thiệu những tác phẩm của giáo sư Kim Định như sau:

“Đây là tác phẩm của một Tâm Hồn Thánh Trí. Các bạn có thể không đọc sách của CA DAO nhưng các bạn không thể nào không đọc sách của Bạc Hiền Triết KIM ĐỊNH.”⁽²⁰⁾

Lời ca tụng của nhà thơ Hoài Khanh dành cho giáo sư Kim Định thật là xác đáng. Trước năm 1975, những nhà xuất bản tên tuổi ở miền Nam như: Lá Bối, An Tiêm, Ca Dao, Kinh Thi, Nguồn Sáng... đều xuất bản sách vì mục đích văn hóa chứ không phải vì mục đích lợi nhuận; vì thế đây không phải là một cách quảng cáo để bán sách.

Khi triết gia Kim Định còn sinh thời, đã có nguyên cả một cuốn sách xuyên tạc triết thuyết của ông, người ta công ông những lời lẽ nặng nề để chà đạp, mắng chửi và cho ông là một tay hoạt đầu chính trị. Tôi tin chắc rằng, những người này chưa đọc trọn vẹn một tác phẩm, chứ đừng nói chi đến cả một rùng sách minh mông của ông. Nếu họ chịu khó học hỏi và hiểu sâu sắc nền triết lí An Vi của ông thì họ không thể làm một công việc liêu lĩnh và cẩu thả đến như vậy. Tôi không thể nào hiểu nổi tại sao họ thực hiện ý đồ thâm độc này? Phải chăng ông là một linh mục Công giáo? Dân tộc Việt Nam đã kinh qua rất nhiều khổ đau vì chia rẽ, sao có người còn muốn gieo rắc hận thù, nghi ngờ và đổ kị?

Và nếu ai còn nghĩ ông là tay sai của ngoại bang và mục đích làm văn hóa của ông là phá hoại đất nước thì hãy đọc những dòng sau đây của ông:

“Bây giờ chúng ta ghé thăm tôn giáo; ngoài sự mất tín nhiệm với con người, chúng ta còn nhận thấy một tình trạng trầm trọng hơn nhiều đó là sự mất lòng tự tín. Trong hội nghị các tôn giáo tại Genève năm rồi (Congrès des églises à Genève 9/1970) có lời tuyên bố là các tôn giáo đã hết uy tín và thậm chí quyền dạy luân lý. Nói thế là vì mọi nền luân lý trước đây đều mang tính cách thế tục, không còn thể hợp nữa cho con người đang bước vào giai đoạn toàn-cầu với tư tưởng liên-hành-tinh, nên đang cần một nền luân lý phổ biến hơn, phóng khoáng hơn. Vì thế mà ở rất nhiều nơi người ta nhận thấy mọc lên từng trăm từng ngàn những nhóm nhỏ (under group) đứng độc lập bên ngoài mọi giáo quyền, với hi vọng có thể hướng tới linh thiêng hiệu nghiệm hơn, mặc dầu chưa biết dạng thức như thế nào nhưng ít ra không bị ràng buộc trong những nghi thức đã trở thành trống rỗng và máy móc. Hiện nay hướng đi chung của họ là muốn quay về phụng sự con người một cách chân thực. Vì thế trong sự đánh giá, người ta càng ngày càng căn cứ trên khả năng cũng như uy tín cá nhân nhiều hơn là trên chức nghiệp hay quyền uy như trước. Đây cũng là dấu hiệu con người đang từ giả những hành ngời bên ngoài để đi sâu vào nội tâm. Vì thế ta có thể nói nét đặc trưng của thế giới hiện đại không phải là sa lầy vào vật chất như các nền luân lý quen nói, nhưng là giữ bỏ các giá trị cũ để đi tìm những gì vươn lên. Còn những giá trị tinh thần cũ bất cứ thuộc tôn giáo, triết học hay văn hóa, luân lý, quyền uy nào đều không được chấp nhận nữa”⁽²¹⁾

Để đem lại danh dự và xóa đi ngộ nhận về triết gia Kim Định, sau khi ông bị người ta cố ý chụp mũ, vu khống và bôi nhọ, tôi – một kẻ vô danh tiểu tốt – đành phải trích dẫn dài dòng như trên. Liệu bề trên của ông trong giáo hội Công giáo có vừa ý khi nghe ông phát biểu một cách quyết liệt như vậy không? Cách nói quá thẳng thắn và trung thực của ông mang lại lợi ích gì cho giáo hội Công giáo và những thể lực chính trị? Đó là câu hỏi mà những người đã hiểu sai về ông phải tự trả lời.

Trích đoạn trên đây cho thấy triết gia Kim Định đã có một sự nhạy cảm và cái nhìn thấu thị vượt thời gian. Đã và đang có những cá nhân riêng lẻ, những nhóm người, những dòng tu thực hiện những giá trị tinh thần cao quý và hành động vì mục đích đem lại hòa bình, thịnh vượng cho thế giới. Có nhiều và rất nhiều những con người như vậy, họ là: Krishnamurti, Nisargadatta Maharaj, Mẹ Teresa, Triết gia Kim Định, Thích Nhất Hạnh, Dalai Lama, Eckhart Tolle...

Trong cuộc đời dạy học và trước tác của ông, ông không chỉ giảng dạy kiến thức mà còn trao truyền một Đạo Sống cho biết bao thế hệ môn sinh. Nhiều người chỉ biết ông qua tác phẩm nhưng vô cùng biết ơn ông, bởi vì ông đã khai tâm và dẫn dắt họ về với suối nguồn của Đạo học Á Đông, mà cũng chính là trở về với cội nguồn tâm linh sâu thẳm trong tâm hồn mà từ lâu họ đã lãng quên trong đời sống thường nhật. Ông là một bậc thánh trí, một bậc hiền triết, một chiến sĩ dân thân trọn đời vì văn hóa dân tộc. Ông là bó đuốc thấp sáng trong đêm trường hoang vu của Việt Nam và nhân loại. Ông là vị Khổng Tử của nước Việt Nam trong bối cảnh Xuân Thu Chiến Quốc thời hiện đại.

Ông đã sống chết với những điều mình cứu mang gần bốn mươi năm trời, từ lúc còn ở trong nước, đi ra nước ngoài, cho đến khi nhắm mắt xuôi tay trong bệnh tật và cô đơn. Ông ra đi khi đã được nhìn thấy được học thuyết An Vi của mình bén rễ trong cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại. Những suy tư và đề nghị của ông chắc chắn sẽ được hậu thế đánh giá cao.

Bậc hiền triết Kim Định chính là điềm triệu, là một con chim quý Lạc Việt báo hiệu thời đại Tâm Linh sẽ đến. Tất cả biến cố về chính trị, kinh tế sẽ qua đi, tương lai thuộc về ông và những con người mang sứ mệnh khơi lại nguồn suối tâm linh của Việt tộc.

Ngày 14/7/2012, nhân 15 năm ngày mất của Kim Định, Trung tâm Minh Triết phối hợp với Trung tâm Lý Học Đông Phương đã tổ chức buổi tọa đàm tưởng niệm về ông tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. Đây là lần đầu tiên, một buổi tọa đàm có quy mô lớn về triết gia Lương Kim Định được tổ chức tại Việt Nam. Cuối cùng, học giới trong nước cũng chấp nhận và đánh giá lại di sản đồ sộ và quý báu về triết học và văn hóa Việt Nam của ông. Tuy mới chỉ là một tín hiệu nhỏ, nhưng hi vọng đây là một bước khởi đầu tốt đẹp. Để đánh giá lại toàn bộ di sản của ông, có lẽ phải cần một thời gian khá dài, với sự góp sức của những người yêu mến minh triết và có nhiều tâm huyết với văn hóa dân tộc.

.....

- 1) Cửa Không – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn, 1965, Lời tựa.
- (2) Cửa Không – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn, 1965, trang 104.
- (3) Nhân Bản – Kim Định - Ấn Quán Thanh Bình, Sài Gòn 1965, trang 144.
- (4) Định Hướng Văn Học – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn 1969, trang 83-84.
- (5) Bìa 3 cuốn Chữ Thời – Kim Định - Ấn Quán Thanh Bình, Sài Gòn 1967.
- (6) Những Dị Biệt Của Hai Nền Triết Lý Đông Tây – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn 1969, trang 95-96
- (7) Những Dị Biệt Của Hai Nền Triết Lý Đông Tây – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn 1969, trang 128.
- (8) Tâm Tư – Kim Định – Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn 1970, Lời tựa.
- (9) Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam – Kim Định – Ra Khơi, Sài Gòn 1967, trang 153-154
- (10) Dị Biệt Của Hai Nền Triết Lý Đông Tây – Kim Định – Ra Khơi Nhân Ái, Sài Gòn 1969, Lời bạt
- (11) Việt Lý Tổ Nguyên – Kim Định – NXB An Tiêm, Sài Gòn 1970, trang bìa 4.
- (12) Bìa 4 của Dịch Kinh Linh Thể - Kim Định – Tủ Sách Ra Khơi, Sài Gòn 1970.
- (13) Lạc Thư Minh Triết – Kim Định – NXB Nguồn Sáng, Sài Gòn 1971, trang 134.
- (14) Loa Thành Đồ Thuyết – Kim Định - Ấn Quán Thanh Bình, Sài Gòn 1973, trang 153.
- (15) Hiến chương Giáo dục – Kim Định – NXB An Tiêm, Sài Gòn 1970, trang bìa 4.
- (17) Văn Lang Vũ Bộ - Kim Định – NXB H.T Kelton, USA, trang 236.
- (18) Văn Lang Vũ Bộ - Kim Định – NXB H.T Kelton, USA, trang 87.
- (19) Nguyễn Hiến Lê – Cuộc đời và Tác phẩm – Châu Hải Kỳ - NXB Văn Học, Hà Nội 1993, trang 227-228.
- (20) Ca Khúc Của Quán Cà Phê Buồn – Carson McCullers, Hoài Khanh dịch – NXB Ca Dao, Sài Gòn 1969, trang cuối sách.
- (21) Loa Thành Đồ Thuyết – Kim Định - Ấn Quán Thanh Bình, Sài Gòn 1973, trang 180-181.

PHẦN TRÍCH DẪN NHỮNG BÀI VIẾT VỀ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH

Trong Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê – NXB Văn Học, 1993 (trang 546), học giả Nguyễn Hiến Lê đã viết về triết gia Kim Định:

“Thật lạ lùng! Người đề cao Không tử nhất ở nước ta từ trước tới nay lại là một tín đồ Công giáo, giáo sư Kim Định, ông đã viết khoảng chục cuốn về đạo Không đưa ra nhiều ý táo bạo, mà ông chưa kịp sắp đặt lại thành hệ thống. Ông muốn cải tạo xã hội, cải tạo cả thế giới nữa, cho rằng nếu canh tân đạo Không thì những tư tưởng tự do và bình sản của Không có thể cứu nhân loại khỏi nhiều thảm họa. Theo ông, hiểu Không là vượt Không cho nên tránh các vấn đề siêu hình mà ông lại có lúc ông nhãn quan siêu hình để nghiên cứu Không.”

Khi nhận định về địa vị của Giáo sư Kim Định trên lộ trình tư tưởng Việt Nho, cố học giả linh mục Vũ Đình Trác đã viết như sau:

“Nhờ công phu mở đường trở về Triết Đông của Linh Mục Giáo Sư Bửu Dưỡng và Linh Mục Giáo Sư Nguyễn Văn Thích cũng như tâm huyết của Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục, chương trình Triết Học Đông Phương được khai giảng tại Đại Học Văn Khoa Saigon năm 1958. Sẵn đường trở về Đông Phương, Linh Mục Giáo Sư Kim Định tiện đường, đơn thương độc mã, xông lên một bước táo bạo, mở đường đi vào Triết Lâm Việt Nam.

Trong suốt 16 năm trời, tại giảng đường Đại Học Văn Khoa Saigon, Giáo Sư Kim Định đã ảnh hưởng sâu rộng cho cả một thế hệ thanh niên và sinh viên. Mặc dầu bao chống đối, Giáo Sư Kim Định đã im lặng xây dựng một hệ thống Việt Nho khá trung thực và hấp dẫn. Không ai có thể chối cãi công phu xây dựng và ảnh hưởng sâu rộng của ông trong lãnh vực văn hóa dân tộc. Từ Đại Học Văn Khoa Saigon, Giáo Sư Kim Định mở rộng mặt trận tới các đại học khác: đại học Đà Lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Thành Nhân và An Giang. Chính trong giai đoạn này Giáo Sư Kim Định đã sáng lập ra chủ thuyết An Vi và Việt Nho.

Nhờ công khai thác và biên khảo, sáng tác của Giáo Sư Kim Định, những bậc thức giả khắp nơi đã suy tôn Giáo Sư là Triết Gia Việt Nam. Ảnh hưởng Việt Triết và Việt Nho của Giáo Sư Kim Định đã gây ý thức cho người Việt khắp nơi nhìn lại thực tại văn hóa của mình. Các đồ đệ của Giáo Sư Kim Định đã đáp ứng nguyện vọng của Thầy để khai thác và phổ biến Việt Lý của Thầy qua tổ chức An Việt. Các nhóm An Việt được thành lập khắp nơi: San Jose, Orange, Houston, Louisiana, Washington, D.C., Philadelphia, Seattle và tại Canada, Úc Châu, Anh, Pháp, Đức, v.v... AN VI đã như luồng gió dân tộc bùng lên khắp nơi có người Việt định cư. Các nhóm này coi Triết gia Kim Định như bậc Đại Sư mà họ tôn làm Tổ: TỔ SƯ AN VI. Ảnh hưởng của Triết gia không những thế, mà con lan rộng tới các học giả, triết gia ngoại quốc: Âu Mỹ và khối Viễn Đông.”

Trong báo Ngày Nay số 121, Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, đại học Georgetown, Washington D.C viết về Giáo sư Kim Định:

“Trong nỗ lực đi tìm một con đường Việt Tộc, nhân chủ, tự do, thì chúng ta phải kể ở hàng đầu công trình đồ sộ của Giáo Sư Kim Định. Ở đâu ông cũng thế, không phải sang Mỹ ông mới tìm “về nguồn”. Việc làm của ông trong tình cảnh mất mát vô biên, chẳng qua cũng chỉ là tiếp nối công việc của ông đã bắt đầu khi còn ở trong nước, khi còn ở miền Nam tự do. Từ 1962 tới 1975, ông đã hoàn tất được 23 cuốn triết học, tương đương với khoảng 7,000 trang một mảng tư tưởng mà không dễ mấy triết gia có thể so sánh được. Sự độc đáo ở nơi ông cũng đã là một chuyện quá rõ – dầu ta có đồng ý với ông hay không, thì ta cũng không thể phủ nhận được tính cách độc đáo của tư tưởng ông.

Ngày nay tham vọng cuối cùng của Giáo Sư Kim Định là sẽ dựng xong một bộ Kinh Việt (hiểu theo nghĩa “bible”) cho dân tộc ta. Để thực hiện tham vọng này, ông đã cho in lại hoặc đang in năm cuốn thuộc bộ “Ngũ kinh khai triết”, đó là: Hùng Việt Sử

Ca, Kinh Hùng Khải Triết, Pho Tượng Đẹp Nhất Của Việt Tộc, Sứ Điệp Trống Đồng, Văn Lang Vũ Bộ (số lớn do nhà in H.T. Kelton xuất bản). Nếu ai hỏi tôi rằng có nên đọc hay không, thì tôi xin thưa ngay: dứt khoát là có. Tại sao – Tại vì nếu ta không nhất thiết đồng ý với hết cả ý kiến của ông, ta cũng sẽ được làm thân với một trong những bộ óc triết lý lớn nhất nếu không của nhân loại thì cũng của Việt Nam. Tôi nói điều này trong sự cân nhắc, cũng không khác gì câu tôi sẽ trả lời cho người nào hỏi: có nên đọc Platon hay Aristote không? Đã nhất thiết gì ta đồng ý với Platon trong tác phẩm La république, nhưng ai không đọc tác phẩm đó, thì chắc chắn là mất đi một mảng hiểu biết rộng lớn về triết học Tây Phương. Cũng như vậy, ai không đọc Giáo Sư Kim Định cũng không sao, ông sẽ từ tốn mà “an vi”, để chờ một ngày kia người nọ sẽ tỉnh mộng mà trông thấy hết cả cái mất mát của mình.” Trong bộ Tự điển Bách khoa Văn Học xuất bản năm 2005, Giáo sư Nguyễn Huệ Chi, Viện Văn Học Quốc nhận định về triết gia Kim Định:

“Vậy thì những cuốn sách nói trên đã đến lúc cho phép chúng ta xác nhận lại thật rõ ràng một số đặc trưng tiêu biểu của văn hóa Viêm Việt, một “bản quyền” vô giá của dân tộc Việt Nam mà người Trung Hoa giai đoạn du mục chưa thể có:

- 1. Đây là nền văn hóa nông nghiệp gắn liền với thiên nhiên, thời tiết, mùa màng, là sự hợp nhất giữa người và trời (thiên nhân hợp nhất), suy rộng ra là lòng yêu hòa bình, ghét chiến tranh, đặt văn lên trên võ, đặt nhân trị và lễ trị lên trên pháp trị.*
- 2. Là nền văn hóa bắt nguồn từ cuộc sống định cư nên sớm định hình tình cảm yêu nhà yêu nước, trong khi du mục là cuộc sống lang thang nên chỉ biết có người đứng đầu. Vì thế giữa hai về kết hợp về sau của đạo Nho là “trung quân ái quốc” thì trung quân vốn của Hoa tộc, ái quốc vốn của Việt tộc.*
- 3. Là nền văn hóa đã trường kỳ chống lại sự xâm lăng của văn hóa du mục nên cũng là nền văn hóa sớm có sự cố kết về mặt tinh thần dân tộc; dân tộc tính là một tiêu chí định tính quan trọng của văn minh Lạc Việt và văn minh viễn Đông.*
- 4. Là nền văn hóa mềm mại uyển chuyển (Nho = nhu), biết coi trọng âm hơn dương, coi trọng nữ giới hơn nam giới hay ít ra cũng thừa nhận nữ giới có những quyền, những ưu thế hơn nam giới – “lệnh ông không bằng công bà”.*
- 5. Là nền văn hóa trọng “chiêu” hơn “mục”, trọng “tả” hơn “hữu”, tức là hướng về phương Đông và phương Nam, về nữ giới, về số lẻ, về hiền triết, về văn học nghệ thuật, về dân chúng, tóm lại hướng tới thuận hòa.*
- 6. Là nền văn hóa sinh thành trên cơ sở cố kết đơn vị làng, coi làng là một thứ liên bang uyển chuyển mở rộng phần tự trị trong xã hội phong kiến, nơi đề cao vai trò người mẹ và người trưởng thượng, nơi hình thành những lễ tục dân gian cùng trường tồn bên cạnh luật lệnh của nhà nước như một kiểu văn hóa lưỡng nghi; làng cũng là tổ hợp của dân chúng đứng ra đương đầu với nhà vua khi cần thiết – “phép vua thua lệ làng”.*
- 7. Là nền văn hóa tôn trọng thể chế gia đình như một giải pháp trung hòa giữa hai thái cực: muốn xóa bỏ tự do cá nhân vì lợi ích của công quyền và ngược lại, muốn phớt lờ mọi nghĩa vụ xã hội để đạt được tự do cá nhân. Tôn trọng thể chế gia đình khiến con người sống có tình và có lý, có quyền lợi và có nghĩa vụ, có trung và có*

hiếu.

Ý kiến của Kim Định thường được trình bày dưới dạng những giả thuyết làm việc mà không phải là những định đề áp đặt hoặc coi như đã giải quyết trọn vẹn. Mặt khác, vào những năm đầu của thập niên 60 thế kỷ trước, ông đã sớm có sự nhạy cảm trong việc tiếp nhận các phương pháp mới của triết học Âu Tây, chẳng hạn cấu trúc luận, phân tâm học, cả học thuyết tương đối của Albert Einstein nên có được cách lập luận đa dạng, với những thao tác không một chiều, cứng nhắc, giúp độc giả soi nhìn đối tượng từ nhiều phía, và làm cho luận thuyết của mình có sức hấp dẫn. Nhưng những điều ông đề xuất cũng như các luận điểm được ông chốt lại có những chỗ không tránh khỏi cực đoan, do không đủ cứ liệu, kể cả do thiên kiến, đã gây ra những phản ứng sôi nổi trong học giới, khiến nhiều người tin theo và cũng nhiều người bác bỏ. Mặc dầu thế, nhìn chung không thể không thừa nhận đây là những tìm tòi đầy tâm huyết và có sức gợi mở không nhỏ, về một hệ thống vấn đề không kém quan trọng đang là ẩn số cần được tiếp tục giải đáp trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam”.

Giáo sư Trần Văn Đoàn – Đại học Quốc gia Đà Nẵng chia sẻ cảm tưởng:

“Trong gần một thập niên từ 1983-1992, người ta có thể nói cụ Kim Định là làm việc như một siêu nhân. Gần chục tác phẩm liên tiếp ra đời. Hội An Việt được thành lập, khêu lên tinh thần ái quốc, yêu chuộng sự khôn ngoan cũng như suy tầm về nguồn dân tộc, giúp những bạn trẻ và trí thức cảm thấy hãnh diện về dân tộc Việt mình nơi quê họ đất người.

Từ các tiểu bang bên Mỹ, cho tới các nước tại Âu Châu, từ Gia Nã Đại cho tới Âu Châu, nơi đâu cũng có phong trào Hùng Việt hấp dẫn cả ngàn người. Thật là một hiện tượng chưa từng thấy.

Trong những năm nay, cụ thường gửi tặng tôi những tác phẩm mới cũng như những tin tức về phong trào Hùng Việt và Hội An Việt của cụ. Tôi cũng nhận thấy, có nhiều tác phẩm đã thấm nhuần ảnh hưởng của cụ (những bài của Linh mục Trần Cao Tường, các anh Vương Kỳ Sơn, vân vân). Có thể nói mà không sợ lịch sử chê bai, cụ Kim Định có lẽ là một người trí thức Việt duy nhất có thể gây lên một ảnh hưởng như vậy.

Như tôi từng khẳng định công lao của cụ tại Viện Triết học của Trung tâm Khoa học Xã hội, Hà Nội (18/01/1997), Kim Định vượt xa Trần Đức Thảo trong lãnh vực suy tư và trong tinh thần ái quốc, cũng như sự nhiệt tâm của kẻ sĩ.”

Thái Bình Minh Triết, một tác phẩm của triết gia Kim Định đã được linh mục Trần Công Nghị xuất bản ngay sau khi ông mất. Linh mục Trần Công Nghị đã tưởng niệm về ông:

“Kim Định ôm hoài bão cánh chim Việt một ngày sẽ tung bay lên thượng tầng trời cao xanh, nơi đó đàn Chim Việt với nền Triết Việt Minh Triết là nguồn khởi thủy của một triết lý sâu xa, tiềm tàng sắc thái An Vi. Kim Định vẫn miệt mài khám phá, đi tìm và không ngừng minh chứng cho ta thấy được nguồn gốc oai hùng của Đàn Chim Việt.”

Trong *Hành Trình Tìm Lại Cội Nguồn* – NXB Văn Học, 2008 (trang 55), Hà Văn Thù đã ca ngợi ông bằng những lời rất trân trọng:

*“Hơn 30 năm qua cho tới nay, nhiều người cho rằng, cái yếu nhất của học thuyết Kim Định là thiếu cơ sở khoa học. Nhưng tôi trộm nghĩ, chính sự thiếu cơ sở khoa học này đã thể hiện dự cảm thiên tài của ông. Lẽ thường thì từ bột gạo nên hồ nhưng có thể nói Kim Định đã từ nước lã mà gạo nên hồ. Trong thời gian của ông, tri thức nhân loại về nguồn gốc văn hóa Á Đông còn rất thiếu thốn, cuốn sách quan trọng *Eden in the East* chưa ra đời, nguồn gốc và sự di cư của người hiện đại *Homo sapiens* chưa được xác định. Nhất là con đường Nam Á trong cuộc hành trình định mệnh về phương Đông chưa được phát hiện. Lịch sử Á Đông còn phủ trong vòng bao trùm của lý thuyết A. Aymonier cho rằng người Á Đông là từ phía Tây đi tới và chủ nghĩa Hoa tâm vẫn bao trùm trí tuệ nhân loại... Nhưng bằng dự cảm thiên tài của mình, ông đã phát hiện ra văn hóa Việt Nho cội nguồn của người Việt và bằng con đường “phiêu lưu” giải mã những truyền thuyết, huyền sử, ông đã tìm ra cốt lõi An Vi của đạo Việt! Là người tiên phong trong học thuật và tư tưởng, ông đã vượt qua những trí tuệ sáng láng nhất của người Việt và nhân loại. Chính vì thế, ông trở thành người độc hành lạc ồng.”*

Hồ Phú Hùng

Nguồn: <http://vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/kim-dinh-cuoc-doi-va-tu-tuong>

Các cuộc luận chiến trí thức phương Tây đăng sau các tư tưởng của Kim Định

LE MINH KHAI

Thứ năm, 16 Tháng 7 2015 21:27



Khi đọc các tác phẩm của triết gia Nam Việt Nam Kim Định, một trong những điểm mà tôi thấy hấp dẫn là việc nhận ra được mức độ mà những ý tưởng của Kim Định đã được định hình bởi nhận thức của ông về một số cuộc luận chiến trí thức chính ở phương Tây trong thế kỷ XIX và XX.

Ở mức độ rộng lớn nhất là cuộc luận chiến về các tộc người và các nền văn hóa “nguyên thủy”. Đây là một cuộc luận chiến nổi lên với sự phát triển của nhân học văn hóa như là một lĩnh vực nghiên cứu trong thế kỷ XIX.

Nhà nhân học người Anh Edward B. Tyler, “cha đẻ” của nhân học văn hóa, trong các tác phẩm chẳng hạn như *Văn hóa Nguyên thủy (Primitive Culture 1871)* đã cho rằng các nền văn hóa phát triển từ một trạng thái sơ khai đến một trạng thái phức tạp hơn.

Do đó, Tyler cảm thấy rằng con người tất cả về cơ bản đều như nhau. Những khác biệt đã tồn tại chỉ đơn giản là kết quả của những mức độ tiến hóa xã hội khác nhau.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, học giả người Pháp Lucien Lévy-Bruhl đưa ra một lý lẽ tranh luận. Trong công trình *Les fonctions mentales dans les sociétés inférieures* (Các chức năng tinh thần trong các xã hội thấp kém – 1910) của ông, (bản dịch sang tiếng Anh là *How Natives Think* (1926), *Người bản địa suy nghĩ như thế nào*), Lévy-Bruhl cho rằng vấn đề không phải là tất cả mọi người đều giống nhau, mà có những khác biệt chủ yếu giữa người phương Tây và các tộc người “nguyên thủy”.

Người “nguyên thủy” là người “thần bí”. Họ không phân biệt giữa hiện thực và siêu nhiên. Họ không hiểu khái niệm nhân quả, v.v... còn người phương Tây, ngược lại, là “hợp lý”.

Sau đó, trong những năm 1960, Claude Lévi-Strauss đã đóng góp thêm vào cuộc luận chiến này, trong các tác phẩm như *La Pensée Sauvage* (Tư duy Hoang dã, 1962), được dịch ra tiếng Anh là *The Savage Mind* (1966) bằng cách lập luận rằng nếu chúng ta xem xét cấu trúc của ý nghĩa đằng sau những lối tư duy của các tộc người từ khắp nơi trên thế giới, thì chúng ta có thể thấy rằng mọi người về cơ bản đều giống nhau ở cùng cách suy nghĩ.

Lévi-Strauss công nhận có rất nhiều loại tư duy khác nhau, mà ông gọi là tư duy thần thoại và tư duy khoa học, nhưng ông lập luận rằng chúng đều hợp lý như nhau và loại tư duy này (tư duy thần thoại) đã không tiếp tục phát triển thành loại tư duy kia (tư duy khoa học). Đó chỉ đơn giản là hai cách nhận thức và tư duy về hiện thực có giá trị ngang nhau. Cuộc luận chiến ấy trong các lĩnh vực nhân học và xã hội học về cách thức tư duy của người nguyên thủy / người bản địa / người hoang dã đã giao thoa với tri thức học thuật trong lĩnh vực Trung Quốc học.

Lévy-Bruhl được cho là người đầu tiên quan tâm đến chủ đề về “tâm tính” khác nhau của con người sau khi người bạn của ông, nhà Hán học Édouard Chavannes, cung cấp cho ông một số bản dịch các tác phẩm của Trung Quốc cổ đại. Rõ ràng là Lévy-Bruhl nhận thấy các tác phẩm này không thể hiểu được và điều đó dường như đã khiến ông bắt tay vào việc nghiên cứu cách thức tư duy của các dân tộc khác nhau.

Trong khi đó, Edouard Chavannes là một học giả người Pháp đầu tiên vào năm 1901 đã đi đến một lý thuyết cho rằng người Việt ở Việt Nam là những người đã di cư từ Trung Quốc về phương nam, sau đó lý thuyết này được Leonard Aurousseau làm cho trở nên nổi tiếng hơn nhiều vào năm 1923, và chính lý thuyết ấy cũng đóng phần vào các tác phẩm của Kim Định.

Trong mọi trường hợp, nhà Hán học quan trọng nhất đối với Kim Định là Marcel Granet. Granet thực sự vừa là một nhà Hán học lại vừa là một nhà xã hội học, và tri thức học thuật của ông đã đóng góp cho cả hai lĩnh vực này.

Trong công trình *La Pensée Chinoise* (Tư tưởng Trung Quốc, năm 1934) của ông, chúng ta có thể thấy rõ ảnh hưởng của Lévy-Bruhl. Đối với Granet, cung cách suy nghĩ của người Trung Quốc chắc chắn khác với cung cách suy nghĩ của người phương Tây.

Để chứng minh cho vấn đề này, Granet đã cố gắng giải thích chi tiết các khái niệm thể hiện cách thức suy nghĩ của người Trung Quốc, và ở đây ông đã thảo luận nhiều vấn đề mà sau này Kim Định đã tập trung vào, chẳng hạn như khái niệm âm dương và ngũ hành.

Hệt như Claude Lévi-Strauss đã lập luận về lĩnh vực nhân học trong những năm 1950 và 1960 cho rằng người phương Tây và không phải phương Tây không phải tất cả đều khác nhau, do đó đã đưa ra một cuộc thảo luận tương tự xuất hiện vào thời gian đó về lĩnh vực Trung Quốc học.

Một người đã tham gia rất sâu vào cuộc thảo luận đó là nhà Hán học người Anh Joseph Needham. Vào những năm 1950, Needham bắt đầu nghiên cứu và xuất bản một loạt sách (khối lượng thực sự khổng lồ) được gọi là Khoa học và văn minh ở Trung Quốc – *Science and Civilization in China*.

Trong những cuốn sách này, Needham và nhiều cộng tác viên của mình, năm này qua năm khác, đã tìm cách xem xét tri thức Trung Quốc từ bằng phương pháp so sánh để hiểu “khoa học” Trung Quốc. Các công trình của Granet là bước khởi đầu quan trọng cho Needham, nhưng theo thời gian, ông đã vượt khỏi các đặc trưng mô tả của Granet để đi đến phát hiện ra nhiều điểm tương đồng giữa tư tưởng Trung Quốc và phương Tây.

Do đó Needham đã tìm cách cung cấp cho độc giả của mình một cái nhìn tích cực vào nền văn minh Trung Quốc hơn là họ đã nhận thức được.

Một nhà Hán học khác cũng đã làm như vậy là Herrlee Creel. Là một giáo sư Đại học Chicago, Creel đã xuất bản các công trình về Trung Quốc trong cùng thời gian này và đã đem đến một cái nhìn rất tích cực về vùng đất đó.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, các học giả phương Tây tin rằng các giai đoạn sớm nhất của lịch sử Trung Quốc, chẳng hạn như thời nhà Thương, là huyền thoại, nhưng Creel đã giới thiệu người đọc các phát hiện khảo cổ học về các giáp cốt văn ở An Dương để ủng hộ cho giá trị lịch sử của giai đoạn đó.

Ông cũng đã viết một cuốn tiểu sử rất đồng cảm về Khổng Tử trong đó ông cho rằng Khổng Tử là một nhà cải cách dân chủ. . .

Sau đó là Wolfram Eberhard. Eberhard là một nhà Hán học người Đức đã phá vỡ huyền thoại cho rằng về phương diện lịch sử, Trung Quốc là một xã hội đồng nhất bằng cách chứng minh Trung Quốc luôn luôn là một xã hội đa luân lý (vì vậy mở ra cánh cửa cho Kim Định để lập luận rằng luân lý Việt quan trọng hơn so với luân lý Hoa, hoặc Trung Quốc).

Kim Định trích dẫn tất cả các học giả đó trong các tác phẩm của ông. Và trong khi ông không nhất thiết đi theo những ý tưởng chính xác của họ (chẳng hạn Eberhard không cho rằng người Việt ở Trung Quốc trước người Hoa, như lý lẽ của Kim Định), tôi vẫn sẽ cho rằng không thể hiểu được ý tưởng của Kim Định nếu không hiểu được các học giả mà ông đã đọc và suy nghĩ về các ý tưởng của họ.

Kim Định đọc các tác phẩm của Marcel Granet, Claude Lévi-Strauss, Joseph Needham và Wolfram Eberhard, nhưng để hiểu những gì mà các học giả này đã viết, chúng ta cũng cần phải hiểu về những gì mà các học giả như Edward Tyler và Lucien Lévy-Bruhl đã viết.

Điều này có thể khiến chúng ta hiểu “cái tinh thần” đằng sau tất cả những gì mà các học giả này đã làm, và suy nghĩ về “cái tinh thần” đằng sau những gì Kim Định đã tìm cách làm.

Hà Hữu Nga dịch

Nguồn: Le Minh Khai, *The Western Intellectual Debates Behind Kim Định's Ideas*, đăng trong trang mạng <https://leminhkhai.wordpress.com/2015/07/03/the-western-intellectual-debates-behind-kim-dinhs-ideas/>

Sử gia lớn nhất (không được biết đến/không được thừa nhận) của Việt Nam

LE MINH KHAI

Thứ hai, 13 Tháng 7 2015 16:08



Sử gia Kim Định (1914 – 1997)

Tôi dành mùa hè này đọc các tác phẩm của Kim Định, một linh mục Công giáo, triết gia và sử gia đã viết rất nhiều trong những năm 1960 và đầu những năm 1970 ở miền Nam Việt Nam. Khi đọc những gì ông đã viết, không cần phải đắn đo để kết luận rằng cho đến nay, Kim Định là sử gia táo bạo nhất và giàu trí tưởng tượng nhất mà Việt Nam đã từng biết đến.

Nói một cách đơn giản, Kim Định là một thiên tài. Tuy nhiên, theo như tôi được biết, không ai có thể nhìn thấy thiên tài trong những gì ông đã làm, nhưng đồng thời, giống như nhiều thiên tài, ông đã đẩy ý tưởng của mình đi quá xa.

Kết quả là ngày nay nhiều người vừa không biết Kim Định là ai, lại vừa bỏ qua tri thức học thuật của ông. Điều này, tôi cho là một sai lầm khủng khiếp.

Tôi xin giải thích lý do tại sao tôi lại nghĩ như vậy.

Trước khi đọc các công trình của ông, tôi chỉ nghe nói về Kim Định và đã chỉ đọc những gì người khác viết về ông. Từ thông tin này, hình ảnh mà tôi tạo ra về Kim Định là một nhân vật siêu dân tộc chủ nghĩa, với một ý tưởng điên rồ là Ngũ kinh của Nho giáo suy cho cùng là những sáng tạo của người Việt, và kết quả là, về cơ bản tất cả mọi thứ mà hiện giờ chúng ta nghĩ là văn hóa “Trung Quốc” thì thưở ban đầu lại thực sự là văn hóa “Việt”.

Đúng là Kim Định đã thực sự lập luận như vậy. Tuy nhiên, nẻo đường trí thức dẫn ông đến kết luận này là một nẻo đường đi qua một số ý tưởng học thuật lớn nhất của thế kỷ XX, và đó chính là lý do tại sao tôi lại nói rằng Kim Định được cho là sử gia Việt Nam quan trọng nhất của mọi thời đại (không phải là “giỏi nhất” mà “quan trọng nhất”).

Hành trình trí tuệ của Kim Định đã dẫn ông đi qua các tác phẩm của hai học giả Pháp nổi tiếng, Marcel Granet và Claude Lévi-Strauss.

Marcel Granet vừa là một nhà Hán học và một nhà xã hội học. Ông là một trong những học giả đầu tiên tìm những cách diễn giải xã hội học cho những gì ông phát hiện ra trong các văn bản cổ điển của Trung Quốc. Trong quá trình đó, ông đã cách mạng hóa những cách thức mà mọi người (cả bên trong và bên ngoài Trung Quốc) xem xét về thời cổ đại Trung Quốc.

Nổi tiếng nhất, Granet đã tái diễn giải Kinh Thi (詩經). Trong nhiều thế kỷ các học giả ở Trung Quốc đã giải thích các bài trong Kinh Thi bằng khuôn khổ đạo đức. Tuy nhiên, Granet đã xem chúng như là các sản phẩm của các nghi thức và lễ hội địa phương không liên quan gì đến các diễn giải đạo đức của truyền thống học thuật ở Trung Quốc cả.

Tuy nhiên, có lẽ quan trọng hơn đối với các công trình của Kim Định là, cuốn *La Pensée Chinoise* Tư tưởng Trung Quốc của Granet. Trong công trình dày dặn và uyên bác này, những gì Granet tìm cách chứng minh chính là các khái niệm trong các văn bản kinh điển Trung Hoa cổ đại chẳng hạn như học thuyết nhị nguyên Âm dương, và thuật số luận Ngũ hành, ...vv không chỉ là các khái niệm về những con số, mà là các “biểu tượng” (hoặc những gì mà sau này các nhà cấu trúc luận gọi là các “dấu hiệu”) cho các cấu hình của xã hội, và nếu nhìn vào các hiện tượng như thân tộc và hôn nhân, chúng ta có thể nhận ra bằng chứng của các khái niệm theo cách mà các hiện tượng ấy đã được sắp xếp và thực hiện.

Trong khi công trình của Granet với tư cách là một nhà Hán học đã bắt đầu bị chỉ trích bởi các học giả như Bernhard Karlgren vì không phân biệt giữa các văn bản của các giai đoạn khác nhau, thì công trình của ông với tư cách là một nhà khoa học xã hội lại ảnh hưởng đến công trình của các học giả như Claude Lévi-Strauss, nhân vật chính trong lĩnh vực nhân học cấu trúc.

Những ý tưởng của Lévi-Strauss xuất hiện chống lại các ý tưởng của các học giả như Bronisław Malinowski. Malinowski cho rằng chúng ta có thể hiểu được các xã hội bằng cách quan sát và giải thích những gì mà chúng ta nhìn thấy.

Mặt khác, Lévi-Strauss lại lập luận rằng những gì mà chúng ta nhìn thấy trong các xã hội trên toàn thế giới là khác nhau. Tuy nhiên, nếu chúng ta di chuyển bên dưới bề mặt của những gì mà chúng ta nhìn thấy và tìm cách hiểu được “cấu trúc” của những ý tưởng thông tin về những gì con người thực hiện, thì chúng ta có thể có

được một sự hiểu biết khác, và cuối cùng mới có thể nhận ra được là có những tương đồng trên toàn cầu.

Khi Kim Định đọc các tác phẩm của Claude Lévi-Strauss vào những năm 1960, ông cảm thấy rằng Marcel Granet đã khái lộ những gì là cái “cấu trúc” bên dưới lớp bề mặt ấy – đó chính là *âm dương và ngũ hành*, ...vv.

Hơn thế nữa, ông cảm thấy rằng tất cả những tri thức này đều là “Việt.” Đó không hề là những thứ của “Trung Quốc” sau đó được “nhập khẩu” vào Việt Nam. Đây là những gì mà tri thức học thuật của ông tìm cách chứng minh.

Vậy thì, tại sao Kim Định lại quan trọng đến chừng ấy? Trước hết, ông là sử gia duy nhất trong lịch sử Việt Nam hiện đại, mà tôi biết, là người thực sự đa ngành. Ý tưởng cho rằng học thuật cần phải đa ngành là một ý tưởng được đề cập rất nhiều, nhưng để có phương tiện đa ngành thì học giả phải có được các thông tin “cập nhật” nhất trong các lĩnh vực khác nhau. Đây là điều mà người ta không thấy có trong học thuật Việt Nam. Thay vào đó, nhiều học giả chỉ đơn giản là “chọn” thông tin từ các lĩnh vực khác nhau sao cho phù hợp với một ý tưởng (và thường là một ý tưởng dân tộc chủ nghĩa) mà họ đã có.

Mặt khác, Kim Định luôn luôn cập nhật tri thức học thuật trong các lĩnh vực khác nhau. Ông hiểu Saussure (ngôn ngữ học), Lévi-Strauss (nhân học), Granet, Creel, Needham (tất cả đều là các nhà Hán học), Foucault (triết học), ...vv. Và ông đã xây dựng ý tưởng của mình dựa trên ý tưởng của các học giả khác. Đó là những gì thực sự có nghĩa là đa ngành.

Nhưng vấn đề với các tác phẩm của Kim Định là gì? Cũng giống như các vấn đề với học thuật của Marcel Granet, Kim Định đã không phân biệt giữa các văn bản. Đối với ông, những gì được viết trong *Sử ký Tư Mã Thiên* hoặc trong *Kinh Thi* (cả hai đều có niên đại TCN) cũng đều giống với những gì đã được viết trong *Lĩnh Nam chích quái* của thế kỷ thứ mười lăm, ...vv. Các thông tin trong tất cả các văn bản đó đều có thể được sử dụng để thể hiện sự tồn tại của một “cấu trúc” nghĩa bên dưới các văn bản này. Điều đó thực sự là có vấn đề.

Tuy nhiên, các nhà nhân học như Lévi-Strauss, đã xây dựng ý tưởng của mình bằng cách xem xét các xã hội (“nguyên thủy”) đương đại, mà ở đó các thông tin có được đã không hề được thu thập từ những giai đoạn khác nhau. Điều này, tôi cho rằng, đã làm cho các lập luận như vậy có sức thuyết phục hơn.

Học thuật tiến triển khi các học giả sử dụng lý thuyết để đưa ra các khẳng định táo bạo. Các khẳng định như vậy đôi khi “quá” táo bạo, khiến cho các học giả khác thách thức các khẳng định ấy và xác lập một nhận thức hợp lý hơn. Tuy nhiên, kết quả vẫn là học thuật luôn tiến về phía trước.

Nói cách khác, sẽ thật tốt khi có được học giả đưa ra các tuyên bố táo bạo (như Edward Said, Benedict Anderson, James Scott, vv), bởi vì nó khiến cho các học giả khác thách thức và sửa chữa những tuyên bố đó. Tuy nhiên, để có được điều đó,

các học giả thách thức các tuyên bố táo bạo kia, về mặt lý thuyết, cũng phải được cập nhật thông tin như các học giả đã xuất trình các tuyên bố táo bạo vậy.

Đó là điều đã không bao giờ xảy ra với Kim Định. Kim Định đưa ra một số tuyên bố táo bạo trong các thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, làm cho nhận thức của chúng ta về lịch sử Việt Nam tiến (quá xa) về phía trước, nhưng kể từ thời điểm đó đã không hề có ai có được một sự hiểu biết lý thuyết như Kim Định, vì vậy đã không hề có một thách thức hiệu quả nào, hoặc bất cứ sự điều chỉnh nào, về các ý tưởng của ông.

Kết quả là Kim Định hoặc đã bị bỏ qua, bị nhạo báng, hoặc ý tưởng của ông đã bị hiểu lầm.

Đó là một điều đáng hổ thẹn, bởi vì, tôi cho rằng, Kim Định là sử gia Việt Nam duy nhất trong thời hiện đại, đã thực sự đến được với một cách diễn giải mới mẻ về lịch sử sớm của người Việt.

Để gạt bỏ ý tưởng của ông, trước tiên người ta phải có thể gia nhập vào các ý tưởng đó. Cho đến nay, chưa ai thực hiện được điều đó. Một khi ai đó bắt tay thực hiện, thì người đó sẽ thấy rằng có thể có một cái gì đó trong các ý tưởng của ông là sâu sắc (cũng hệt như các học giả vẫn tìm thấy những vấn đề sâu sắc trong các tác phẩm của Marcel Granet), và đó chính là điều sẽ khiến cho tri thức học thuật lịch sử tiến về phía trước. Cho đến thời điểm đó...

Người dịch: Hà Hữu Nga

Nguồn: Le Minh Khai, *Vietnam's Greatest (unknown/unrecognized) Historian*, đăng trong trang mạng <https://leminhkhai.wordpress.com/2015/06/19/vietams-greatest-unknownunrecognized-historian/>

GS. Kim Định – Người khởi nguồn học thuyết Việt Triết

Trong số ít ỏi những cây đại thụ nghiên cứu về lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam ở thế kỷ 20, GS. Lương Kim Định (thường biết tới với bút danh Kim Định) nổi lên như một hiện tượng lạ. Khác lạ ở cách thức tiếp cận và xử lý thông tin. Đặc biệt là những suy tưởng, những giả định của ông vượt trước thời đại, mà đến những năm gần đây một phần những suy tưởng ấy đã được khoa học hiện đại chứng minh. Sáng ngày 14-7, tại Trung tâm Văn hóa Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội) đã diễn ra buổi tọa đàm tưởng niệm 15 năm ngày mất của cố triết gia Lương Kim Định (1997 – 2012). Buổi tọa đàm do Trung tâm Minh triết phối hợp với Trung tâm Lý học

Đông Phương tổ chức. Tham dự tọa đàm có nhiều nhà khoa học tên tuổi. Có lẽ đây là lần đầu tiên ở Việt Nam tổ chức tọa đàm về GS. Kim Định.

Hoa văn trên trống đồng Đông Sơn được GS. Kim Định nghiên cứu rất kỹ GS. Kim Định sinh ngày 15-6-1915 tại Nam Định và mất ngày 25-3-1997. Ông đã để lại một di sản văn hóa đồ sộ với 46 đầu sách về những lĩnh vực triết học, văn hóa, đặc biệt là cổ sử Việt Nam... Xuất thân là một linh mục, GS. Kim Định từng dạy triết học trong nước, sau đó, ông sang Pháp, Mỹ du học. Tuy sống ở nước ngoài trong một thời gian dài nhưng ông vẫn miệt mài nghiên cứu cổ sử Việt. GS. Kim Định có công lớn trong việc xây dựng nền tảng cho triết học Việt Nam và là người đề xướng thuyết Việt triết (Việt Nho) với những trụ cột triết lý: An vi, nhân bản, thái hòa, bình sản. Nhiều học giả trong nước tiếp nhận hướng nghiên cứu và phương pháp luận của ông đã có những công trình học thuật có giá trị.

GS. Kim Định đã chứng minh cho thế giới này hiểu rằng, nền triết lý Việt đã có từ rất lâu đời, thậm chí có trước cả Trung Hoa. Bằng suy luận khoa học, ông đã khẳng định tổ tiên người Việt là người Viêm Việt. Suốt một thời kỳ dài trong lịch sử, dân tộc Viêm Việt sinh sống ở vùng châu thổ sông Dương Tử và đã làm nên văn hóa Việt Nho. Nền văn hóa Việt Nho lấy nhu thuận là cốt lõi, đại biểu cho văn minh nông nghiệp. Sau này, bộ tộc du mục người Hoa đã tràn từ phương Bắc xuống đàn áp, đẩy người Viêm Việt xuống phía Nam. Người Viêm Việt di tản đến khắp vùng Đông Nam Á rồi phân hóa thành nhiều chủng tộc khác nhau. Luận thuyết này 45 năm sau đã được các nhà khoa học khảo cổ và nghiên cứu ADN khẳng định.

GS. Kim Định Một trong những nghiên cứu sâu sắc nhất của GS. Kim Định là về trống đồng của dân tộc Việt. Tinh hoa văn hóa của người Việt đều dồn tụ vào những hình ảnh trên mặt trống. Từ những chiếc trống đồng hoen gỉ, ông nhìn thấy cả lịch sử Việt, văn hóa Việt, triết lý Việt trên chiếc trống đó. Từ hình ảnh trên trống đồng, có thể thấy cuộc sống sinh động của người Việt xưa. Người Việt có hàng trăm điệu hò, điệu múa, nào là múa sinh tiền, múa sắc búa, múa chai, múa trống, múa đèn, múa dặm, múa bông lau... Rồi các trò đua thuyền, kéo chũ, đánh cờ người, rỗi nước, rỗi cạn... Đó là những cuộc vui bất tận tỏa ra khắp cả nước. Chỉ có một thứ văn hóa, ấy là văn hóa toàn dân, không hề có chiến tranh tôn giáo hay ý

thức hệ. Hơn 50 sắc dân thiểu số với những tín ngưỡng rất khác nhau nhưng vẫn sống bên nhau suốt bao nhiêu ngàn năm hạnh phúc. Đó chính là nét đặc sắc của nền văn minh Lạc Việt, nền văn minh được khắc họa cụ thể trên mặt trống đồng. Mặt trống đồng chính là bộ sử hạnh phúc loài người. Đó có lẽ cũng là khát vọng mà người Việt hướng đến. Triết lý Việt chính là sự thăng hoa tột cùng của hạnh phúc loài người.

Tại tọa đàm, GS.TS Trần Ngọc Thêm nhấn mạnh: Trong lịch sử nghiên cứu văn hóa Việt Nam, phải đến Lương Kim Định mới trở thành một hiện tượng. Ông là người đầu tiên và cho đến nay là duy nhất viết nhiều sách nhất về văn hóa Việt Nam. GS. TS Trần Ngọc Thêm cũng trích dẫn một nhận định rất đáng suy nghĩ của GS. Trần ở Đài Loan: “Kim Định vượt xa Trần Đức Thảo trong lĩnh vực suy tư và trong tinh thần ái quốc, cũng như sự nhiệt tâm của kẻ sĩ”. Tiếc rằng, nhiều công trình có giá trị của GS. Kim Định cho đến nay được xuất bản rất ít và ít được phổ biến ở Việt Nam.

Huy Văn

Nguồn: <https://baomoi.com/gs-kim-dinh-nguoi-khoi-nguon-hoc-thuyet-viet-triet/c/8894559.epi>

Người cả đời tìm triết lý trên trống đồng Đông Sơn

(VTC News) – Mới đây, bên ấm trà đậm hương Việt, các nhà nghiên cứu cổ sử Việt Nam, trầm ngâm kể về một người, mà họ tôn vinh là triết gia bị quên lãng của nước Việt. Người ấy dành cả cuộc đời nghiên cứu cổ sử Việt, viết tới 46 đầu sách, chỉ để khẳng định rằng, nền minh triết Việt đã có từ mấy ngàn năm trước, trước cả người Trung Hoa. Chuyện này thật lạ!

Người Việt là một phần của cái nôi nhân loại

Người ấy là giáo sư Lương Kim Định, người trọn đời chỉ làm một việc, ấy là giải mã những thông điệp của người xưa, để tuyên bố với thế giới rằng, người Việt không phải là một dân tộc nhỏ bé, nước Việt cũng là một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại.

Cố GS. Lương Kim Định sinh ra và lớn lên ở Nam Định. Từng giảng dạy ở Việt Nam. Sau này, ông du học sáng Pháp, rồi Mỹ. Mấy chục năm sống ở nước ngoài, nhưng ông vẫn miệt mài nghiên cứu cổ sử Việt. Ông đã chứng minh cho thế giới này hiểu rằng, nền triết lý Việt đã có từ rất lâu đời, thậm chí có trước cả Trung Hoa.

Bằng những nghiên cứu của mình, ông khẳng định tổ tiên người Việt chính là người Viêm Việt. Dân tộc này vốn ngự trị ở giữa vùng châu thổ sông Dương Tử và đã làm nên văn hóa Việt Nho, một nền văn hóa tinh thần, lấy nhu thuận là cốt lõi, đại biểu cho văn minh nông nghiệp.

Sau này, bộ tộc du mục, ấy là người Hoa, đã tràn từ phương Bắc xuống. Họ mang tinh thần võ biên, đàn áp, đẩy người Viêm Việt xuống phía Nam. Người Viêm Việt di tản đến khắp vùng Đông Nam Á rồi phân hóa thành nhiều chủng tộc khác nhau.

Luận thuyết này được ông đưa ra từ rất lâu rồi, nhưng chẳng ai ông đếm xỉa. 45 năm sau khi ra đời luận thuyết của ông, khi khoa học hiện đại phát triển, ngành khảo cổ nghiên cứu qua nhiễm sắc thể (ADN), đã chứng minh rằng, dân cư Đông Nam Á xuất phát từ một chủng tộc khác người Trung Nguyên.

Heo bản đồ di dân qua nhiễm sắc thể, được các nhà khoa học thế giới công nhận, thì con người hiện đại Homo Sapien, đã xuất phát từ châu Phi đi khắp thế giới. Một nhánh người đi qua Tây Tạng, một nhánh qua Bắc Mông Cổ, gặp nhau ở châu thổ Hoàng Hà, lập ra nền văn minh Trung Nguyên, khởi thủy nền văn hóa Trung Hoa bây giờ.

Một nhánh di chuyển theo ngã Ấn Độ, dừng lại ở châu thổ sông Hồng, và lập ra nền văn hóa Hòa Bình (20.000 – 5.000 năm TCN). Từ đây, họ di cư lên phương Bắc, đến tận sông Dương Tử, ra tận biển, định cư ở các đảo Đài Loan, Nam Dương, Mã Lai.

Lương Kim Định nhìn thấy Việt triết sống động trong đời sống hàng ngày của dân tộc. Nó là những nếp sống, những tư tưởng nằm trong tiềm thức được thấm nhuần qua tiếng nói, ca dao, lời ru, phong tục. Việt triết được thể hiện và phát huy qua những bước chân âm thầm của các bà mẹ Việt, những người bố Việt trên những nẻo đường mòn của dân tộc trong bao thế hệ.

Theo nhà nghiên cứu Hà Văn Thù, từ những phát hiện này, cùng hàng ngàn chứng cứ mà ông nêu trong các cuốn sách của mình, ông khẳng định rằng, người Việt đã xây dựng một nền văn hóa nông nghiệp Việt nhân bản và minh triết, mà ông gọi là Việt Nho.

Người Hoa đã học rồi thể chế thành kinh điển, đồng thời cũng làm sa đọa Việt Nho theo tư tưởng của văn minh du mục Mông Cổ.

Từ chứng lý rất mong manh, GS Lương Kim Định cho rằng, chính người Việt là chủ nhân của kinh Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc... Không những thế, tiếng Trung Hoa và cả chữ vuông Hán ngữ cũng là của người Việt!

Đề xuất của GS. Lương Kim Định quả đã gây chấn động, như sấm giữa trời quang

khiến những đầu óc yếu đuối hoảng hốt và chống trả ông quyết liệt.

Triết Việt trên trống đồng

GS. Lương Kim Định gần như cả cuộc đời nghiên cứu chiếc trống đồng của người Việt. Tinh hoa văn hóa của người Việt đều dồn tụ vào những hình ảnh trên mặt trống. Ông nhìn thấy cả lịch sử Việt, văn hóa Việt, triết lý Việt trên chiếc trống đó.

Theo GS. Định, những hình người có cánh trên mặt trống đồng đại diện cho Mẹ Tiên, còn hình ảnh vòng ngoài vận hành ở tang trống chính là Rồng Cha. Mẹ Tiên và Rồng cha hợp nhau biểu thị đất trời hòa hợp, là thứ minh triết uyên bác xa xưa.

Nét dọc tang trống là Trời, nét ngang là mặt trống là Đất. Hai thứ ấy làm nên thực thể gọi là nhạc khí vũ trụ.

Vũ trụ thể hiện kích thước bao la của trời với đất. Cuộc hòa âm này chiếu giải lên toàn thân trống, tả lại một xã hội hạnh phúc tung bừng đang ca múa gồm cả trời (mặt trời), đất (thuyền rồng, các con vật) và cả người.

GS. Lương Kim Định đã giành cả cuốn sách chỉ để mô tả triết lý Việt trên chiếc trống đồng. Đã có vô vàn phát hiện thú vị của ông. Thậm chí, những con số cũng đều theo quy ước bí ẩn của văn hóa cổ.

Mặt trời ở giữa mặt trống thay cho trời làm trung tâm lan tỏa sức sống. Mặt trời tỏa ra 14 tia sáng. Rồi đến các vòng ngoài đều chia ra 2 bên chẵn lẻ.

Bên chẵn thì trên nóc nhà có 2 con chim, 6 người, đàn chim 4 cặp. Bên lẻ thì trên nóc nhà có 1 con chim, đoàn người 7, đàn chim 3 cặp. Vòng ngoài cùng chia làm 4 chỉ 4 chiếc hoa quỳ 9 cánh: $4 \times 9 = 36$, cũng có thể chỉ 4 phương. Nhưng mặt trời ở giữa, còn gợi ra suy nghĩ là bông hoa.

Hoa quỳ lại có 9 cánh. Số 9 là tiên thiên của huyền sử, dân Lạc Việt lấy số 9 làm quan trọng, nhân với 2 thành 18. 18 chim to, 18 chim nhỏ. Số 18 là huyền số như: 18 ngàn năm Bàn Cổ, 18 đời Hùng Vương, 18 thước cao của ngựa Thánh Gióng...

Từ những hình ảnh trên trống đồng, đã hiện ra đời thực. Trên các đình làng Việt Nam thể hiện rõ nhất triết lý đó. Đình là cái nhà có ba tầng kiểu nhà sàn: Nóc có chim đậu chỉ trời, người ở sàn giữa, bên dưới là đất. Trong đình cũng có 3 tầng như vậy, tức gồm cả tế tự cho trời, hành chính chia ruộng đất, còn người thì vui sống đình đám chơi xuân.

Điều đặc biệt, là cả trên trống đồng và đình làng Việt, đều thể hiện vạn vật giao hòa, trời và người là một, chẳng có gì tục với thiêng mà phải riêng rẽ. Cuộc sống đời

thường luôn tương xứng đình đám, chấp nhận mọi sinh thú ở đời.

Từ hình ảnh trên trống đồng, có thể thấy cuộc sống sinh động của người Việt xưa. Người Việt có hàng trăm điệu hò, điệu múa, nào là múa sinh tiền, múa sắc búa, múa chai, múa trống, múa đèn, múa đậm, múa bông lau...

Rồi các trò đua thuyền, kéo chũ, đánh cờ người, rỗi nước, rỗi cạn... Đó là những cuộc vui bất tận tỏa ra khắp cả nước. Chỉ có một thứ văn hóa, ấy là văn hóa toàn dân, không hề có chiến tranh tôn giáo hay ý thức hệ. Hơn 50 sắc dân thiểu số với những tín ngưỡng rất khác nhau, mà vẫn sống bên nhau suốt bao nhiêu ngàn năm hạnh phúc.

Đó chính là nét đặc sắc của nền văn minh Lạc Việt, nền văn minh được khắc họa cụ thể trên mặt trống đồng. Mặt trống đồng chính là bộ sử hạnh phúc loài người. Đó có lẽ cũng là khát vọng mà người Việt hướng đến. Triết lý Việt chính là sự thăng hoa tột cùng của hạnh phúc loài người.

» Bãi đá cổ Sapa là cuốn Kinh Dịch của người Việt? » Lời tiên tri của tổ tiên trên bãi đá cổ Sapa? » Người giải mã bí ẩn bãi đá cổ Sapa » VN: Phát hiện bãi đá cổ chưa từng thấy giữa rừng thẳm » Phóng sự ảnh: Bãi đá cổ Sapa sắp... biến mất » Tận mắt bãi đá có hình khắc chưa từng biết đến (kỳ 2) » Người đọc thông viết thạo chữ Việt cổ! » Chữ Việt cổ - chữ của nền văn minh rực rỡ?

Dương An Phát

Nguồn: <https://vtc.vn/nguoi-ca-doi-tim-triet-ly-tren-trong-dong-dong-son-d84812.html>

NHỮNG SAI LẦM NGỘ NHẬN VỀ CỔ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH

Lê Việt Thường

Chúng ta thường nghe câu : "Thiên Tài thường Cô Đơn". Lý do là vì THIÊN TÀI (gồm những nhà TƯ TƯỞNG LỚN, những người có sức SÁNG TẠO PHONG PHÚ trong nhiều lãnh vực khác nhau) thường ĐI TRƯỚC người đương thời hàng năm, hàng chục, hàng trăm năm..Hậu quả là thường xảy ra những điều SAI LẦM, NGỘ NHẬN xoay quanh cuộc đời, tác phẩm của họ. Và số lượng của những điều Sai Lầm, Ngộ Nhận có lẽ có TỶ LỆ THUẬN với sự LỚN LAO của Thiên Tài. Hiện tượng trên bắt nguồn từ sự HIỂU LÀM, NGỘ NHẬN THỰC SỰ, nhưng cũng có thể đến từ sự ÁC Ý do tính GANH GHÉT, ĐỐ KỶ của những Đồng Nghiệp hay của những người khác, hoặc do tính ĐIỀU NGOA, GIAN DỐI của những kẻ theo Cơ Hội Chủ Nghĩa định LỢI DỤNG Thiên Tài cho những mưu đồ DANH LỢI không mấy chính đáng của họ!

Cổ Triết Gia KIM ĐỊNH không thoát khỏi THÔNG LỆ trên!

- **A) TÍNH KHOA HỌC**

Những điều chúng ta thường nghe liên quan đến tính KHOA HỌC trong tác phẩm của Cố Triết Gia.

Tác phẩm của Cố Triết Gia có thiếu tính KHOA HỌC như điều đồn đãi hay không?

Và tính KHOA HỌC là gì ? Từ ngữ này thường khiến chúng ta liên tưởng đến lãnh vực Khoa Học VẬT LÝ với tính KHÁCH QUAN trong công việc QUAN SÁT, đặt GIẢ THUYẾT, ĐỊNH ĐỀ và THÍ NGHIỆM để kiểm soát tính TRUNG THỰC của các dữ kiện được quan sát với ĐỊNH ĐỀ.

Và tính KHÁCH QUAN thường được hiểu là Nỗ Lực của đương sự nhằm QUAN SÁT Sự Kiện, Biến Cố như nó xảy ra, cũng như việc tránh đem THÀNH KIẾN, Ý Kiến CHỦ QUAN của mình vào công việc.

Thật ra, đó chỉ là Thái Độ của một nhà Khoa Học LÝ TƯỞNG! Nhưng với các Khoa Học VẬT LÝ, nhờ đặc tính CỤ THỂ, HỮU HÌNH gắn liền với các khoa này, nên người ta cũng đạt được một số Kết Quả, Dữ Kiện có BẰNG CHỨNG, KIỂM SOÁT được.

Tuy nhiên, ngay ở lãnh vực Khoa Học VẬT LÝ, tiêu chuẩn KHÁCH QUAN đã bị đặt thành vấn đề với khoa LƯỢNG TỬ. Lý do là ở bình diện HẠ NGUYÊN TỬ, sự vật được quan sát thay đổi theo vị trí và nhãn quan tức theo CHỦ QUAN của người quan sát, do đó tiêu chuẩn KHÁCH QUAN thông thường đã không áp dụng được ngay ở địa hạt VẬT LÝ LƯỢNG TỬ.

Huống hồ là ở lãnh vực Khoa Học NHÂN VĂN!

Do đó, tiêu chuẩn TỐI HẬU của tính HIỆU LỰC (Validity) của GIẢ THUYẾT KHOA HỌC đối với Cộng Đồng các Học Giả QUỐC TẾ ngày nay là tính KIẾN ĐỊNH, PHÙ HỢP (Consistency) của Giả Thuyết Khoa Học nêu trên với tất cả các KHÍA CẠNH KHÁC của cái KHUNG KHOA HỌC (1)

Tiêu chuẩn KHOA HỌC có tầm QUAN TRỌNG BẬC NHẤT nêu trên của Cộng Đồng của các nhà Nghiên Cứu QUỐC TẾ ngày nay đã được Cố Triết Gia KIM ĐỊNH áp dụng từ lâu tức ít nhất 40 năm trước đây với khoa HUYỀN SỬ của Ông qua cụm từ MẠCH LẠC NỘI TẠI (Cohérence Interne). Sau đây là lời giải thích của Cố Triết Gia về phương pháp KHOA HỌC nêu trên áp dụng cho khoa HUYỀN SỬ là một khoa NHÂN VĂN như sau:

"Vậy cần lặn sâu mới tìm ra MẠCH LẠC NỘI TẠI là cái sẽ thay cho sự MINH NHIÊN KHÁCH QUAN, một đặc điểm của Khoa Học THỰC NGHIỆM mà NHÂN VĂN không thể có; nhưng không phải vì vậy mà được quyền muốn nói gì thì nói, làm thế thì những điều nói ra thiếu giá trị. Muốn có giá trị, muốn cho HUYỀN SỬ đạt vinh dự của một nền KHOA HỌC thì phải nắm được MẠCH NGẦM của một nền VĂN HÓA. Vì thế, phải đưa ra QUY LUẬT để tìm ra cái MẠCH LẠC nọ. Thiếu những quy luật đó thì huyền sử chỉ là tán dóc." (2)

Các QUY LUẬT được đề cập ở trên là hệ thống DỤNG, TỬ, Ý, CƠ mà Cổ Triết Gia đã áp dụng vào khoa HUYỀN SỬ của Ông, rất phù hợp với KHUNG KHOA HỌC (Scientific Framework) nằm trong tiêu chuẩn KHOA HỌC tối hậu của cộng đồng các Học Giả Quốc Tế vừa nêu trên.

Phần trình bày trên đây cho thấy là phương pháp HUYỀN SỬ của Cổ Triết Gia không những không thiếu tính KHOA HỌC như lời đồn đãi, mà còn đáp ứng những đòi hỏi của các Tiêu Chuẩn MỚI NHẤT của khoa NHÂN VĂN ngày nay! Nhưng có lẽ vì phần lớn những người chỉ trích chỉ căn cứ trên những THÀNH KIẾN về tính KHOA HỌC thường dựa trên các Tiêu Chuẩn của Khoa Học THỰC NGHIỆM nên có lẽ đó là nguyên nhân chính yếu về những NGỘ NHẬN về tính KHOA HỌC của tác phẩm của KIM ĐỊNH.

- **B) TÍNH HÀN LÂM**

Một NGỘ NHẬN khác là về tính HÀN LÂM của KIM ĐỊNH. Những ai có may mắn tiếp cận Cổ Triết Gia trong thời sinh tiền của Ông có thể thấy những hòm lớn đựng những tài liệu, những tập "Fiches" dày đặc mà Ông ghi chép lại trong suốt cuộc đời, vốn "gia tài" học vấn "khổng lồ" của Ông. Và nếu để ý thì sẽ thấy những lập luận của Ông hầu hết đều có dựa trên các khám phá hay các tài liệu của các Học Giả QUỐC TẾ có tầm vóc trong nhiều lãnh vực nghiên cứu khác nhau.

Nhưng vì sức SÁNG TẠO của Cổ Triết Gia quá PHONG PHÚ: hết tác phẩm này đến tác phẩm khác ra đời với một vận tốc có thể gây "chóng mặt" cho ai hằng theo dõi con đường sáng tác của Ông, nên Cổ Triết Gia không có nhiều thì giờ soạn một bản THƯ TỊCH đầy đủ về các NGUỒN TRÍCH DẪN.

Tuy nhiên, ở giai đoạn cuối đời, khi cho xuất bản lại tác phẩm "Cửa Khổng" vào năm 1997, Cổ Triết Gia đã soạn lại một bản THƯ TỊCH rất đầy đủ của tác phẩm nêu trên và rất đúng tiêu chuẩn HÀN LÂM.

Trong tương lai, chỉ cần một nhóm nhà Nghiên Cứu họp lại đem áp dụng phương cách nêu trên cho các tác phẩm khác của Cổ Triết Gia thì ta sẽ có một bản THƯ TỊCH đầy đủ, đúng tiêu chuẩn HÀN LÂM cho toàn bộ tác phẩm KIM ĐỊNH.

- **C) TRIẾT LÝ NHÂN SINH**

Không những tác phẩm của KIM ĐỊNH đáp ứng các Tiêu Chuẩn KHOA HỌC (lẽ dĩ nhiên với một quan niệm ĐÚNG ĐẮN, chứ không phải dựa trên những THÀNH KIẾN sai lầm về tính KHOA HỌC), và HÀN LÂM (nếu có thì giờ hoàn tất các công việc vừa nêu trên), nhưng QUAN TRỌNG hơn cả là tác phẩm còn là CẨM NANG của một nền TRIẾT LÝ NHÂN SINH Chân Thực không chỉ là đối tượng của SUY TƯ, mà còn của CẢM XÚC và SỐNG THỰC.

Do đó những ai có may mắn biết đến Con Người cũng như Tác Phẩm của KIM ĐỊNH khá sớm sửa, rồi dùng tác phẩm như bức CẨM NANG cho đời mình để SỐNG, CHÚNG NGHIỆM, cũng như để ĐÀO SÂU và KHAI TRIỂN bằng vốn KIẾN THỨC thu thập được, bằng KINH NGHIỆM sống thực cũng như bằng THỂ NGHIỆM Tâm Linh thì sẽ có một cuộc sống VIÊN MÃN về phương diện TINH THẦN, VĂN HÓA.

- **D) NGUYÊN NHÂN NGỘ NHẬN**

Lý do chính yếu của những NGỘ NHẬN nêu trên có lẽ là vì tác phẩm KIM ĐỊNH như có người nhận xét rất đúng là một "Khu Rừng" VĂN HÓA, nên không khéo thì sẽ đi LẠC ĐƯỜNG!

Nếu ai theo dõi từ đầu con đường Văn Hóa của Cố Triết Gia, thì sẽ nhận thấy các lãnh vực mà Ông nhấn mạnh đến là VĂN HÓA TRIẾT LÝ, chứ không phải LỊCH SỬ KHẢO CỔ. Năm 1970, với "Việt Lý Tố Nguyên", Ông đưa ra thuyết VIỆT NHO theo nghĩa NHO của người VIỆT như một Giả Thuyết làm việc hầu tạo sự hào hứng trong giới sinh viên và nghiên cứu. Do đó, "Việt Lý Tố Nguyên" được mở đầu bằng những lời lẽ như sau: "Đây là công trình của một cuộc khảo cổ KHÁC THƯỜNG không dừng ở khảo cổ, ở bác học, nhưng phóng tầm mắt ra bên ngoài, bên trên, bên dưới khảo cổ, lịch sử, bác học". (3)

Ở chỗ khác, Ông sắp hạng thứ bậc cho Văn Hóa, Lịch Sử và Khảo Cổ như sau: KHẢO CỔ bị sắp hạng chót vì là môn chỉ bàn về những vật BẤT ĐỘNG, trên Khảo Cổ là LỊCH SỬ vì SỐNG ĐỘNG hơn, còn trên Lịch Sử là VĂN HÓA vì TOÀN DIỆN hơn, nhất là TRIẾT LÝ vì môn này giúp đời sống có ĐƯỜNG HƯỚNG. Ở chỗ khác, Ông tuyên bố Triết Thuyết AN VI và VIỆT NHO chiếm cỡ 90 đến 95% trong khi Triết Sử chỉ chiếm nhiều lắm 5 đến 10% trong toàn bộ tác phẩm của Ông, hướng hồ là KHẢO CỔ! (4)

Do đó, thật là điều ĐÁNG NGẠC NHIÊN khi có người có lẽ vì mới đọc được một vài tác phẩm của Cố Triết Gia nên lầm tưởng KHẢO CỔ có địa vị Quan Trọng trong tác phẩm của Ông, nên "huyền hoang" tuyên bố là "nắm" được Tư Tưởng KIM ĐỊNH, trong khi trong thực tế không biết đến ngay thứ tự Ưu Tiên của các lãnh vực trong Tác Phẩm của Cố Triết Gia.

Ngay trong lãnh vực nêu trên, đương sự cũng có vẻ không nắm vững những Từ Ngữ hay Khái Niệm Sơ Đẳng của lãnh vực Nghiên Cứu, do đó có vẻ là TAY NGANG hơn là Tay Thiện Nghệ!

Lê Việt Thường

CHÚ THÍCH

- (1) Encarta, 1995, "Scientific Method"
- (2) Kim Định, "Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam", Dân Chúa, HK, 1982, tr.41
- (3) Kim Định, "Việt Lý Tố Nguyên", An Tiêm, 2001, trang bìa sau
- (4) Kim Định, "Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam", idem, tr. 37

(ảnh



(ảnh GiadinhNet.vn)

TƯƠNG NHỚ TRIẾT GIA KIM ĐỊNH NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH



Quang cảnh hội thảo tưởng niệm. Ảnh: Trần Tố Loan

TƯỞNG NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỔ TRIẾT GIA LƯƠNG KIM ĐỊNH (15.06.1915- 15.06.2015)

Ngày 6 tháng 7 vừa qua, Trung tâm Nghiên cứu văn hóa Minh Triết tổ chức hội thảo tưởng niệm nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của học giả Lương Kim Định (15.06.1915- 15.06.2015). Đông đảo các nhà khoa học, các nhân sĩ trí thức đã tới dự và phát biểu.

KỶ YẾU hội thảo, được phát đến mỗi đại biểu tham dự gồm các bài sau:

- 1- Lương Kim Định một gương mặt sĩ phu lớn thế kỷ XX - *Nguyễn Khắc Mai*
- 2- Triết gia Kim Định với Minh triết Việt - *Hà Văn Thùy.*
- 3- Những đóng góp mang tính nền tảng cho văn hoá Việt Nam của Triết gia Lương Kim Định - *Lê An Vi.*
- 4- Lương Kim Định và lời cảnh tỉnh “Đạo mất trước, nước mất sau” - *Ngô Sỹ Thuyết*
- 5- Tôi đã gặp học giả Kim Định như thế nào ? - *Đỗ Ngọc Thành.*
- 6- Lương Kim Định và Minh Triết về sự sáng khôn - *Lê Nguyên Cảnh.*
- 7- Thư Chúc mừng của ông Nguyễn Cảnh Hậu
- 8- Sĩ gia lớn nhất (không ai biết đến/không được công nhận) của Việt Nam - *Liam Kelley*
- 9- Dấu tích cội nguồn văn minh - *Lục Văn.*
- 10- Các tác phẩm của Triết gia Lương Kim Định.





Nhà nghiên cứu Trần Văn Đoàn (Đài Loan) đang phát biểu tại hội thảo.

Chùm ảnh của Trần Tố Loan

Chúng tôi đăng tải 03 bài của các tác giả Nguyễn Khắc Mai - Hà Văn Thù và Ngô Sĩ Thuyết (trường hợp có yêu cầu, sẽ đăng thêm các bài khác).

LƯƠNG KIM ĐỊNH MỘT GƯƠNG MẶT SĨ PHU LỚN THẾ KỶ XX

Nguyễn Khắc Mai



Vào ngày 15 tháng 6 năm 1915, tại Làng Trung Thành Nam Định, một người Việt Nam đã ra đời. Như sách Thi thiên trong Kinh Thánh, Quyển III, mục 75, câu 6 viết: "Vì chẳng phải phương Đông, phương Tây hay là từ phương Nam mà có sự tôn cao đến." Đó là sự báo trước của Thiên Chúa về một "sự tôn cao đến" với Đất Nước, với

nền văn hóa Việt vào thế kỷ XX, một thế kỷ có vị trí lịch sử rất đặc biệt của Việt Nam chúng ta chẳng.

Lương Kim Định, suốt đời học triết học, dạy triết học, sống và làm việc hết mình vì một nền Triết Học Việt. 82 tuổi đời, Ông sống trọn trong thế kỷ XX, vừa là con người của thời đại (như tên một tác phẩm văn học Nga “L'héros de notre temps), là chứng nhân của lịch sử, Ông cũng là người của thời đại mới góp công tạo dựng lịch sử văn hóa Việt Nam, và để lại một gia tài văn hóa đồ sộ... 45 tác phẩm, trong đó có 8 quyển chưa in, và 5 quyển đã thất lạc, tập trung đề tài về lĩnh vực triết học.

Nếu lịch sử văn hóa Việt thế kỷ XX ghi dấu nhiều gương mặt nhà văn hóa lớn, thì phần nhiều là văn nhân, thi sĩ, nghệ sĩ. Rất hiếm là gương mặt của nhà khoa học, đặc biệt hiếm là nhà tư tưởng, nhà triết học. Lương Kim Định thuộc lớp của hiếm hoi này. Vì thế Ông là một cửa quý và hiếm của văn hóa Việt thời hiện đại.

Khác với nhiều người, chủ yếu “*thuật nhi bất tác*”, Lương Kim Định đã đem lại một đóng góp quý báu và quan trọng, vừa thuật, vừa tác. Có những người như Hoàng Xuân Hãn, như Nguyễn Đăng Thục... họ học một ngành khoa học, kỹ thuật, rồi nửa đời, tựa như người đã leo đến một đỉnh núi, rồi từ đỉnh cao này bước sang một đỉnh núi khác và để lại dấu ấn công tích của mình cho học thuật. Lương Kim Định suốt đời thực hành đúng như sách Đại học của cổ nhân, làm một kẻ quân tử (người trí thức, kẻ sĩ, trau dồi học vấn triết lý “*như trác như ma, như thiết như tha*” để thuật một nền triết học cổ Việt, lại để từ đó sáng tạo ra những phạm trù mới mẻ cho văn hóa Việt.

Nhiều người cho rằng một cái gốc lớn của văn hóa Việt là của “Tàu”, Lương Kim Định nói ngược lại, mà không hề đồ chút nào. Ông nói có sách mách có chứng. Điều kỳ lạ là những phát kiến của Ông đã được những khám phá khoa học về sau, càng ngày càng chứng minh sự có lý của những luận điểm mà Ông đã nêu ra. Ông đưa ra luận điểm : Tộc Việt, được gọi là Bách Việt đã tràn ra chiếm ngự một vùng đất đai rộng lớn, sau này được gọi là “TÀU” Với cái tên Tsin (Tần) mà châu Âu gọi thành Chine, China, Sino...Chính họ là chủ nhân văn hóa đã đúc nên cái phôi, cái căn cốt, cái nguyên bản (archetype) của Trung Quốc cho đến ngày nay. Chỉ có điều, ông chưa chính xác khi cho rằng tộc Việt này đã từ Hymalaya tràn xuống Đông Nam. Ngày nay nhiều chứng cứ khoa học đã đính chính được điều đó. Thậm chí giới nghiên cứu Trung hoa hiện nay cũng đã phải đính chính nguồn gốc Bắc phương của mình và đã công bố rằng cội nguồn chủng tộc thậm chí cả cái căn cơ văn hóa là cũng từ Lạc Việt. Những dấu vết của văn minh, văn hóa Việt, ngày nay vẫn còn đầy rẫy trong xã hội Trung Hoa. Ông đã rọi một cái nhìn vừa tổng hợp, vừa mới mẻ để

khám phá lịch sử Trung hoa, vừa du mục, vừa nông nghiệp. Trong trường kỳ lịch sử Trung hoa quả nhiên cuộc đấu tranh giữa vương đạo và bá đạo, giữa yếu tố văn hóa phương Nam, và văn minh du mục Bắc phương cho đến nay vẫn còn dai dẳng: "Trác Lộc chí kim vị nhược hưu". Tương truyền trận chiến Trác Lộc là trận chiến mà Hoàng Đế đánh bại được Xi Vưu (lãnh tụ của các tộc Bách Việt Phương Nam).

Lịch sử cổ đại "Trung hoa", theo Ông, không phải là lịch sử một nhà nước mà chính là lịch sử của một vùng, một nền văn hóa. Bởi từ xa xưa cho đến Tần, mới có nước Tần, ngày ấy Trung Nguyên chỉ là danh xưng một vùng đất, một vùng văn hóa. Cho đến cuối đời Hán, sử sách còn ghi "đi khắp nơi chẳng thấy đâu là Hán địa (đất Hán). Nghĩa là triều nhà Hán vẫn còn cai quản một vùng đất rất hẹp. Mãi cho đến vài ba trăm năm trước đây thôi vùng đất phía nam Lương Quảng vẫn còn là đất của Đại Việt, của văn minh Đại Việt. Rất nhiều di chỉ văn hóa Lạc Việt được lưu giữ, khám phá ở đây. Giờ đây chỉ riêng khảo cổ học ở vùng đất này đã xác minh phán đoán của Lương Kim Định là đúng đắn. Người Bách Việt, trong đó phần quan trọng là Lạc Việt, chính là chủ nhân đã làm chủ vùng đất rộng lớn từ châu thổ Hoàng Hà, Dương tử, cho đến vùng Việt Đông và Lương Quảng. Vùng đất ấy xưa kia là lãnh thổ của những "Nước Cổ", có tên là Văn Lang, Xích Quỷ, Lạc Việt... Chính họ là chủ nhân văn hóa, đã "đúc" nên những cái phôi ban đầu, từ ngôn ngữ, chữ viết, những nghi ngẫu (archetype) là nền móng của những triết lý vũ trụ và nhân sinh, cho đến những "kỳ thư" (kinh sách) của cổ văn hóa... mà ngày nay Trung Hoa đang vinh dự chiếm giữ. Ông đã công phu chứng minh điều mà Khổng Tử từng nhận định. Sức mạnh của phương Nam-vùng Bách Việt là sức mạnh của văn hóa "ôn nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, quân tử cư chi" Công lao của Ông là đã tạo ra những luồng sáng mới soi vào lịch sử Bách Việt. Vì thế có học giả đã cho rằng, Ông là một sử gia vĩ đại (đã bị vô minh, quên lãng).

Ông đề xuất thuật ngữ Việt Nho, khái niệm Việt Nho và xây dựng phạm trù Việt Nho. Chứng minh và khẳng định phạm trù Việt Nho như là Nho nguyên thủy, phân biệt rất rõ với Hán Nho, Tống Nho...sau này, như là một sự tha hóa. Đây là một chỉ báo, hơn nữa là một hướng nghiên cứu học hỏi về văn hóa Việt nói chung và tư tưởng Việt nói riêng. Chính từ khám phá này, sẽ soi rọi cho chúng ta nhìn thấy cái lõi Minh triết Việt trong lịch sử văn hóa Việt cũng như của những nhà văn hóa, tư tưởng Việt.

Từ phạm trù Việt Nho, Ông xây dựng hệ thống triết lý, đặt tên là Triết lý An Vi, với các cột trụ: Thái Hòa, Nhân chủ, Tâm Linh. Ông xây dựng một số phạm trù của phương pháp luận, tư duy để làm cái quy, cái cũ từ đó dò lần từng bước vào cơ cấu dạng tìm ra cái hồn cái lõi của các nghi ngẫu, ngẫu tượng là những archetype. Từ đó khám phá giải thích cơ cấu của Việt lý - những triết lý căn bản của Việt Nho.

Những phạm trù “lô gích” để làm như cái quy cái cũ trong tay của Nữ Oa và Phục Hy. Đó là: Dụng, Số, Tượng, Từ, Cơ, Chế. Qua những phạm trù “lô gích đồng phương” này, Ông dò tìm cho đến tận những cái phôi của tư tưởng văn hóa Việt. Phạm trù Việt Nho và hệ thống triết lý An vi dàn trải ra trong hơn 40 đầu sách với cả vạn trang in là một công hiến to lớn, góp vào làm phong phú, sâu sắc cho cấu trúc nền văn hóa Việt Nam hôm nay.

Ông để lại một gia tài văn hóa đồ sộ. Về những vấn đề cơ bản của Triết học có: Cửa Khổng (Nguyên Nho), Nhân Chủ, Chữ Thời, Dịch kinh linh thể, Cơ cấu Việt Nho, Tinh hoa ngũ điển, Gốc rễ triết Việt, Việt triết nhập môn, Cẩm nang Triết Việt, Những dị biệt Triết lý Đông Tây, Lạc thư Minh triết. Về Lịch sử : Hồn nước với lễ gia tiên, Nguồn gốc văn hóa Việt Nam, Triết lý cái đình, Hùng Việt sử ca, Kinh Hùng khai triết, Sứ điệp trống đồng, Văn lang vũ bộ... Về văn hóa, giáo dục, lối sống : Định hướng văn học, Tâm tư, Vấn đề quốc học, Hiến chương giáo dục, Phong thái An vi, Trùng phùng đạo nội, ... Đặc biệt , ông để lại ba đầu sách về triết lý chính trị thế giới, khu vực và Việt Nam: Đạo trường chung cho Đông Á, Hoa kỳ và thế chiến lược toàn cầu, Hưng Việt.

Về phương pháp luận, Ông là người thực hiện được khẩu hiệu rất uyên bác của Đông Kinh Nghĩa Thực :”Á Âu chung lại một lò. Đúc nên nhân cách mới cho là người”. Ông học hỏi đến nơi đến chốn Triết Đông (đặc biệt là Trung Hoa), nghiên ngẫm văn hóa Việt, học hỏi triết Tây từ cổ điển đến hiện đại, đọc kỹ những nhà Trung hoa học hàng đầu của thế giới... Hiếm có nhà nghiên cứu, nhà triết học nào làm được như Ông. Ông dụng công xây dựng bộ công cụ logic kiểu Đông phương để áp dụng cơ cấu luận trong khảo sát văn hóa. Ông là người mở đầu, đi trước trong ứng dụng phương pháp tư duy phức hợp, hệ thống để nghiên cứu tư tưởng, văn hóa, lịch sử. Riêng về huyền sử, ông là người đã đem đến một cảm quan mới, mà tôi gọi là huyền sử học, để cho chúng ta đọc cổ tích , thần thoại nước nhà. Khác với “Tạ chí đại Trạng”, mọi thứ tín ngưỡng đều quy về tục thờ “đá”, ”cây”, ”ác thú”, ”lũ lụt”, ”sấm chớp”... Kim Định rất đề cao giá trị người trong những “Nhân thoại”.

Tôi không thể không nói đến Minh triết. Sau Ngô Thì Nhậm, Kim Định là người đã đem trả lại Minh triết, vốn bị hạ thấp, quên lãng cho văn hóa Việt. Với Kim Định, chúng ta bắt đầu có những tư duy dày dặn hơn cho phạm trù Minh triết. Và khi chúng ta bắt gặp một kết luận chắc nịch của học giả phương Tây hiện đại: *”Tiếp sau những thất vọng đối với các triết thuyết, ngày nay, Minh triết đang là chủ đề chính của tư duy đương đại”*, càng thấy công lao và tính tiên phong triết học của Ông.

Khi tưởng nhớ Ông, chúng ta không nghĩ rằng những công trình của Ông là toàn bích, không lẫn chút ít sỏi sạn bên trong, nhưng chỉ có những đầu óc thiên cận, biệt phái, cực đoan nên chỉ biết “chấp” sỏi sạn mà vứt bỏ luôn châu ngọc trong đó.

Tưởng nhớ Triết gia Kim Định, tôi hình dung tới một cây cổ thụ sum xuê, tỏa bóng. Dấu cổ thụ nào cũng có cành cộc, nên chớ làm con kiến leo ra leo vào. Hãy cố trèo cho đến cành cao, bằng không thì đứng tựa thân cổ thụ nhìn xa ra một chân trời mới, tìm cho mình một Đạo trường, để cho mình được sống An vi, Nhân bản, như cánh diều buộc nơi gốc cây, bay bổng trên trời cao, vẫn níu giữ, gắn liền với nguồn cội. Tôi chợt rùng mình khi nhớ lại lũ vô đạo, bất nhân, u mê đã từng đốn hạ những cây cổ thụ.!

Kính cẩn ghi chép để tưởng nhớ “Một Cõi Người” của Cố Triết gia Lương Kim Định./.

Nguồn: <https://xuandienhannom.blogspot.com.au/2015/07/tuong-nho-triet-gia-kim-inh-nhan-ky.html>

HÀNH TRÌNH KIM ĐỊNH VÀ AN VIỆT

Vũ Khánh Thành



Ngay sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm ổn định được miền Nam Việt Nam, các sinh viên du học nước ngoài lục tục kéo về xây dựng đất nước. Trong số những người tôi biết hồi đó có Cha Vũ Khánh Tường, Cha Lương Kim Định, Cha Trần Thái Đĩnh, Cha Lê Tôn Nghiêm và Thầy Hải Linh. Cha Tường tiến sĩ giáo sử, về Việt Nam năm 1956 làm bí thư cho Đức Cha Phạm Ngọc Chi, lúc đó là Tổng Ủy Trưởng Di Cư do Tổng Thống Diệm đề cử ổn định việc định cư các gia đình từ miền Bắc vào Nam, trong số này nhiều phần là người Công Giáo. Các khu di cư này phần nhiều về phá rừng, khai khẩn đất đai vùng Hồ Nai Biên Hòa, Hóc Môn, Gò Vấp, Cái Sắn v.v Cha Tường sau đó cũng được đề cử làm Hiệu Trưởng Trung Học Nguyễn Bá Tòng Saigon.

Khi cha Tường và các cha, các thầy về vinh qui bái tổ, một buổi lễ rất lớn được tổ chức tại Giáo Xứ Trung Chánh của cha Trần Quốc Phú, linh tông với cha Tường. Lúc đó tôi còn bé, làm cậu giúp lễ tại nhà thờ Trung Chánh được điều động tiếp bàn, bê đồ ăn vv... Tôi nhớ cha Tường nhất vì ngài rất bệ vệ, đẹp trai, nói năng lưu loát kể cả pha trò cho mọi người cười vui,

Riêng về Cha Kim Định, sau này được nghe kể lại, khi hồi hương từ Paris về Miền Nam, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã sai ông Trần Văn Lắm lúc đó là Chủ Tịch Quốc Hội VNCH ra phi trường Tân Sơn Nhất đón tiếp và chào mừng Kim Định.

1. GIAI ĐOẠN KHỞI ĐẦU

Khi mới vào miền Nam, các Giáo Phận miền Bắc qui tụ ngay giáo dân, các Chủng Sinh lập Tiểu Chủng Viện hay Đại Chủng Viện mang tên tân Bụi (Bụi Chu), tân Thanh (Thanh Hóa), tân Hà (Hà Nội) Các người dân bình thường cũng theo các linh mục đi phá rừng làm rẫy mang tên nhờ về quê cha đất tổ như vậy không khác gì người Mỹ gốc Anh lấy New York, New Hampshire, New South Wales. Người Mỹ lúc đó tài trợ một tỉ mỹ kim cho chương trình di cư của người Bắc vào Nam là một triệu người, mỗi người của mỗi gia đình được cấp 700 đồng tiền miền Nam lúc đó, cùng với dụng cụ cuộc xêng v.v... Sau này lớn lên tôi được đọc về sự tài trợ này, thực là một phép lạ cho người Mỹ và Tây Phương về tính cần cù, chịu khó đáp ứng mau lẹ của người Việt Nam. Phản ứng của người Miền Nam với việc di cư của người miền Bắc vào Nam lúc đó, họ không mấy nhiệt tình và thường nói *“đất nước độc lập rồi còn vào Nam làm gì”*.

Cha Kim Định dạy học ở Đại Chủng Viện Lê Bảo Tịnh Gia Định từ 1958 do cha Trần Văn Hiến Minh làm Giám Đốc. Được 3 năm thì theo lệnh của Giáo Quyền, các chủng viện di cư phải sát nhập vào Chủng Viện bản xứ. Các cha giáo sư tiểu chủng viện Bụi Chu phụ trách trường Nguyễn Bá Tòng thay cha Tường. Cha Tường về Đắc Lộ ngã tư Bảy Hiền. Cha Kim Định cũng được cha

Tường mời về Đắc Lộ giúp xứ ở đây và đi dạy Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Từ năm 1961 này tôi được sống gần cha Kim Định. Lúc đó tôi đã học lớp 11 chuẩn bị thi Tú Tài phần 1. Bản tính tôi thích đọc sách nên hồi đó có thầy Nguyễn Văn Thiện cũng học cha Kim Định ở ĐCV Bùi Chu, cho tôi mượn đọc cuốn Tự Chiêu Minh Đức và cuốn Tâm Đạo là giảng khóa đầu tiên của Kim Định. Tôi chẳng hiểu gì hết cho đến khi lên Đại Học, học lớp dự bị Văn Khoa với cuốn Cửa Không. Tôi cũng học nhưng không có cảm nghiệm gì cả. Chỉ học để trả bài lấy điểm lên lớp thế thôi. Các buổi tối, sau khi ăn cơm xong ở Đắc Lộ, cha Kim Định thường đi bách bộ, có khi đi một mình, có khi đi nói chuyện với người khác. Tôi mạnh dạn xáp vô nói chuyện với cha. Tôi nhớ một lần tôi nói với cha “*đọc sách cha sao con thấy hiểu về cuộc sống, về đạo Thiên Chúa khác quá*”. Cha bảo chắc Thành bắt đầu hiểu về triết lý nhân sinh rồi đấy. Cứ cố gắng đọc đi. Tây họ gọi sự chuyển biến này là cuộc “*rửa tội siêu hình học*” (Baptême métaphysique), không có chuyển biến siêu hình là chưa “*ngộ*”, chỉ có tri thức suông chứ chưa có nhất quán trong tư tưởng. Điều này sau này tôi mới nhận rõ ra là nhiều người bạn của tôi trí khôn rất giỏi nhưng không hiểu được triết lý An Vi của Kim Định và Kim Định có hàng ngàn học trò, nhưng những người hăng say trong triết lý nhân sinh như căn bản của cuộc đời mình thì thực không có là bao. Các giảng khóa sau tôi bắt đầu học với Kim Định về Chữ Thời, Nhân Bản, Những Dị Biệt Giữa Hai Nền Triết Lý Đông Tây, Cơ Cấu Việt Nho, Vũ Trụ Nhân Linh ... Từ đây tôi đã hiểu phần nào Triết Lý Kim Định.

Các sách in tại Việt Nam lúc đó đều phải có phép của Bộ Văn Hóa Thông Tin VNCH và giáo quyền Công Giáo (phần lớn sách Kim Định do cha Trần Văn Hiến Minh đọc, trách nhiệm sau đó đề vào mấy chữ “*Cunlicentiis Debitis*” – được phép in trên sách đã in). Khi sang Hoa Kỳ không còn kiểm duyệt nữa nhưng phải nộp bản đăng ký chủ quyền tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.

Một vài chuyện vui tôi kể ra đây coi như vớ vẩn nhưng nó như những giọt nước thấm dần về triết lý nhân sinh tôi lãnh hội từ Kim Định.

Một lần đi bách bộ với Kim Định ở Đắc Lộ, bọn trẻ con chơi ngoài đường nói rất lớn tiếng chửi rằng “*Đắc Lộ ăn c*”. Lý do chúng chửi tục như vậy là vì buổi tối, công phải đóng, chúng không được chơi đùa, đá banh trong sân của trường học khu Nội Trú Đắc Lộ. Cụ Định thấy chúng chửi thế, cụ dừng lại cười, nói với tôi và một số chú khác cũng đang tùm năm tùm ba nói chuyện trên đường rằng, “*bọn trẻ này ngu quá, có mỗi một cái của quý mà cho người khác ăn, mai ngày lấy gì mà hưởng tứ khoái trên đời. Mọi người đi tu ở đây không cần dùng mà có ai dám cho ai ăn của quý đó đâu? Chúng mày đúng là trẻ con, không ai thèm chấp*”. Thế là mọi người cười rồ lên.

Một lần khác cụ Định với một số các bậc vị vọng đi xuống Bình Chánh thăm cha Định Xuân Hải. Trong khi đi đường cụ thấy hai con chó đang giao hợp với nhau. Cụ Định bảo “*Hai con chó này hư quá, trước mặt các đấng các bậc mà chúng mày cứ tự nhiên làm ăn như vậy à. Nhưng thôi, tha cho chúng mày vì*

chúng mày có mùa mới làm ăn được còn con người thì tứ thời bát tiết, lúc nào cũng làm được cả cho nên mới ra trăm tội ở đời vì cái sự này. Ngày xưa khi mới tạo thiên lập địa, Chúa bảo, hãy sinh sản cho đầy mặt đất thì tha thứ được chứ bây giờ mặt đất đã đầy rồi thì phải tiết chế hoặc hạn chế sinh sản chứ đâu có cứ đẻ mà không đủ ăn, không dạy dỗ thì xã hội sẽ hỗn loạn.” Ai nấy đều cười về sự tiêu lâm của Kim Định.

Cụ Định đi dạy học lúc nào cũng mặc bộ áo dài trắng dân tộc. Đi xích lô đến trường dạy học. Sau này một học trò biểu Thầy Kim Định một chiếc xe Jeep nhà binh đã phê thải, sửa lại, sơn màu khác màu xe quân đội để thầy lái xe đi dạy, tiết kiệm được thì giờ. Những lớp Triết Đông chuyên biệt của cụ thì số sinh viên tham dự bình thường nhưng những lớp Dự Bị thì chật cứng. Số người nghe phải ngồi ra cả hành lang hoặc có nhiều lần phải học ngoài trời, nhà trường đưa bàn giáo sư ra ngoài và mắc micro giảng dạy cho sinh viên nghe rõ. Số sinh viên đến nghe cụ nói về triết Việt thật đông, kể cả những người không học ban triết cũng đến nghe. Tôi còn nhớ, cuốn Cửa Không mỗi lần in 5000 cuốn và đã in lại nhiều lần tại Việt Nam. Trào lưu về nguồn và tìm hiểu triết Việt lên rất mạnh. Hồi đó miền Nam tuy đã có chủ quyền về chính trị nhưng về văn hóa ảnh hưởng Pháp còn rất nặng nề, tới nỗi gọi là Đại Học Văn Khoa mà triết Việt chỉ được xếp 8 giờ một tuần, sau dưới áp lực của sinh viên, được tăng lên 12 giờ. Một Giáo Sư Khoa Trưởng Văn Khoa còn tuyên bố chỉ có triết học Trung Hoa chứ làm gì Việt Nam có triết lý ! Cụ Khoa Trưởng này ngay những năm gần đây, khi thỉnh thoảng viết bài trên báo Thông Luận cụ ấy vẫn lạnh lùng nói Việt Nam không có triết lý, không có tư tưởng, đại loại cùng lập trường theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự. Theo mới tức là Âu hóa như nhóm Tự Lực Văn Đoàn hay nhóm Thông Luận hiện nay. Các giảng khóa của cụ Định ngày đó cũng chỉ đề lấp lửng chứ đâu dám nói ra là Triết Lý Việt Nam ! Hiểu được hoàn cảnh lúc này chúng ta mới thấy sự can đảm của Kim Định trong việc khôi phục hồn nước, khôi phục chủ quyền văn hóa cho dân tộc.

Ít năm sau khi sách vở đã ra được khá và số sinh viên cũng như người hâm mộ đã tăng lên, Kim Định mới dám chính thức gọi triết lý của mình là Triết Lý An Vi đặt trên nền Việt Nho là Nho Giáo nguyên thủy của Việt tộc đã được chắt lọc khỏi những yếu tố du mục do Hán Nho đem vào.

Một chuyện khác tôi vẫn nhớ Kim Định là khi làm lễ tại nhà thờ Đắc Lộ. cụ đi từ phòng áo ra bàn thờ, dáng dấp của cụ như một ông tiên, cách đi như một người vũ. Hai tay cụ cũng nhẹ nhàng mềm mại như một vũ công. Tôi quan sát rất kỹ hành vi cử chỉ của cụ khi làm lễ, rất siêu thoát bay bổng. Tôi hỏi cụ điều này. Cụ trả lời: LỄ đi với NHẠC và VŨ. Trong Đông Phương của ta, Lễ được tổ chức rất quan trọng. Vua mỗi năm chỉ cử hành Lễ tế Nam Giao một lần. Trước khi Tế, vua và quan phải chay tịnh cả tháng đợi đón nhận hội nhập linh thiêng giữa thiên và địa. Sau vua đến làng xã, mỗi năm cũng Lễ Thành

Hàng một lần cùng với nhiều lễ tiết khác. Các cuộc lễ này cũng rất long trọng, ít ra 3 ngày, mọi người ăn uống no say, có ca múa và nhiều trò chơi. Các cô cậu thì được tự do hẹn hò. Sau mùa lễ thì có đám hỏi để thành thân đôi lứa. Xuống tới cấp bậc gia đình thì là Tết Nguyên Đán, Lễ Giỗ của những người thân trong gia đình, đều xáo trộn vện vào tâm linh.

Tôi hỏi thêm cụ, lễ trong thiên chúa giáo cũng có nhạc và vũ. Nhà thờ Việt Nam nào khi có lễ lớn cũng có ca đoàn hát rất hay, các đội vũ, đội dâng hoa cũng rất điêu luyện, nó khác thế nào so với Lễ thầy vừa nói. Cụ nói, trong đạo thiên chúa ngày nào cũng có lễ. Các Lễ này nhằm thờ phượng thiên chúa, cầu xin ơn của ngài. Lễ của đông phương là “Tế thần như thần tại”. Tức là tin có thần ở đó cũng được, không có thần ở đó cũng không sao. Động tác chính của lễ là chính tác động của người tế, nhằm củng cố mối quan hệ giữ người với người, giữa người với tiên nhân mà cùng cực là Văn Tổ là tổ của các tổ tức là Nhân tính của con người, là Tâm Linh, nơi giao hội giữa Trời và Đất. Nhạc hay vũ trong nhà thờ là để ca tụng Thiên Chúa, khác với Lễ, Nhạc. Vũ trong triết lý nhân sinh phát xuất từ tâm cảm của mình, hòa nhịp với vũ trụ, của trai gái biểu lộ yêu đương, của mối tình nguyên thủy của đáy lòng con người.

Năm 1966-67 tôi tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Khoa Triết Tây tại Đại Học Văn Khoa Saigon. Nghe lời cha Giám Đốc Đắc Lộ, tôi xuống Đại Chung Viện Xuân Bích Vĩnh Long học Triết và Thần Học đồng thời ghi danh làm Cao Học với Giáo Sư Kim Định. Thời gian tu học này, thầy Kim Định thường khuyên tôi cố theo đuổi để thành Linh Mục mặc dù khó lắm vì Thành đã hiểu triết lý nhân sinh nhưng phải cố để sau này huấn luyện chủng sinh, giáo dục bốn đạo để thành người trước khi thành Tu Sĩ, Linh Mục, giáo dân. Tôi nhớ mãi lời khuyên này nhưng không thể theo đuổi con đường tu đạo được. Được gần 2 năm, tôi trở về Saigon tiếp tục dạy học và nghiên cứu viết luận văn Cao Học của tôi cho tới năm 1970 tôi ra ứng cử Nghị Viên ở Tỉnh Biên Hòa. Đắc cử, tôi lao vào hoạt động chính trị, xã hội và đi dạy, trong khi vẫn thường xuyên thăm hỏi và trao đổi với thầy Kim Định. Lúc này thầy đi dạy nhiều hơn. Ngoài Đại Học Văn Khoa Saigon, thầy còn dạy ở Đại học Minh Đức, Thành Nhân, Vạn Hạnh, Đà Lạt. Thịnh thoảng lúc kẹt thầy điện thoại cho tôi đi dạy thế ít giờ cho đến năm 1975, mọi sự hoàn toàn sụp đổ. Tôi kẹt ở lại, thầy đi thoát. Tôi rất mừng về chuyện này. Không ai có thể ngờ được về cuộc đời của mình.

2. GIAI ĐOẠN GẶP LẠI KIM ĐỊNH Ở NƯỚC NGOÀI

Ra được nước ngoài tháng 10 năm 1979, người đầu tiên tôi đi tìm là xem Thầy Kim Định ở đâu. Năm 1980 nhân đọc một tờ báo xuân có đăng quảng cáo của anh Đăng Trường, sinh viên cũ của Kim Định, tái bản cuốn Hôn Nước Với Lễ Gia Tiên tại Hoa Kỳ. Tôi viết thư cho nhà xuất bản nhờ chuyển cho Thầy Kim Định, báo tin tôi đã thoát khỏi Việt Nam và đang ở Anh. Thầy hồi âm liền và

chúc mừng tôi đồng thời khuyến khích tôi trau dồi Anh Ngữ để có thể viết được Anh ngữ trôi chảy hầu có thể quảng bá triết lý An Vi và Việt Nho cho thế giới.

Làm cho chương trình Tị Nạn của Bộ Nội Vụ Anh nhận 25 ngàn người Việt từ Hồng Kông sang Anh Quốc, tôi biết chương trình sẽ chấm dứt vào năm 1982, tôi đã chuẩn bị mình sẽ làm gì, học gì. Tôi viết thư xin ý kiến thầy Kim Định. Thầy khuyến khích tôi học tiếp Cao Học. Đây là nguyên văn lá thư của Thầy:

“SaigonSan Jose 23/VIII/81.

Thành yêu dấu,

Hôm qua nhận được thư Thành đề ngày 18/8 liền đi cậ người ta đánh máy chứng nhận gửi kèm đây. Quên không nhớ năm nào thi, còn nói assistant Minh Đức thì cũng như Đắc Lộ mà lại có tang chứng. Minh Đức có lúc cũng đặt ở Đắc Lộ, còn làm cao học ra thuyết trình thay cho giáo sư cũng là truyện bên này họ hiểu được. Nếu cần thì thêm vào tôi sẽ biên lại và thường thì phải gửi thẳng đến cơ quan liên hệ. Nó có tính chất confidential hơn. Nếu muốn làm thế thì cho địa chỉ và người nhận tôi sẽ gửi cho họ.

Họ sẽ chọn 5, 6 người nhưng trong số bằng nào giáo sư Việt Nam ?

Còn truyện hàn lâm, nếu được thì may lắm để cho anh ngữ lên độ viết được. Coi vậy mà khó đấy. Với tuổi lớn nó không feel được nữa. Còn hàn lâm bên này là cái cực khổ nhưng cũng phải giấn.

Về đề tài mai ngày mà viết sách thì thiết nghĩ nên có một chương (hay một phần) nói về tình trạng triết Đông trước khi bộ An Vi ra đời để người đọc thấy rõ tính chất cách mạng của triết lý nọ. Phần này có thể dùng A Source Book in Chinese Philo by Wing-Tsit-Chan. Princeton University Press 1963. Hồ Thích, Phùng Hữu Lan. Bên ta: Thục, Kim, Phan Bội Châu.

Sau đó đến triết an vi thì nên nói ít điem:

- 1. Về cơ cấu là lối mới mà bộ đó theo dùng số độ, hình đồ, huyền thoại, huyền sử đối chiếu, tổng quan. Đó là phương pháp. Về nội dung thì chia 2 phần: 1. là an vi tức nhân chủ, khác với nhân bản ở chỗ nhấn về hàng dọc trời đất, không có dị đoan nào nữa, cũng không dùng pias frauds nhưng là triết lý con người. Trình bày trong thế đối chiếu với Ấn Độ (bái vật) hay cổ điển Tây Âu và cả mới (ý hệ) còn đây tâm linh.*
- 2. Phần 2 nói về nguồn gốc gọi là Việt Nho vì lấy tài liệu cơ bản tự Nho và Việt. Cái may của nó là đặt Việt trước Nho. Nhờ cơ cấu. Chú ý đến số, hình, chế, khảo cổ (Trống Đồng) mà dám làm cuộc cách mạng đó. Phần này tuy đã trình bày trong chín quyển sau của bộ nhưng chưa được chính xác như nay*

trong những quyển mới nhất như Kinh Hùng (sắp ra) Sứ Điệp sẽ ra tiếp. Văn Lang Vũ Bộ v.v ...Nếu cần thì sau sẽ xé và gửi cho.

Đại để đó là cái khung tổng quan. Sẽ tùy đó mà rút ra từng phần hay tóm lược để làm luận án nhỏ hoặc to. Nhưng đây nói sơ, sau còn phải nói dài tùy theo plan của Thành đưa ra. Tôi chỉ giúp thêm ý. Thí dụ huyền thoại Thôi Vỹ tôi đang làm căn cứ cho bài “Những Chặng Tiến Của Triết Việt” đã gửi cho Thành chưa? Cháu gái nay thì nói tiếng Anh giỏi hơn bố rồi chứ. Có thể đã lưu lốt và chỉ vài năm nữa thì như Anh. Mong cho gia đình sang sớm. Nghe nói về tính cách di tản như vậy tôi cũng yên lòng vì bên này tôi ý theo dõi tình trạng các nước khá sát nút. Nhờ có báo US News và Ti Vi.

Thôi chúc mọi sự tốt lành. ĐÌNH LUƠNG.

Theo sự gợi ý của Thầy, tôi đã cố moi óc để viết, dù không có một cuốn sách, một bài báo trong tay, tôi đã viết được trên một trăm trang A4 viết tay để gửi cho trường SOAS (School of Oriental and African Studies) thuộc Viện Đại Học London. Cũng chẳng có ai sửa Anh Ngữ cho tôi, cứ viết sao gửi vậy. Sau vài tháng trường gọi tôi lên phỏng vấn và trắc nghiệm Anh Ngữ cùng với tất cả các sinh viên khác, họ nói chuyện một đề tài rồi yêu cầu sinh viên viết lại xem có hiểu đúng ý người thuyết trình không. Tôi chẳng hy vọng gì vì anh ngữ hồi học ở Việt Nam là sinh ngữ hai, lại chẳng đi học thêm ở đâu cả, chẳng làm ở Mỹ, chẳng có cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài làm sao khá được. Nào ngờ tôi được nhận nhưng rất tiếc trường nói rằng, họ không có Giáo Su bảo trợ cho Luận Văn Cao Học của tôi. Họ khuyên tôi sang học Khảo Cổ về Phật Giáo. Tôi chấp nhận vì nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để trau dồi Anh Ngữ. Mỗi lần trở lại trường Đại Học, giáo sư và sinh viên chỉ ngồi gợi ý và thảo luận với nhau, sau đó họ cho hàng chục cuốn sách bảo đến thư viện tìm đọc rồi thảo luận lần gặp kế tiếp. Tôi chơi với với sinh viên khác, một tuần lễ họ đọc được dăm ba cuốn, còn tôi một cuốn không xong. Vừa đọc vừa tra tự điển, nản chí quá. Nhưng đến giờ học tôi nói sự khó khăn của tôi và chỉ trình bày một đề tài trong mớ sách tham khảo, ngầm ý rằng, các bạn đọc nhanh hơn tôi sẽ cho tôi biết tóm tắt các sách khác. Chăm cự được gần một năm, tôi báo cho Thầy Kim Định tôi phải bỏ cuộc vì ngoài việc đọc sách ra, nhà trường còn bắt các sinh viên Cao Học phải đi làm toàn phần, hay bán phần. Học Cao Học là nghiên cứu riêng của mình. Tôi đã nhận đi làm vệ sinh văn phòng vào sau 5 giờ 30 chiều. Thay vì nhà thuê cho tôi như hợp đồng là làm 4/5 tiếng một buổi, họ bắt tôi làm 8 tiếng một buổi tôi tức là mỗi ngày làm tới 1 hay 2 giờ sáng. Quá vất vả tôi bỏ học và bỏ làm sau khi đã cố gắng được gần một năm và mất luôn tiền đặt cọc 2 ngàn đồng bằng Anh. Tôi cũng chẳng mất công kiện tụng, vì đã có việc làm về tài chánh (Financial Consultant) lo mượn tiền cho bà con mua nhà, mua cơ sở kinh doanh, đầu tư, tiết kiệm, bảo hiểm ... Tôi đã thành công vượt bậc. Vừa làm kinh doanh, vừa bắt đầu lập Cộng Đồng Tị Nạn Việt Nam tại 2 thành phố Hackney và Islington từ 1982. Đến năm 1986 tôi tách thành phố

Hackney đứng độc lập với Islington thành Hội An Việt (lúc này để phù hợp với tình thế phát triển của người Việt, đến định cư lập nghiệp nhiều hơn ở Hackney, tôi dịch chữ An Việt thành “*Người Việt An Cư Lạc Nghiệp = An-Việt means Well Settled*” và chỉ nhận một số chọn lọc hội viên, không nhân danh toàn cộng đồng Việt Nam để khỏi bị đảo chính như đã xảy ra nhiều nơi và dễ theo đuổi con đường của mình.

3. GIAI ĐOẠN KIM ĐỊNH TIẾP TỤC SÁNG TÁC

Thầy Kim Định đã bị một giai đoạn khủng hoảng tinh thần trầm trọng sau ngày 30.4.1975 trong một ý thức sâu thẳm khôn cùng mà thầy luôn nhắc lại một cách thấm thía: “*Đạo mất trước, nước mất sau*”. Câu nói này lúc trước tôi đã nghe thầy nói nhiều lần nhưng chỉ ở ngoài tai y như những lời cự TT Nguyễn Văn Thiệu nói “*Đất nước còn, còn tất cả, đất nước mất, mất tất cả*” – hay câu “*Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm*”. Ai ở miền Nam ngày đó đều hiểu là những câu tuyên truyền, chẳng ai bàn luận, chẳng ai bận tâm. Nhưng khi đã trải qua sau những ngày 30.4.1975 mới thấm tới tận đáy lòng của mình. Cụ Định đã viết “... và ngày 30.4.75 khi tai họa sụp xuống thì từ đáy một suối bất tận nước mắt cứ tuôn trào ra như từ muôn con tim thôn thức của tiên tổ, không cho tôi giảng giải gì được nữa. Cứ đang nói là nước mắt tuôn trào, tôi rất xấu hổ mà không làm cách chi cầm lại được.” Phải đến năm 1978 cụ mới bắt đầu cầm bút lại để sửa cuốn “*Căn Bản Triết Lý Trong Văn Hóa Việt Nam*” thành cuốn “*Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên*”, tên nguyên thủy của cuốn sách mà khi còn ở Việt Nam, khi xuất bản lần đầu, phải mang một tên khác cho có tính cách hàn lâm. Sách do anh Đăng Trường, một sinh viên cũ của cụ ấn hành, tháng 8/79 tại San Jose California. Trong 10 năm trời này (1978-1988), Kim Định đã ra được 10 cuốn cộng với 22 cuốn đã xuất bản tại Việt Nam để hoàn chỉnh trọn bộ Kinh Điển Việt Nam mà cụ đặt tên là Cửu Khâu, Bát Sách, Ngũ Luận, Tam Phần, và Thái Bình Minh Triết. Tất cả là 7,617 trang sách ! chưa kể những sách chưa in và những sách đã bị thất lạc . Tất cả toàn bộ Kim Định đã viết là 45 cuốn (Xin xem thư mục ở Tiểu Sử Kim Định).

Việc in sách Kim Định trong thời gian này do HT Kelton xuất bản.

Năm 1984 Kim Định đi Đài Loan, tham dự Hội nghị triết học Quốc Tế tại Đại Học Đông Hải. Tham Luận của Kim Định là “*Vai Trò Của Nho Giáo Trong Thế Giới Ngày Nay*”.

Năm 1987 Kim Định tham dự Hội Nghị Quốc Tế về Khổng Học Với Thế Giới Ngày Nay tổ chức tại Đài Bắc, Đài Loan. Cùng đi với Kim Định là Giáo Sư Linh Mục Vũ Đình Trác. Tham Luận của Kim Định là “*Đạo Trường Chung Cho Đông Nam Á*”. Hai bài tham luận này và vài bài khác, sau này được in

thành sách với tựa đề “*Đạo Trường Chung Cho Đông Nam Á*” thay vì Thị Trường Chung Âu Châu đang được các nước Âu Châu thành lập trong thời điểm này.

Tháng 7 năm 1988 Kim Định đi Brighton Anh Quốc tham dự Hội Nghị Triết Học Thế Giới để gặp một số nhân vật quan trọng. Vì thì giờ hạn hẹp tôi đã xuống Brighton gặp Thầy Kim Định sau đó thầy đi Pháp rồi qua Hòa Lan và trở về Hoa Kỳ đi Batavia khởi đầu các lớp huấn Luyện Cán Bộ An Vi với anh Nguyễn Bình Duy. Sau lớp huấn luyện này, thầy đi Úc theo lời mời của Bác Sĩ Nguyễn Văn Vinh và hiền thê Huỳnh Thị Sáu (học trò của thầy). Thầy cũng gặp Bs Trần Đại Sỹ và bào huynh Võ Sư Trần Hữu Quyền ... là những người tổ chức các buổi nói chuyện cho Thầy ở Melbourne, Sydney và vài thành phố khác vô cùng thành công.

(Xin xem thơ của Thầy ngày 19.7.1988 và thư mời của Cộng Đồng người Việt tại Hòa Lan).

Thư ngày 19.VII.88 thầy viết:

“Thành thân yêu,

Mọi sự xuôi chỉ chưa mua được vé máy bay San Jose London. Gọi ba lần mà hãng du lịch không tìm ra chỗ. Nhưng đang cậy vài chỗ mua. Tôi định đến London 23 hoặc 24. Đi xuống đại hội triết rồi về với anh em và nói truyện 28. Đi Hòa Lan 29 thì có lẽ tôi lấy train đi Paris gặp anh em An Việt ở Paris vì Lộc (Lê Xuân Lộc) mới sang cho biết mấy điều rất thuận lợi để nói kết. Ở vài ngày đoạn mỏng 2 hay 3 sẽ về San Jose (2 hay 3 vì còn tùy mua vé máy bay để 2 ngày flexible cho dễ mua vé. Vé Úc họ mua rồi mà chưa nhận được để đi xin Visa). Đi Úc 2-19 tháng 8 xong 2 chuyến đi Úc và Âu thì An Việt đã có chân trên quốc tế. Khi sang sẽ đưa sách Gốc Triết Việt, và hi vọng cả tranh Trống Đồng mới. Bài Huân Từ gửi xem trước 1 mình để ... đọc cho những chiến sĩ trước khi ký kết lời hứa”.

Chào. KIM ĐỊNH

Tôi tự lấy máy bay đi Hòa Lan gặp thầy Kim Định và gặp gỡ anh em bên Hòa Lan. Cuộc gặp gỡ được tổ chức rất chu đáo và có hàng trăm người tới tham dự trong đó có một số anh em từ Đức và Đan Mạch qua. Sau ngày họp tôi theo Thầy Kim Định đi thăm khu lấp biển lấy đất của công trình thủy lợi Hòa Lan. Thầy rất khâm phục việc trị thủy này và mong muốn Việt Nam sẽ học được để phát triển cho xứ sở, mở rộng việc canh tác, nuôi cá v.v...

Ở Hòa Lan ít ngày, Thầy Kim Định và tôi đi Đan Mạch để tiếp xúc với anh em bên đó. Sau Đan Mạch thầy đi Pháp rồi trở về Mỹ. Tôi về lại Anh Quốc.

Đến đây tôi có thể kết thúc sự nghiệp văn hóa của Kim Định như sau

Kim Định là người đầu tiên “*đã bày tỏ mối cảm tình thâm sâu với Triết Đông vì nhận thấy trong đó một nền nhân bản chân chính. Trong khi đào sâu thêm, ông cho là đã khám phá ra một điều thú vị thứ nhì: Đạo Nho trước hết là của Việt Nam, còn người Trung Hoa đến sau chỉ làm cho hoàn bị cũng như về sau làm cho sa đọa ra Hán Nho. “Sứ mạng của Triết Đông, ông nói, là phải trả lại cho Nho Giáo sự chính truyền của chủ cũ”* . (NXB An Tiêm – HCGD 1970 trang bìa).

Nhận định như trên của Nhà Xuất bản An Tiêm đã tóm tắt 2 trụ cột chính của sự nghiệp Kim Định;

– **Điều thứ 1: Kim Định đã làm một việc như Khổng Tử, san định lại nguyên Nho hay Việt Nho.**

“*Vì xét cho cùng, khởi nguồn từ huyền sử với những vị như Phục Hy, Thần Nông và Nữ Oa cho mãi tới hơn sáu trăm năm trước tây lịch mới có một Khổng Tử ở nước Tàu san định lại nguyên Nho hay Việt Nho và người cũng là đại diện cuối cùng của nền Minh Triết này và từ đó tới đầu thế kỷ 20 nguyên Nho đã bị bẻ queo, hay xuyên tạc để củng cố đế quyền. Và cũng mãi tới đầu thế kỷ này mới có một người làm một việc giống như Đức Phu Tử bên Tàu khi xưa. Có nghĩa là hơn 26 thế kỷ mới lại có người đưa Đạo Nho trở lại vị trí đích thực của nó. Người đó lại là người Việt tên Lương Kim Định”*. (Nguyễn Việt An, đọc trước giờ hạ huyệt).

– **Điều thứ hai: Bách Việt đã làm chủ miền nam Trung Quốc trước khi bị Mông Cổ xâm lăng.**

Điều này gây tranh cãi nhiều đó là qua khảo cổ, dân tộc học, xã hội học, văn hóa tỉ giáo, ca dao tục ngữ, phong tục học, ngôn ngữ học, phân tâm học, nhân chủng học và nhất là Cơ Cấu luận ... Kim Định đã khám phá ra Việt tộc tức Bách Việt đã làm chủ miền Nam Trung Quốc trước khi bị người Mông Cổ xâm lăng. Người Bách Việt đã biết trồng lúa, nhìn vũ trụ đặt nền tảng cho Kinh Dịch, có chữ viết tượng hình, trai gái múa hát mà có Kinh Thư. Không phải là nhà khảo cổ, Kim Định nhường cho những khám phá mới mà ngày nay đã thật rõ nét qua những công trình của Tiến Sĩ William Solheim, Tiến Sĩ Stephen Oppenheimer (*Địa Đàng Phương Đông*), nhà di truyền học SW Ballinger, hội nghị tại Đại Học Berkeley với “*The Origins of Chinese Civilisation*” đã xác tín cơ sở khoa học cho học thuyết Kim Định: *Người nguyên thủy từ Phi Châu qua Ấn Độ đến Đông Nam Á tới Úc Châu. Một nhánh khác từ Đông Nam Á lên Trung Hoa qua Siberia và Mỹ Châu. (S. Oppenheimer – Out Of Eden)*. Hết thời du mục người Mông Cổ đã xâm lăng miền Bách Việt nông nghiệp, đẩy khoảng 30% dân Bách Việt tứ tán khắp nơi, sau thành nước Thái, Miến, Miên Lào, Indo, Malay, Đại Hàn, Nhật Bản Nhóm Việt duy nhất còn giữ được văn hóa nguyên thủy, tên Việt, chạy về phương nam, lập ra nước Việt Nam ngày nay. 70% dân Bách Việt còn lại đồng hóa với người Mông Cổ thành người Hoa Hạ,

người Hán, tức người Trung Hoa hiện nay (Mông Cổ phương nam). Như vậy những thành tựu văn hóa xuất hiện trên đất Trung Hoa trước 2600 TCN đều là sản phẩm của người Việt Nam.

“Từ sau 2600 năm TCN, người Bách Việt bị mất đất, mất chủ quyền chính trị nhưng do số dân đông và văn hóa cao nên văn hóa Việt giữ vai trò chủ đạo trong văn hóa Trung Nguyên. Nhờ đấy tạo nên thời hoàng kim trong lịch sử Trung Hoa. Ở thời đại này, tiếng Việt hòa nhập với tiếng nói của chủng Mông Cổ và là chủ thể của ngôn ngữ Trung Hoa. Trí thức Việt-Mông kế thừa văn hóa của Bách Việt sáng tạo ra nền văn hóa Trung Hoa rực rỡ. Trong vai trò lãnh đạo xã hội, người Hán-Mông Cổ khai thác và phát triển văn hóa của người Việt lên tầm cao mới nhưng cũng dần dần lái nó sang tinh thần du mục” (Xin đọc thêm Hà Văn Thù).

Thuyết Việt Nho và An Vi của Kim Định không những cho Việt Nam mà còn cho toàn khối Đông Á nhận lại nền Minh Triết của mình. Kim Định đã đề nghị lập một “Đạo Trường Chung Cho Đông Nam Á” rất được các học giả Trung Quốc và thế giới trân trọng đón nhận.

Mở đầu cuốn “Việt Lý Tổ Nguyên” Kim Định viết:

“Đây là công trình của một cuộc khảo cổ khác thường, không dừng lại ở khảo cổ, ở bác học, nhưng phóng tầm mắt ra bên ngoài, bên trên, bên dưới, khảo cổ, lịch sử, bác học, để cố tìm ra những nét căn bản chạy ngầm xuyên qua lịch sử nước nhà, nhưng tính chất có ngay từ đầu và sẽ còn mãi với dân tộc, nên gọi là Tổ theo nghĩa bản lai cố hữu. Độc giả sẽ nhận ra lối khảo cổ như trên, chứa rất nhiều tia sáng lạ kỳ vào con đường chúng ta phải đi đến đợt văn minh chân thực. Như thế sự quay về học lại nguồn gốc nước nhà dưới mọi khía cạnh văn minh. Văn hóa, định chế, sử, địa, văn chương ... không còn là một việc khảo cổ suông trong thư viện nữa nhưng chính là giúp vào việc kiến quốc, tìm ra và củng cố tinh thần dân tộc, đặt nền tảng vững chắc cho nền Quốc Học ngày mai vậy.”

(Trang bìa sau NXB An Tiêm 1970).

Một điều rất thú vị tôi xin nêu ra ở đây là một nhà văn hóa xã hội chủ nghĩa của đảng cộng sản Việt Nam tên là Nguyễn Huệ Chi đã viết một bài trong cuốn TỪ ĐIỂN VĂN HỌC Bộ mới, NXB Thế Giới 2003, từ trang 754 đến trang 758, Nguyễn Huệ Chi chú ý đến Kim Định là Linh Mục Thiên Chúa Giáo, chỉ nghiên cứu triết học và văn hóa và Kim Định đã nêu nổi bật nguồn gốc Nho Giáo trong tiến trình nghiên cứu. Nguyễn Huệ Chi không đả động gì đến triết lý An Vi mà Kim Định đã đề cả đời với 45 tác phẩm để xây dựng cho dân tộc. Nguyễn Huệ Chi cho là cuốn Cửa Không là tất cả tư tưởng Kim Định. Ông không nhắc nhở gì đến các tác phẩm khác, không nói gì đến việc Kim Định đã đập phá tan tành triết lý hữu vi giết người mà theo Heidegger (triết gia lớn nhất của Đức) nói

Triết học Tây Phương đặt nền tảng trên hữu hoặc vô, đi tới đâu là gieo mầu và nước mắt tới đó. Thứ triết học nhị nguyên đó đã tụt thành mọi tai ương cho nhân loại là: Chủ nghĩa thực dân, chế độ kỳ thị chủng tộc và chế độ cộng sản.

Nguyễn Huệ Chi không công nhận Kim Định là triết gia (chỉ nhắc tới Cao Xuân Huy và Trần Đức Thảo) như câu kết của bài viết “... Một hệ thống vấn đề không kém quan trọng đang là ẩn số cần được tiếp tục giải đáp trong các ngành Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Việt Nam”. Vì hạn chế sống trong xã hội chủ nghĩa, Nguyễn Huệ Chi đã không nhắc đến các ngành khác như Đạo Học, Tôn Giáo, Thân Học, Tâm Linh ... cũng có ý nghĩa với vận mệnh, cứu cánh của con người. Từ sự phủ nhận của nhà cầm quyền cộng sản với sách vở, tư tưởng của Kim Định, bài của Nguyễn Huệ Chi đã được chấp nhận để đưa vào Từ Điển Văn Học, cũng là điều đáng lưu ý, đáng hoan nghênh.

Một số phê bình khác về Kim Định tập trung nơi cách trình bày thiếu tiêu chuẩn hàn lâm của Kim Định. Tôi xin trưng dẫn một nhận định tiêu biểu của Cố Luật Sư Cung Đình Thanh: “Kim Định đã viết nhiều mà lại bất cần đến logic, cũng chẳng để ý đến việc dẫn chứng những sách tham khảo, dù ai cũng biết là ông đọc thiên kinh vạn quyển, lúc nào cũng có thể thực hiện được những việc này một cách dễ dàng. Bởi vậy, chỉ những ai có cái căn bản Việt Học như ông, có cái tâm như tâm ông mới cảm được ông; nếu không dễ cho là ông nói vu khoát, nói không chứng cứ. Tôi xin nói ngay, dù vô cùng ngưỡng mộ GS Kim Định và đồng ý với ông về một số điểm trong vấn đề nguồn gốc văn hóa Việt Nam nói chung và tư tưởng Việt nói riêng, nhưng chúng tôi không đồng ý về phương pháp ông sử dụng và sẽ không dùng những phương pháp kiểu này để soạn thảo quyển Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam”. Cố Luật Sư Cung Đình Thanh viết tiếp:

“Tuy nhiên, ngay đây chúng tôi muốn đặc biệt trình bày với quý anh và bầu bạn khắp nơi là: có một điều lạ kỳ chứng tỏ sức sống của người Việt vô cùng mạnh mẽ là chính tại giảng đường ngôi trường hơn 20 năm trước GS Kim Định đã rao giảng thuyết trên, tại thành phố mang tên Hồ Chí Minh, một người can đảm khác là Phó Giáo Sư Tiến Sĩ Trần Ngọc Thêm, cũng đang rao giảng những điều tương tự. Quyển sách làm nền cho những bài giảng của ông Thêm được chính Bộ Giáo Dục chính quyền hiện tại chấp thuận, được trường Đại Học Tổng Hợp Saigon ấn hành, được các giáo sư nổi tiếng của chế độ giới thiệu và hoan nghênh. Như vậy có thể nói là đã được chính quyền xã hội chủ nghĩa mặc nhiên đồng thuận. Quyển sách đó mang tên “Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam”, ấn hành năm 1996. Tất nhiên việc làm của ông Thêm cũng không tránh được những đả phá gay gắt, kiểu như “hơn 20 năm sau, TS Trần Ngọc Thêm lặp lại theo kiểu photocoppi hầu hết những ý tưởng quá táo bạo, quá động trời, ngược lại sử sách hơn hai ngàn năm nay của Kim Định” (trang 268 – Phê bình phản phê bình của Trần Mạnh Hào, 1966) và “Đến đây, chúng tôi có thể kết luận rằng, hầu hết những luận điểm gọi là khoa học rất “mới mẻ” trên của Trần Ngọc Thêm, nghĩa là “những phán quyết động trời” như vừa trình bày, đều được chiết ra từ

những cuốn sách đã dẫn của Kim Định. Thậm chí cả đến cách lập luận của ông Thêm hầu như cũng đều sinh ra từ ông Định. Đó là phương pháp luận phi khoa học mà chúng tôi gọi là phương pháp truyền thuyết luận, thần thoại luận, ngữ nghĩa luận, linh cảm luận được góp chung trong cái rọ phiếm luận” (Trang 272 sđd). Cổ Luật Sư Cung Đình Thanh viết thêm:

“Chúng tôi chẳng cần biết ông Thêm có photocoppi hay không thuyết của ông Kim Định, chỉ biết ông là người can đảm và rất có công. Bởi nếu không phải là ông hay những người khác như ông thì một người “ở ngoài” như ông Kim Định hay như chúng ta làm sao có thể được phép chính quyền xã hội chủ nghĩa cho vào rao giảng những lý thuyết khác kiểu “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa” tại Đại Học thuộc quyền kiểm soát của họ? Đã đành ông Thêm cũng như ông Kim Định chưa chứng minh được một cách khoa học lý thuyết của mình để thuyết phục được những người quen lối tư duy kiểu Tây Phương. Nhưng điều hạn chế đó đâu có trách họ được. Tôi muốn nói đến cái lý luận người ta gọi là khoa học theo “kiểu cũ đó” (nghĩa là mới chỉ ít chục năm về trước) cũng đã lỗi thời rồi. Điều quan trọng là họ (GS Kim Định và GS Thêm) đã có can đảm đem những tư tưởng trên gieo rắc vào đầu óc những người trẻ tuổi yêu nước. Chính thành phần này (tất nhiên phải có sẵn những chủng tử yêu nước trong đầu) 20 năm trước cũng như những thanh niên đang ngồi ghế giảng đường Đại Học Saigon hôm nay sẽ làm nhiệm vụ tìm chứng minh khoa học cho những luận điểm kể trên” (Tiếng Chim Gọi Đàn – dự án viết Lịch Sử Tư Tưởng Việt của Cung Đình Thanh, trang 52-53).

Cuối cùng đề khởi bị tiếng là mẹ hát con khen hay, tôi xin trưng lời của nhà phê bình có tiếng tăm ở hải ngoại ngày nay là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích viết về Kim Định như sau: “*Nếu ta không nhất thiết đồng ý với hết cả ý kiến của ông, ta cũng sẽ được làm thân với một trong những bộ óc triết lý lớn nhất nếu không của nhân loại thì cũng của Việt Nam”*

4. GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT LINH THIÊNG (VIỆT LINH)

Từ năm 1989 Kim Định vào đời với việc kêu gọi thành lập phong trào Việt Linh mà nền tảng là các hội An Việt có mặt trên khắp nhiều tiểu bang tại Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Châu, rồi tổ chức Quốc Dân Đại Hội 1989 và mặt trận Văn Hóa phát huy tinh thần Hội Nghị Diên Hồng. Kim Định thâm tín rằng muốn phục quốc phải khôi phục Đạo Việt. Hãy nhìn khối người Do Thái tản mát khắp nơi như dân tộc Việt ngày nay, dù ở khắp nơi, người Do Thái vẫn đoàn kết, muôn người như một là nhờ Thánh Kinh như quẻ hương bồ túi của họ. Hãy nhìn các tôn giáo như Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Ấn Giáo họ cùng có một nền tảng tinh thần để đoàn kết như một. Ngay cả cộng sản, tôi không nói đến đúng sai hay dùng công an, hộ khẩu, nhà tù, bạo lực cách mạng, đạo đức cách mạng, chuyên chính vô sản ... để cai trị nhưng ít ra họ có thuyết duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác Lê để làm nền cho chủ nghĩa (mặc dù phi nhân) của họ. Trớ trêu thay, tới nay vẫn còn có những người bênh vực, tin theo.

Kim Định không làm chính trị nhưng quan tâm đến chính sự cho nên ngài tổ chức Quốc Dân Đại Hội để đoàn kết người Việt hải ngoại, hô hào trở về Việt Đạo làm nền tảng cho việc cứu quốc và dựng nước. Linh Mục Phạm Quang Thụ viết *“Tâm hồn thầy Kim Định vô cùng bao dung khoan hòa. Thầy chỉ khích lệ và chân thành nâng đỡ, không hề có sự chỉ trích lên án* (một số anh chị em An Việt chuyển qua thiên định và giúp nhau cộng tu phương tiện theo đường lối của Ni Sư Thanh Hải. Nhóm đó số đông theo đạo Công Giáo). *Nhiều Linh Mục Tu Sĩ e ngại người tiến bộ quá đã ngần ngại không dám thân thiện với Thầy ... Thầy ca tụng hết lời anh em Phật Giáo Hòa Hảo. Thầy nắm bắt được tư tưởng chủ yếu của Đạo là “Học Phật, Tu Nhân” và thuyết Tứ Ân: “1. Ân tổ tiên cha mẹ. 2. Ân đất nước. 3. Ân Tam bảo. 4. Ân đồng bào nhân loại. (Xin đọc bài của Kim Định: “Vài suy nghĩ về Phật Giáo Hòa Hảo”, từ trang 699 – 706 trong “Phật Giáo Hòa Hảo Trong Giòng Lịch Sử Dân Tộc” của Nguyễn Long Thành Nam (Đuốc Từ Bi 1991).*

Nữ Sĩ Huệ Thu cũng viết: *“Điều rất ngộ Ngài là một Linh Mục Thiên Chúa nhưng rất được lòng giới tu hành Phật Giáo. Việc ngài được mời giảng dạy tại Đại Học Vạn Hạnh, cho thấy ngài là người có tinh thần và thiện chí hòa đồng. Chưa hết, sách của ngài còn được nhà xuất bản An Tiêm lãnh phần in ấn nữa. Chính nhà xuất bản An Tiêm đã đăng báo Bách Khoa giới thiệu ngài rất hậu hĩ.”*

Những khuôn mặt nổi bật của giai đoạn đầu An Việt là Chị HUỆ THU, anh Trưởng Tràng TRẦN QUÍ MINH và anh Phó Tràng là NGUYỄN BÌNH DUY, Ở New Orleans là Trần Huy Vân (bút hiệu Vương Kỳ Sơn) Portland Trương Như Thường. Florida Vũ Văn Phiên. Ở Houston là Nguyễn Duy Quang, Trần Việt Văn và bao nhiêu anh chị em khác.

Tôi không lạ gì phong trào An Việt và việc tìm về văn hóa Việt Nam giai đoạn này phát triển rầm rộ vì từ năm 1975 đến giờ (1988) đồng bào ta ở tại Hoa Kỳ đã tạm ổn định, những huyệt hăng về văn hóa đã hiện rõ: chúng ta bị búng ra khỏi bầu khí văn hóa tại quê nhà, những đau thương do cuộc đời đã tạm lắng đọng, người Việt cảm thấy thiếu thốn một cái gì cần phải làm để duy trì gốc Việt đã bị trốc, phải dựng lại để có căn bản giáo dục con cái, các thế hệ sau. Phong trào này lại được thúc đẩy bởi một giáo sư đại học có tâm cỡ, làm thay cho Bộ Giáo Dục hay Bộ Thanh Niên khi đất nước còn trong tay một Chính Phủ do dân bầu thực sự, nay mất nước rồi mọi người phải tự làm lấy, nhất là các người có một vốn liếng nào đó, tự cảm thấy mình “Quốc Gia Hưng Vong, thất phu hữu trách”. Xin xem:

- a. Tin thư An Việt số 42 ngày 23.8.1989 thầy báo tin anh em An Việt – Việt Linh như sau (2 trang).
- b. Bản tin Việt Linh về Quốc Dân Đại Hội 7.10.1989

- c. Thông cáo chung 18.10.1989
- d. Thư mời “Đại Lễ Quốc Tổ Hùng Vương”
 “ Phát Huy Tinh Thần Hội Nghị Diên Hồng” (31.3.1990)
- e. Anh Trương Bồn Tài ra tập san “*Sống Như Chơi*” được 5 số: số 1 ngày 1.4.1990 số 5 ngày 16.2.1991.

Sau đó Kim Định đi Toronto Canada tham dự Hội Nghị lần thứ 33 Triết Học Á Châu và Bắc Phi với bài tham luận “*Tôn Giáo Và Ý Hệ Tại Việt Nam*”. Rồi cũng trong thời điểm triệu tập Quốc Dân Đại Hội này, Kim Định đã viết 2 bài mạnh mẽ: “*Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam: Nghĩa Vụ Đối Với Dân Tộc*” – “*Tôn Giáo Với Việc Phục Việt*” đăng trong “*Chứng Nhân Công Giáo*”, tháng 4 và tháng 5 năm 1989. Hai bài khác là “*Cứu Quốc*” và “*Việt Linh Và Các Tôn Giáo*”. (Xin đọc thêm ở www.vietcatholic.net/kimdinh)

Nội dung Kim Định phân tích mới có Công Giáo chứ chưa có Việt Nam ; mới có một vai Thiên Chúa, chưa có vai Tổ Quốc. Đối với các tôn giáo ngài kêu gọi cùng nhau đưa ra một mô thức đoàn kết dân tộc gồm 2 điểm là học hỏi về văn hóa dân tộc hai là tích cực góp tiền của để làm điểm tụ vật chất thay cho quê mẹ mà tạm thời chúng ta phải xa cách.

Sau đó Luật Sư Phạm Nam Sách đã góp ý với Kim Định trong bài “*Đặt Vấn Đề Ý Thức Trách Nhiệm Đối Với Quốc Gia Của Quốc Dân*” đăng trong báo Ngày Nay Houston số 191 ngày 1.10.89 và đặc biệt Lê Trọng Văn đã viết nguyên một cuốn sách mang tên “*Lột Mặt Nạ Những Con Thò Lò Chính Trị*”: Cao Thế Dung, Nguyễn Văn Chức, Nhị Lang, Trần Văn Dĩnh, Cao Văn Luận, Lương Kim Định. NXB Mẹ Việt Nam 1992. Sách dày 456 trang. Kim Định từ trang 335 đến trang 455 lên án Kim Định “*phủ nhận lịch sử, sửa lại cổ sử Việt Nam, mưu đồ chạy tội bán nước của Giáo Hội Thiên Chúa Việt Nam từ mấy thế kỷ trước cho tới nay*” (dòng 1, trang 336). Riêng về “*hai tổ chức An Việt và Việt Linh đã rập khuôn theo phương thức của cơ quan tình báo P2 của Tòa Thánh Vatican, mà trước đây Ngô Đình Nhu đã mô phỏng để tổ chức đảng Cần Lao Thiên Chúa Giáo*” (dòng 3 trang 428). Tôi xin miễn viết thêm vì ai đã đọc Kim Định đều nhận thấy trên 30 sách đã viết về dân tộc không hề có chút chi là tôn giáo chứ đừng nói đến Công giáo. Ngay danh xưng, Kim Định luôn mong muốn người ta gọi mình là Giáo Sư hay Triết Gia chứ không muốn được gọi là Linh Mục. Còn các sinh viên, môn sinh của ngài luôn dùng từ Thầy Kim Định rất gần gũi, dần dị và thân thương !

Hồi Bác Sĩ Trần Kim Tuyền còn sống ở Cambridge (*Bác Sĩ Tuyền là trưởng cơ quan mật vụ (CIA Việt Nam) hồi đó gọi là Phòng Nghiên Cứu Chính Trị Phủ Tổng Thống*) tôi thường đến chơi với Bác Sĩ Tuyền, có lần tôi hỏi ông, Bác Sĩ

có biết Lê Trọng Văn là ai không. Ông nói: Văn là một tên cộng sản nằm vùng, bị ông Ngô Đình Nhu truy nã nên đã chạy sang Lào hay Thái trốn tránh.

Giai đoạn phục hồi văn hóa Việt qua các tổ chức An Việt và qua việc Kim Định đi bốn bể năm châu thúc đẩy các cộng đồng tị nạn Việt Nam học tập, giữ gìn, phát huy Việt Đạo. Giáo Sư Trần Văn Đoàn đã không ngần ngại khẳng định tại Viện Triết Học, Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Hà Nội ngày 18.1.1997 rằng *“Kim Định vượt xa Trần Đức Thảo trong lãnh vực suy tư và trong tinh thần ái quốc cũng như sự nhiệt tâm của Kẻ Sĩ”*

Từ ngày 25 tháng 7 đến Chủ Nhật 29 tháng 7 năm 1990 tôi tổ chức Đại Hội An Việt Toàn Cầu và Trại Hè Thanh Niên Âu Châu tại Đại Học WARWICK ở Coventry Birmingham dưới sự chủ trì của Triết Gia Kim Định, Bác Sĩ Trần Đại Sỹ, (Pháp) và Giáo Sư Phạm Việt Tuyền (Strasbourg) cùng với 150 các em học sinh và sinh viên Việt Nam. Phái đoàn Mỹ, ngoài Thầy Kim Định còn có Gs Như Thường Trương Bốn Tài và một số anh chị em sinh viên khác. Trong 5 ngày ở nội trú và hội thảo các em học sinh và sinh viên tại Anh đã được thầy Kim Định, Bác Sĩ Trần Đại Sỹ và Giáo Sư Phạm Việt Tuyền hướng dẫn về văn hóa Việt Nam, anh Trương Như Thường và 2 cô Sinh Viên từ Mỹ hướng dẫn sinh hoạt, lửa trại, thăm các thắng cảnh địa phương, sinh hoạt văn nghệ. Thật là một tuần lễ đáng ghi nhớ mãi trong đời.

Từ ngày 13 đến 19 tháng 7 năm 1991, Anh Lê Hùng và tôi tổ chức Đại Hội An Việt Toàn Cầu và trại hè Thanh Niên Âu Châu tại Vương Quốc Bỉ được sự trợ giúp của Bộ Văn Hóa Pháp Ngữ tại Bỉ. Đại Hội được tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Marcel Hicter. Tôi đem từ Anh sang một xe đồ lớn các học sinh Sinh Viên và nhờ anh Lê Hùng in áo thun có huy hiệu An Việt. Từ Mỹ qua có Thượng Tọa Thích Giác Lượng, Phó Chủ Tịch An Việt anh Như Thường Trương Bốn Tài và một số sinh viên khác từ Mỹ, Bên Pháp có Bác Sĩ Trần Đại Sỹ, Kỹ Sư Phạm Anh Dũng, một số từ Hòa Lan, Đức. Hướng dẫn hội thảo và sinh hoạt là Bác Sĩ Trần Đại Sỹ, Trương Bốn Tài. Văn Nghệ Thể Thao là Tôn Trung Cang Anh Quốc.

Thầy Kim Định không sang được dịp này. Tôi không biết tại sao, không ai nói. Sau này mới được tin thầy bị bệnh. Nhiều nguồn tin khác nhau về sự đột quỵ của Thầy. Thầy viết cho tôi 2 lần báo hung tin này, tin càng ngày càng xấu và những tin tức trái ngược nhau.

Thư tôi nhận được lần đầu còn đọc được (không đề ngày, có nhiều chữ khó đọc, xin các bạn xem bản chính lá thư và hiểu giúp). Vài thư sau càng khó đọc và đứt quãng một thời gian tôi không nhận được gì nữa, cũng không biết thầy ở đâu. Tôi đọc bức thư đầu tiên như sau:

“Thành thân yêu,

Đang nằm khóc cho vận nước thì được thư Thành lòng mừng khắp khởi may nhờ có Thành mà An Việt còn ghi lại được một kỷ niệm to lớn ở một nước mà cho tới nay ai cũng thấy là khó khăn vậy mà An Việt đã lập được cơ sở có nền tảng.

(Ghi chú thêm về điểm này: An Việt Anh Quốc có 3 dự án: (1) An Viet Foundation, lo về Văn Hóa xã Hội, có một trụ sở lớn ở London (2) – An Viet Housing Association, một hội gia cư đầu tiên được chính phủ Anh tài trợ, trong 3 năm đầu đã xây được gần 200 đơn vị gia cư cho thuê nhà giá rẻ theo tiêu chuẩn của Chính Phủ Anh (3) – Viện Nghiên Cứu Việt Nho và Đông Nam Á với một thư viện đang xây dựng với khoảng 5-7 ngàn sách chuyên biệt về thời tiền sử Tàu Việt, Đông Nam Á với mong muốn trở thành một Ban, Ngành của Đại Học, giúp các sinh viên hậu Đại Học viết luận án về Việt Nam, và Đông Nam Á). Thư Kim Định tiếp tục viết:

Chương trình tôi làm to lớn lắm không biết trời có cho sống để hoạt động không. Nó sẽ bao gồm cả toàn cầu. Mỗi năm mời đồng bào về nước thăm hoạch định chương trình tiến mãi ở Đại Học Thái Bình Minh Triết.

Bệnh tôi bây giờ nó đứng đó. Nhờ ngoại môn chữa thần kinh mà bệnh tê liệt không lan rộng. Tôi đã..... gần nửa năm nay đi chống gậy. thì sẽ khỏi và cầm cự được ít lâu cho đến hết tháng tám âm lịch mới khỏi. Nếu thực sự Thì ... 1 tập sách nhỏ hướng dẫn người đọc Việt Nho. ... tài liệu mà Thành cho biết ... gián điệp Pháp thì do tên Việt Minh (tên gì quên rồi biên lại cho nhé). Bây giờ ngoài Bắc cho tiền tụi đóm điếu in thành sách “Lột Mặt Nạ” nhưng chưa phổ biến rộng mà đã Kim Định... Nhưng xem đóchỉ tại một số cán bộ vào nam gặp rồi cố lòng mua cho đủ bộ. Về đọc rồi phản mà tại sao Đảng ta không sản xuất được một người văn hóa lớn như thế này nênhạ Kim Định đến đất đen.

Vẫn hy vọng trời cho khỏe để viết tập Viết xong thì gửi cho Thành. Đã có chữ quốc ngữ.....

Viết nhiều sợ không đọc được. Chữ bây giờ như vậy đây.

Thành cứ kiên tâm giữ vững An Việt London sẽ kể là trung tâm An Việt Âu Châu. Mai ngày nó sẽ tồn tại mãi với non sông đất nước nhé.”

Tới đầu tháng 5 tôi được tin thầy về dưỡng bệnh tại Dòng Đồng Công ở Carthage, Missouri. Tôi đã điện thoại 2 lần để hỏi thăm thầy. Thầy nghẹn ngào không nói được gì. Sau đó nhà Dòng Đồng Công không cho điện thoại liên lạc từ bên ngoài vào nữa. Tôi chỉ biết tưởng nhớ và cầu nguyện cho ngài.

Tới đầu năm 1995, tôi nhận được thư của anh Vương Kỳ Sơn (15.3.1995) đính kèm dự án tái bản bộ Triết Lý An Vi và Việt Nho trong thư ngày 1 tháng 2 năm 1995 anh gửi cho Kim Định (xin xem thư đính kèm) và một thư soạn sẵn đứng

tên tôi bằng Anh Ngữ đề An Việt Foundation in England, ngày 15.7.1995 yêu cầu tôi gửi cho thầy Kim Định để thầy ký tên nhượng quyền tái bản toàn bộ sách Kim Định cho Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam của anh. Anh Sơn cũng gửi tôi thư của Thầy Kim Định đề ngày 15.3.1996, anh nói không đọc được. Tôi đọc được ít chữ thế này:

“ Sơn người mượn quyền Chữ Thời và ... Cửa Không. Muốn làm như dự án thì anh phải là người để tôi nói cho biết tại sao anh đưa ra dự án sai quấy . Nếu anh làm như thế thì cánh Houston họ sẽ đưa ra Tòa bắt bồi thường”

(Tôi xin cắt đoạn sau của thư này).

Qua thủ bút cuối đời này chúng ta biết rõ rằng bản quyền pháp lý các tác phẩm của Kim Định là do An Việt Houston nắm giữ. Tôi cũng nghĩ rằng anh Nguyễn Duy Quang bảo quản tất cả các văn bản pháp lý này với thầy Kim Định.

Nhận được những tài liệu trên của anh Vương Kỳ Sơn, tôi không dám gửi cho Thầy Kim Định vì biết rằng thầy sẽ không chấp thuận. Đặc biệt sửa lại sách của Thầy theo lối hàn lâm như làm footnotes và làm Index. Tôi biết thầy rất ghét lối hàn lâm vì sách của thầy là những suy tư triết lý, diễn tả *VIỆT ĐẠO* phải như dòng suối tâm linh chảy ra, của tâm hồn chứ không phải của lý trí phân tích lý luận suông, tầm chương trích cú... Thứ hai, về tác quyền, anh đề nghị tác giả được 100 sách mỗi khi một quyển được tái bản. Trời ơi, Kim Định có bao giờ để ý đến tiền bạc đâu. Ngay cách ăn mặc của cụ cũng nhất bộ áo dài. Mấy ngày ở với tôi ở Anh, tôi thấy cái áo cụ mặc rất cũ kĩ, tôi hỏi cụ, cụ bảo đã mặc từ hồi ở Pháp kia đấy, mấy chục năm mà vẫn chưa rách. Tôi hỏi về nấu ăn, cụ bảo cháu nó cứ kho cho một nồi cá, ăn cả tuần với rau trong tủ lạnh, nước mắm sẵn đó là thơm tất lắm rồi. Cơm có nồi điện nấu rất dễ, ăn được mấy ngày. Bên Mỹ ai cũng làm quần quật ngày đêm, chẳng ai có thì giờ để lo nấu nướng. Mình cũng phải tự túc như vậy.

Viết sách thì cụ cứ nằm ở giường lúc nào tỉnh thì đọc hay viết. Lúc buồn ngủ thì thiếp đi. Tỉnh dậy lại viết. Giấy cụ dùng là tờ A4 cắt làm tư để viết, để soạn bài đi dạy. Sau khi giảng cho Sinh Viên thì cứ để vậy đưa cho tôi chuyển cho ban đại diện sinh viên đánh máy bán bài cho sinh viên hay đưa cho nhà in Ra Khơi sắp chữ in sách. Ở Đại Học Văn Khoa hồi đó, anh em sinh viên thường gọi đùa anh Đỗ Ngọc Yên (khi sang Mỹ làm Chủ Nhiệm báo Người Việt) và anh Bùi Hồng Sĩ là “lái cua” (in bài của các giáo sư bán cho sinh viên lấy tiền điều hành Tổng Hội Sinh Viên).

Năm vừa qua, tôi bỏ tiền nhờ bên Việt Nam đánh máy lại toàn bộ sách Kim Định với hy vọng được bỏ lên trang mạng An Việt cho mọi người đọc hoặc sau này in KIM ĐỊNH TOÀN TẬP. Người đánh máy nói anh Vũ Linh ở San Jose Hoa Kỳ muốn xin một bản. Tôi trả lời, hãy đợi để đọc lại, sửa chữa lỗi đánh máy và đưa hình, chữ Nho vào cho hoàn chỉnh rồi phổ biến cho năm châu bốn

biển cùng đọc chứ giữ độc quyền phổ biến làm gì. Ít lâu sau thấy những sách tôi nhờ đánh máy, đã xuất hiện trên trang DUNGLAC.NET. Anh Nguyễn Duy Quang hỏi còn sống rất bức, nói với tôi rằng, Kim Định đã nhượng bán quyền cho An Việt Houston in và phát hành các sách Kim Định. Các sách đã in cũng đã đăng ký với Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, Dũng Lạc không được phồng tay trên như vậy. Anh Quang sẽ kiện ra Tòa. Tôi năn nỉ xin anh Quang bỏ qua vì mục tiêu của An Việt là phổ biến Tư Tưởng Kim Định. Dũng Lạc phổ biến trước cũng không sao.

Tôi nhớ lại sau ngày 30.4.1975 có dịp về miền quê xa xôi tại miền Nam, có lần đi thăm bạn bè, người quen vùng kinh tế mới, những lần đi tìm đường vượt biên ở Vũng Tàu Bà Rịa, Phan Thiết, Rạch Giá, Cà Mau ... Lúc uống rượu uống trà, lúc nói về văn hóa, có người tiết lộ cho tôi biết, họ đã cất giữ kỹ lưỡng một số sách của Kim Định coi như gia bảo của mình. Có người đi mượn của bạn về chép tay để nghiên ngẫm. Tôi thật sửng sốt vì tư tưởng Kim Định đã đến cả với đa số thâm lặng, đến cả những nơi vùng sâu vùng xa.

Sau khi đến được Anh Quốc năm 1979, vợ con tôi còn ở lại Việt Nam, tôi đã nói gia đình gửi toàn bộ sách Kim Định cho tôi, lúc đó khoảng năm 1982. May mắn thay, khi kiểm duyệt, mấy nhân viên bưu điện đã “xin” mấy cuốn đề tài dễ hiểu, nhưng toàn bộ sách Kim Định họ cho đi. Ít lâu sau tôi nhận được đầy đủ. Thật là một món quà vô giá cho tôi.

5. LỄ AN TÁNG THẦY KIM ĐỊNH

Thầy Kim Định mất ngày 25.3.1997 tại nhà dòng Dòng Công. Anh Nguyễn Duy Quang và Vũ Linh báo tin tôi biết và sau đó gửi cho tôi một số tấm hình đám tang. Tôi buồn rầu tiếc nuối một nhà văn hóa lớn đã ra đi, một người thầy đã để cả đời cho dân tộc. Nhớ lại khi đọc Nguyễn Hiến Lê, tôi thấy ông không bao giờ ca tụng ai, thế mà ông đã viết ở đâu đó rằng, *Kim Định là người yêu nước nhiệt tình nhất.*

Vĩnh biệt xác thân nhỏ bé của người thầy yêu quý. Nguyên linh hồn thầy phù trợ An Việt, phù trợ Việt Đạo cho ngày càng xiển dương khắp mọi miền đất nước để muôn dân đạt tới Thái Hòa.

Tôi cũng được nghe nói khi Thầy Kim Định sắp lìa trần, thầy có gửi Giáo Sư Linh Mục Phan Đình Cho và Giáo Sư Trần Văn Đoàn 5 ngàn Mỹ kim để tóm lược bộ triết lý An Vi và dịch ra Anh Ngữ. Tôi đã nói chuyện điện thoại với hai vị Giáo Sư này đề hỏi về việc ấy nhưng được trả lời chưa làm được. Nhân dịp cha Phan Đình Cho đi Bỉ, tôi bận công việc thành phố vì mới đắc cử Nghị Viên London năm 2002 không thể qua Bỉ gặp Giáo Sư Linh Mục PĐ Cho được. Tôi đã nhờ anh Lê Hùng gặp ngài, nhưng cũng không có tin gì mới. Trong thư mời Đại Hội An Việt Toàn Cầu ngày 29.5.2003 anh Nguyễn Duy Quang cũng nhắc đến việc này trong thư mời. (Xin xem tài liệu số 20 đính kèm).

Khi đã ủy thác việc này cho 2 vị Tiến Sĩ uyên bác thông thạo ngôn ngữ và tư tưởng Đông Tây vào bậc nhất, thầy hy vọng tư tưởng của thầy sẽ tới được thế hệ thứ hai để tiếp tục khai phá, vun trồng Gốc Việt và Đạo Việt mà thầy đã đề cả đời gầy dựng. Mong lắm thay.

6. KẾT LUẬN

Thầy Kim Định đã ra đi đúng 10 năm. An Việt cùng với thời gian yếu dần đi trong số đó, mất mát lớn lao nhất là mất hai chiến sĩ nhiệt tình:

- Anh Nguyễn Duy Quang (HoustonTexas)
- Anh Trần Việt Văn (HoustonTexas)

Một số anh em khác về già, đi vào An Vi Thiên Định, không hoạt động gì nữa. Năm 2003 anh em bốn bề năm châu đã họp lại tại nhà anh Trần Quý Minh ở Florida bầu anh Minh làm Tộc Trưởng. Gia đình An Việt Anh Quốc anh Vũ Khánh Thành làm trưởng gia đình thường trực. Đã có Hiến Chương Văn Lễ. Dự định năm 2006 họp Đại Hội bầu văn phòng thường trực mới nhưng năm 2006 lại có Đại Hội văn hóa tại Úc, nhiều anh chị em tham dự Đại Hội này nên không tổ chức được. Trong 10 năm qua An Việt Houston đã tái bản nhiều sách của Kim Định, ra mắt một số hoạt động của anh chị em An Việt, ra báo Xuân, đặc san các ngày giỗ Thầy.... Đáng kể nhất là cuốn YÊU MẾN AN VI của chị Đông Lan. Nội dung đúc kết tinh hoa 32 tác phẩm An Vi của Kim Định về Chủ Đạo Việt, xuất bản năm 2004 và chị đã thực hiện chương trình “Tìm hiểu triết Việt” trên đài Little Saigon tại Houston để phổ biến An Vi và Việt Nho. Sau đó An Việt Houston tiếp tục chương trình phát thanh với anh Nguyễn Kim Luân.

Từ tháng 3 – 2006 đến hiện tại Chị Đông Lan lại thực hiện chương trình “Yêu mến An Vi” trên đài Tiếng Nước Tôi tại Houston và phát thanh lại tại khắp nơi trên thế giới với sự cộng tác của anh Lê Việt Thường (Lê Xuân Lộc) Úc Châu.

Một trang Web của An Việt Toàn Cầu đã được sửa lại và ra mắt ngày 25.3.2007 hôm nay, đánh dấu 10 năm ngày giỗ Kim Định. Trang Web này chuyên viết hoặc sưu tầm các bài chuyên về Nguồn Gốc Dân Tộc và Triết Lý An Vi hay Triết Việt, Đạo Việt nói chung. Trong thời gian thử nghiệm từ tháng 1/07 đến đầu tháng 3 (tròn ba tháng) số người vào trang web đã lên đến 12 ngàn người. Điều này chứng tỏ nhu cầu tìm về Cội Nguồn Dân Tộc và Minh Triết Việt có cơ sở vững chắc được đón nhận.

Một Viện Nghiên Cứu về Việt Nho và Đông Nam Á cũng đang hình thành tại Anh Quốc. với hy vọng trở thành một ban ngành của Đại Học, giúp các sinh viên hậu đại học viết luận văn Cao Học hay Tiến Sĩ về Việt Nam. Cái khó khăn của Viện hiện nay là có thư mục sách đúng đường để tìm mua. Thư viện đã mua được khoảng 2000 cuốn (tiếng Anh Pháp. Một số ít tiếng Việt, tiếng Hoa, tiếng Đức). Mong các bậc thức giả giúp đỡ giới thiệu sách cần mua.

Chúng ta vui mừng được thêm một số thân hữu yêu mến Triết Lý An Vi và Việt Nho từ trong nước lẫn hải ngoại cùng nhau đưa Đạo Việt và Nguồn Gốc Dân Việt chiếu rạng năm châu bốn biển,

Nhiều công trình lớn khác đặc biệt của Hùng Việt và Việt Nhân đã san định lại Tư Tưởng Kim Định thành những cuốn sách lớn như:

- Đi Tìm Tư Tưởng Tiên Nhân
- Việt Nho
- Triết Lý Thái Hòa của Việt Tộc

Bộ Quốc Văn Giáo Khoa cũng đang được quý Anh Trần Quý Minh, chị Đông Lan và một vài anh chị em khác đang cố công hình thành.

Tại Anh Quốc, “*An Việt, nguyệt san văn hóa, thông tin, nghị luận, cơ quan truyền bá triết lý An Vi*” báo ra đời đã được 11 năm, số đầu tiên tháng 10 năm 1994, tới nay (tháng 3 – 2007) đã ra được 139 số. Mỗi số cố định 36 trang A4. Báo có 2 phần: phần một là các bài về Việt Nho và An Vi, phần 2 là thông tin nghị luận, lấy lại một phần nguyệt san Thông Luận tại Pháp và các bài thời sự chính trị xã hội trên các trang mạng Web. Tôi không dám gọi là báo vì thực ra phần thông tin nghị luận là cắt dán để đáp ứng nhu cầu ở Anh Quốc không có báo chuyên ngành về văn hóa và thời sự chính trị, xã hội mà chỉ có mấy tờ của Công Giáo (tên là *Mục Vụ*, nay đổi là *Sống* – nguyệt san), tờ của Phật Giáo (*Hải Triều Âm*), *Thế Kỷ Mới*, *Hồn Việt*, ra 3 tháng một lần. Mới đây có thêm tờ *Tri Thức Việt*, nguyệt san, in rất đẹp tại Trung Quốc, phát hành tại London và Âu Châu, tin tức phổ thông dễ đọc cho quần chúng.

Cuối cùng từ 3 năm qua, anh em An Việt khắp nơi và Nhóm An Vi, nhóm Việt Học San Jose đã cộng tác với các hội đoàn văn hóa, tập san Tư Tưởng tại Úc của Cố Luật Sư Cung Đình Thanh, tổ chức Đại Hội Văn Hóa. Năm 2004 và 2005 tổ chức tại San Jose Hoa Kỳ. Năm 2006 tổ chức tại Úc. Năm 2007 dự trù tại NamCali. Đó là những sáng kiến rất hay, những việc làm cần thiết.

Một việc rất quan trọng mà bất cứ ai trong chúng tôi cũng quan tâm là làm sao cô đọng học thuyết Kim Định lại được, đưa những dẫn chứng khoa học mới khám phá ra mà thời Kim Định chưa biết sau đó dịch ra anh Anh ngữ. Đó là phần Việt Nho. Phần triết lý An Vi chúng ta đã có cuốn sách của Đông Lan để truyền lại di sản tinh thần cho các thế hệ sau tiếp tục con đường của Kim Định đã vạch ra rồi mỗi ngày mỗi bổ sung thêm những khám phá mới của khoa học. Làm thế nào có giới trẻ kế nghiệp ... Rất tiếc chúng tôi chưa tìm ra câu trả lời !!!

Tôi cũng báo tin thêm là Đại Học Oxford với Tiến Sĩ Stephen Openheimer và Đại Học Leeds với Giáo Sư Tiến Sĩ Martin Richards (Trưởng Khoa Biological Sciences, Giáo Sư Michael Hitchcock, Khoa Trưởng Khoa Văn Hóa và Du Lịch

London Metropolitan University, người đã sống ở Indo, Malay ... để nghiên cứu về người Đông Nam Á hàng chục năm và cựu Tiến Sĩ Ian Glovers Đại Học UCL (đã nghỉ hưu.) Các vị này đang hợp lực để nghiên cứu toàn bộ về nguồn gốc các dân tộc trên thế giới. Những công trình đó sẽ được ra mắt không lâu, sẽ làm rõ thêm tư tưởng Kim Định. Bôn Giáo Sư nêu trên đang cùng giúp An Việt Anh Quốc trong việc hình thành Viện Nghiên Cứu Việt Nho và Đông Nam Á tại London và tổ chức Hội Nghị Thế Giới về Nguồn Gốc Bách Việt và Đông Nam Á vào năm 2008 .

Toi xin chấm dứt phần tổng kết về cuộc đời thầy Kim Định và An Việt nhân dịp lễ giỗ lần thứ 10 thầy Kim Định ở đây. Xin chân thành cảm ơn tất cả quý vị xa gần.

VŨ KHÁNH THÀNH

An Việt Vương Quốc Anh

anvietuk@aol.com

Nguồn: <http://minhtrietviet.net/hanh-trinh-kim-dinh-va-an-viet/>

www.vietnamvanhien.org



vietnamvanhien.net